

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG
TỈNH ĐẮK NÔNG
LỚP 9**

KÍ HIỆU DÙNG TRONG SÁCH



Khởi động

Là thông tin, hình ảnh, câu hỏi liên quan đến nội dung bài học nhằm tạo hứng thú cho các em.



Khám phá

Thông qua kênh hình và kênh chữ giúp các em khai thác, tiếp nhận kiến thức mới.



Luyện tập

Bao gồm các câu hỏi, bài tập giúp các em củng cố kiến thức, hình thành các kỹ năng.



Vận dụng

Gồm các câu hỏi, bài tập để các em vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để đánh giá, giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan đến bài học.

LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh thân mến!

Giáo dục địa phương tỉnh Đắk Nông - Lớp 9 được biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, nhằm đem đến cho các em những vấn đề cơ bản về địa lí, lịch sử, văn hóa, kinh tế, hoạt động hướng nghiệp của địa phương. Trong đó, vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, văn học, nghệ thuật được đặc biệt nhấn mạnh.

Tài liệu này còn cung cấp cho các em một số kiến thức về các làng nghề truyền thống, tình hình lao động và việc làm ở địa phương hiện nay... giúp các em có thêm hành trang trong tương lai.

Ban biên soạn xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các tác giả mà chúng tôi sử dụng nguồn, các nhà khoa học đã có nhiều ý kiến đóng góp để Ban biên soạn hoàn thành cuốn sách này.

Rất mong nhận được ý kiến đóng góp của quý thầy cô giáo, các em học sinh và bạn đọc để tài liệu được hoàn thiện hơn.

Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	3
CHỦ ĐỀ 1. ĐẮK NÔNG TỪ NĂM 1918 ĐẾN NAY	5
Bài 1. Khái quát phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở Đắk Nông từ năm 1918 đến năm 1945	5
Bài 2. Phong trào cách mạng ở Đắk Nông từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến 1954	11
Bài 3. Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của Nhân dân tỉnh Đắk Nông (từ tháng 8-1954 đến tháng 4-1975)	14
Bài 4. Đắk Nông từ năm 1975 đến nay	20
CHỦ ĐỀ 2. ĐỊA LÍ KINH TẾ VÀ GIÁ TRỊ KHẢO CỔ CỦA CÔNG VIÊN ĐỊA CHẤT TOÀN CẦU UNESCO ĐẮK NÔNG	25
Bài 1. Các nhân tố chính ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành nông - lâm nghiệp ở tỉnh Đắk Nông	25
Bài 2. Tổng quan về địa lí kinh tế tỉnh Đắk Nông.....	29
Bài 3. Thực trạng phát triển và phân bố ngành nông - lâm nghiệp ở tỉnh Đắk Nông.	35
Bài 4. Tìm hiểu những phát hiện khảo cổ trong Công viên Địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông.....	39
CHỦ ĐỀ 3. VĂN HỌC VIỆT ĐẮK NÔNG THỜI KÌ PHÁT TRIỂN VÀ HỘI NHẬP .	45
.....	45
Bài 1. Văn học Đắk Nông - 20 năm một chặng đường	46
Bài 2. Chuyện ở bon U2	49
Bài 3. Tâm sự với Đắk Nông.....	55
CHỦ ĐỀ 4. LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG Ở TỈNH ĐẮK NÔNG	58
CHỦ ĐỀ 5. ĐẮK NÔNG TRONG EM.....	65
Bài 1. Kiến trúc trong đời sống.....	65
Bài 2. Sáng tạo mô hình một công trình công cộng của thành phố Gia Nghĩa tương lai....	67
Bài 3. Chúng em là đại sứ.....	70
CHỦ ĐỀ 6. TÌNH HÌNH LAO ĐỘNG, VIỆC LÀM VÀ MỘT SỐ MÔ HÌNH NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TẠI TỈNH ĐẮK NÔNG	72
.....	72
CHỦ ĐỀ 7. ĐỜI SỐNG ÂM NHẠC Ở TỈNH ĐẮK NÔNG	80
Bài 1. Hát. <i>Tây Nguyên Tháng ba về</i>	80
Bài 2. Thường thức âm nhạc: Những thành tựu nổi bật của một số nhạc sĩ ở tỉnh Đắk Nông Nghe nhạc: Những tác phẩm tiêu biểu của một số nhạc sĩ ở tỉnh Đắk Nông.....	83
Bài 3. Dàn dựng và biểu diễn bài hát.....	88
Bài 4. Ôn tập chủ đề - Vận dụng sáng tạo	89

CHỦ ĐỀ 1. ĐẮK NÔNG TỪ NĂM 1918 ĐẾN NAY

BÀI 1. KHÁI QUÁT PHONG TRÀO ĐẤU TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC Ở ĐẮK NÔNG TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1945

Yêu cầu cần đạt

- Nêu được những nét chính của phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 - 1930 tại Đắk Nông.
- Mô tả được những nét chủ yếu của phong trào cách mạng giai đoạn 1930 - 1931 và 1936 - 1939 tại Đắk Nông.
- Trình bày được quá trình thành lập các chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tại Đắk Nông.
- Mô tả được tình hình của Nhân dân Đắk Nông trong quá trình tiến tới Tổng khởi nghĩa giành chính quyền.
- Trình bày được diễn biến của Cách mạng tháng Tám năm 1945 tại Đắk Nông.
- Nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945 tại Đắk Nông và đánh giá vai trò của các chi bộ Đảng tại Đắk Nông trong thắng lợi này.



Khởi động

Em hãy quan sát hình 1.1 và cho biết đây là di tích lịch sử nào? Ở đâu? Thông tin về di tích lịch sử này.



Hình 1.1. (Nguồn: Internet)



Khám phá

1. Phong trào cách mạng giai đoạn 1918 - 1930

Trước sự xâm lược và cai trị tàn bạo của thực dân Pháp cùng sự suy yếu của triều đình phong kiến, trong giai đoạn từ năm 1918 đến năm 1930, cùng với cuộc đấu tranh của nhân dân cả nước, dưới sự lãnh đạo của các vị tù trưởng, tộc trưởng, tiếng súng chiến đấu của đồng bào các dân tộc M'Nông trên cao nguyên M'Nông đã diễn ra liên tục. Tiêu biểu là hai cuộc chiến đấu do N'Trang Gưh và N'Trang Long lãnh đạo. Các thế hệ người M'Nông, S'Tiêng, Ê Đê, Mạ, Chăm, Kinh, K'Ho... ở Đắk Nông nối tiếp nhau đứng lên chiến đấu chống thực dân Pháp xâm lược và bè lũ tay sai.

Phong trào đấu tranh chống bắt phu, bắt trâu¹, chống nộp thuế, nộp sản vật,... đã diễn ra sôi nổi.

¹ “bắt trâu”: Thực dân Pháp bắt đồng bào ta đi làm phục dịch không công cho chúng.

Cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp của đồng bào các dân tộc trên cao nguyên M'Nông diễn ra bền bỉ, dũng cảm nhưng từng bước bị thực dân Pháp đàn áp. Tuy nhiên, các phong trào đấu tranh là biểu tượng của tinh thần yêu nước và tinh thần đoàn kết chiến đấu của đồng bào các dân tộc ở Đăk Nong. Đây cũng là tiền đề để phát triển phong trào đấu tranh cách mạng của đồng bào Đăk Nong dưới sự lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn tiếp theo.



Em hãy trình bày những nét chính của phong trào cách mạng giai đoạn 1918 - 1930 tại Đăk Nong.

2. Phong trào cách mạng giai đoạn 1930 - 1931 và 1936 - 1939 tại Đăk Nong

2.1. Chính sách áp bức, bóc lột của thực dân Pháp

Cũng như ở Tây Nguyên, sau khi áp đặt được ách thống trị ở Đăk Nong, thực dân Pháp bắt tay vào thực thi chính sách cai trị, áp bức, bóc lột.

Về kinh tế, Pháp đã thực hiện một cuộc cải cách chế độ thuế thân và chế độ sưu có sẵn. Chúng tiến hành hủy bỏ chế độ thu thuế và hiện vật của triều đình nhà Nguyễn, thay vào đó là chế độ thu thuế bằng tiền, với nhiều thứ thuế vô lý như thuế trâu, thuế voi, thuế đàn ông, thuế đàn bà; bắt dân đi phu làm đường 14, khai hoang lập đồn điền, làm sở trà không công cho bọn chủ Pháp. Những chính sách ấy đã trở thành một trong những xiềng xích cột chân người dân miền núi Đăk Nong vào các đồn điền, công trình làm đường sá và đồn bót của bọn thực dân, dẫn đến cảnh nghèo đói, lạc hậu, bệnh tật và dân số ngày càng giảm.

Về quân sự, âm mưu của Pháp là thành lập những lực lượng vũ trang người bản địa miền núi (lính khố xanh), dùng làm công cụ đàn áp phong trào cách mạng và làm bia đỡ đạn cho chúng khi chiến tranh xảy ra.

Chính quyền thực dân xây dựng một hệ thống đồn bót ở các quận, huyện, thị xã, những nơi hiểm yếu và ở các đầu mối giao thông quan trọng. Xung quanh Cao nguyên M'Nong, chúng xây các đồn như đồn Di Linh, Đăk Mil, Bu Mêra (còn gọi là đồn Hăng Ri Mét),... Một mặt, thực dân Pháp thẳng tay dùng vũ lực đàn áp đồng bào các dân tộc; mặt khác, chúng dùng chính sách mua chuộc, lôi kéo một số tộc trưởng, tù trưởng để khống chế dân chúng.

Để thực hiện kế hoạch bình định nhanh chóng Tây Nguyên, từ những năm 1930, thực dân Pháp tập trung lực lượng quân sự tiến công đàn áp phong trào đấu tranh của đồng bào các dân tộc. Chúng tổ chức nhiều cuộc càn quét quy mô lớn với sự yểm trợ của máy bay, pháo binh đồng thời thực hiện chính sách “đốt sạch, giết sạch, phá sạch” nhằm dập tắt cuộc khởi nghĩa.

Chúng dùng ngục quân, ngục quyền đàn áp, khủng bố các cuộc đấu tranh của công nhân các đồn điền, tù chính trị trong nhà đày Buôn Ma Thuột và các trại giam.

Về chính trị, thực dân Pháp thi hành chính sách “chia để trị”, chúng lập chế độ “trực trị”, tách Tây Nguyên ra khỏi sự quản lý của triều đình nhà Nguyễn, dùng quân đội và bộ máy hành chính của Pháp trực tiếp cai trị đồng bào Tây Nguyên. Cùng với “chia để trị”, thực dân Pháp còn thực thi chính sách “đóng cửa”, hạn chế đến mức tối thiểu việc đưa người Kinh, người Khmer, người Lào vào Tây Nguyên; chia rẽ, cô lập giữa đồng bào dân tộc với nhân dân từ nơi khác tới, chia rẽ sâu sắc giữa đồng bào các

dân tộc Tây Nguyên; chúng kích động tư tưởng bài Kinh, gây sự thù hằn giữa các dân tộc, bắt dân tộc này đi lính để đàn áp dân tộc kia.

Để đàn áp và khủng bố phong trào đấu tranh cách mạng của đồng bào các dân tộc và những vùng cách mạng ở Trung Kỳ, chính quyền thuộc địa tập trung xây dựng và cải tạo nhà tù, trại giam ở Tây Nguyên.

Đầu năm 1930, để tiêu diệt lực lượng cách mạng đang phát triển, chính quyền thực dân đã tiến hành xây dựng hệ thống nhà tù, trại giam với quy mô và tính chất khác nhau theo tổ chức hành chính: nhà ngục Kon Tum (Kon Tum), nhà đày Buôn Ma Thuột (Đắk Lắk), nhà ngục Đắk Mil (Đắk Nông).

Tại nhà ngục Đắk Mil, chính quyền thực dân thi hành chế độ lao tù khắc nghiệt và tàn bạo. Ban ngày, tù nhân phải lao động với những công việc nặng nhọc như làm đường 14, xây dựng cầu Sêrêpôk... Ban đêm về ngủ trong tư thế bị cùm chân, bữa ăn hàng ngày của tù nhân là gạo mục và cá thối. Họ còn luôn luôn bị đánh đập, xử phạt vô cớ và bị thủ tiêu bí mật.

Ngoài ra, những đơn vị lính khố xanh người Ê Đê, M'Nông được thực dân Pháp xây dựng, trở thành công cụ bạo lực của thực dân Pháp để đàn áp phong trào đấu tranh cách mạng của Nhân dân, đàn áp ý chí chiến đấu của những người cộng sản yêu nước.

Âm mưu thâm độc của thực dân Pháp là đày ải những tù nhân cộng sản lên những nhà tù ở miền núi, cao nguyên nhằm cô lập hoàn toàn những người cách mạng với thế giới bên ngoài và thi hành chính sách lao tù hà khắc, cộng với khí hậu nơi rừng thiêng nước độc để giết dần, giết mòn những chiến sĩ cộng sản.

EM CÓ BIẾT?

Nhà ngục Đắk Mil được thực dân Pháp xây dựng đầu năm 1940 trong một khu rừng già nay thuộc thôn Đắk Thủy, xã Đắk Lao, huyện Đắk Mil, nhằm mục đích đày ải những chiến sĩ cộng sản cốt cán không thu phục được đang bị giam tại Nhà đày Buôn Ma Thuột (Đắk Lắk).



Hãy nêu những chính sách cai trị, áp bức, bóc lột của thực dân Pháp ở Tây Nguyên trong giai đoạn 1930 - 1939.

2.2. Phong trào cách mạng của đồng bào các dân tộc Đắk Nông

Trong cuộc vận động giải phóng dân tộc 1930 - 1936, phong trào cách mạng của đồng bào các dân tộc trên địa bàn Đắk Nông từ chỗ tự phát chuyển sang nằm trong quỹ đạo cách mạng giải phóng dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, phong trào cách mạng 1930 - 1931 với đỉnh cao Xô viết Nghệ - Tĩnh đã diễn ra hết sức mạnh mẽ. Mặc dù ảnh hưởng của phong trào hầu như chưa lan tới đồng bào các dân tộc trên địa bàn Đắk Nông nhưng phong trào cách mạng ít nhiều ảnh hưởng đến vùng Tây Nguyên và là động lực cho cuộc đấu tranh của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên kiên cường bất khuất, làm cho thực dân Pháp gặp rất nhiều khó khăn trong công cuộc bình định Tây Nguyên.

Những năm 1931 - 1932, mặc dù thực dân Pháp thực hiện chế độ lao tù khắc nghiệt nhưng các chiến sĩ cộng sản đã tìm mọi cơ hội để tổ chức móc nối với bên ngoài.

Từ tháng 7-1937 đến giữa năm 1938, đồng bào các dân tộc trên địa bàn Đắk Nông và Tây Nguyên hưởng ứng phong trào Mộ Cọ (Bà Trắng). Phong trào do hai thủ lĩnh K'Voai và K'Nhòi lãnh đạo cuối cùng bị đàn áp, dập tắt, nhưng đã tiếp nối cho phong trào đấu tranh chống ách áp bức, bóc lột của chính quyền thực dân và tay sai.

Không thuận lợi như những địa phương khác trong cả nước, từ năm 1930 đến năm 1939, trên địa bàn Đắk Nông chưa có tổ chức Đảng, nhưng ảnh hưởng và sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản đối với phong trào đấu tranh của các dân tộc Tây Nguyên đã đến với người dân Đắk Nông bằng một con đường riêng, qua nhà đày Buôn Ma Thuột (Đắk Lắk) và nhà ngục Đắk Mil (Đắk Nông).

 **Cuộc đấu tranh của Nhân dân các dân tộc Đắk Nông trước khi có tổ chức Đảng diễn ra như thế nào?**

3. Các tổ chức Đảng trên địa bàn Đắk Nông

3.1. Sự ra đời của các chi bộ cộng sản

Năm 1943, một chi bộ cộng sản được thành lập trong ngục Đắk Mil do đồng chí Nguyễn Tạo làm Bí thư. Có thể nói, từ đây cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của Nhân dân các dân tộc trên địa bàn Đắk Nông chịu ảnh hưởng và dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Các chi bộ cộng sản ra đời trong nhà đày, nhà ngục cùng với các tổ chức khác của nhà tù như Hội tương trợ, đã tổ chức đấu tranh kiên cường chống chế độ lao tù hà khắc, giữ vững khí tiết cộng sản. Nhiều cuộc đấu tranh có tiếng vang lớn, ảnh hưởng của nó vang dội không chỉ khắp Trung Kỳ, trên toàn cõi Đông Dương mà tới cả nước Pháp. Nhưng quan trọng hơn hết là việc tổ chức cho tù nhân vượt ngục và xây dựng cơ sở cách mạng trong binh lính, trong Nhân dân, hướng phong trào đấu tranh cách mạng theo đường lối của Đảng Cộng sản.

Dưới ánh sáng của đường lối cách mạng giải phóng dân tộc, trên địa bàn Tây Nguyên nói chung và Đắk Nông nói riêng, phong trào đấu tranh của đồng bào các dân tộc tiếp tục phát triển mạnh mẽ, qua đó chuẩn bị những điều kiện cần thiết để cùng với các giai tầng khác trên địa bàn vùng lên giành chính quyền khi thời cơ đến.



Hình 1.2. Hình vẽ cuộc vượt ngục tại nhà ngục Đắk Mil năm 1943 (Nguồn: Sách Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đắk Nông (1930-2005))



Trình bày sự thành lập các chi bộ Đảng Cộng sản tại Đắk Nông.

3.2. Các tổ chức Đảng lãnh đạo phong trào đấu tranh tiến tới Tổng khởi nghĩa giành chính quyền

Đầu năm 1945, trước tình hình mới, chi bộ và các tổ chức cách mạng trong nhà ngục Đắk Mil chủ trương tăng cường công tác tuyên truyền, giải thích đường lối, nhiệm vụ cách mạng, tiếp tục xây dựng cơ sở cách mạng, chống lại những luận điệu tuyên truyền phản động của phát xít Nhật và tay sai.

Đồng thời, các đồng chí tìm mọi cách đưa chủ trương của Đảng vào sâu trong quần chúng Nhân dân Đắk Nông để Nhân dân chuẩn bị lực lượng, tiến hành tranh đấu tiến tới giành chính quyền trên địa bàn.

Sau khi Nhật đảo chính Pháp, theo chủ trương của Trung ương Đảng, cũng như các địa phương trong cả nước, phong trào cách mạng ở Tây Nguyên nói chung, trên địa bàn Đắk Nông nói riêng bước vào thời kì tiền khởi nghĩa, đẩy mạnh cao trào kháng Nhật cứu nước, chuẩn bị mọi điều kiện tiến lên khởi nghĩa giành chính quyền.

Tuy nhiên, do có những khó khăn có tính đặc thù địa phương, nên đến giữa tháng 8-1945, vẫn chưa xây dựng được cơ sở Đảng để trực tiếp lãnh đạo phong trào nông dân Đắk Nông.



Các tổ chức Đảng đã lãnh đạo phong trào đấu tranh tiến tới Tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở Đắk Nông như thế nào?

4. Đảng và Mặt trận Việt Minh lãnh đạo đồng bào các dân tộc trên địa bàn Đắk Nông tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám năm 1945

Tháng Tám năm 1945, trong bối cảnh tình hình thế giới và trong nước chuyển biến mau lẹ, cùng với việc lãnh đạo Nhân dân cả nước, Đảng và Mặt trận Việt Minh lãnh đạo đồng bào các dân tộc trên địa bàn tỉnh Đắk Nông tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

Tại các huyện như Đắk Mil, Đắk Song, Đắk R'Lấp,... dưới sự lãnh đạo của cán bộ, hội viên Việt Minh, quần chúng Nhân dân đã đứng lên giành chính quyền thắng lợi.

Ngày 23-8-1945, tại huyện lỵ Đắk Mil, trước cuộc mít tinh của đông đảo quần chúng, đại diện Mặt trận Việt Minh huyện tuyên bố xóa bỏ chính quyền tay sai bù nhìn, thành lập Ủy ban cách mạng lâm thời huyện.

Tại Đắk R'Lấp, nông dân các bon khu vực ngã ba biên giới nổi dậy tham gia mít tinh lớn tại buôn Bu Prăng, đồng chí Nguyễn Trọng Ba tổ chức chào cờ với cờ đỏ sao vàng và ảnh Bác Hồ, đón mừng cách mạng thành công. Sau đó lần lượt mít tinh, thành lập chính quyền cách mạng ở các tổng, đập phá tượng đài Hăngrimet và dựng bia tưởng niệm N'Trang Long tại ngã ba biên giới.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn, nhưng cuộc khởi nghĩa giành chính quyền tại các địa phương trên địa bàn Đắk Nông đã diễn ra đúng thời cơ và giành thắng lợi.

5. Ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 tại Đắk Nông

5.1. Ý nghĩa lịch sử

Cuộc đấu tranh giành chính quyền của Nhân dân các dân tộc Đắk Nông góp phần vào thắng lợi chung của Cách mạng tháng Tám năm 1945 trong cả nước.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công trên địa bàn Đắk Nông, đồng bào các dân tộc trong tỉnh dưới sự lãnh đạo của Đảng và Mặt trận Việt Minh đã vùng lên làm chủ vận mệnh của mình, mở ra một thời kì mới trong lịch sử đấu tranh cách mạng của Nhân dân Tây Nguyên anh hùng.

Từ thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, đồng bào các dân tộc Đắk Nông từ thân phận nô lệ đã trở thành người dân làm chủ buôn, bon; làm chủ đất rừng, nương rẫy. Lần đầu tiên trên vùng đất M'Nông, đồng bào các dân tộc được hưởng tự do và độc lập.

5.2. Nguyên nhân thắng lợi

Nhờ sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng và Mặt trận Việt Minh, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Đảng bộ tỉnh Đắk Nông đã không ngừng phát triển và vận dụng đúng đắn, sáng tạo đường lối khởi nghĩa của Đảng để tiến tới giành chính quyền ở địa phương.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Đắk Nông, Nhân dân các dân tộc đã đoàn kết, đồng lòng đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền.



Em hãy trình bày ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp của Nhân dân Đắk Nông.



Luyện tập

Hãy so sánh cuộc đấu tranh của Nhân dân các dân tộc Đắk Nông trước và sau khi có tổ chức Đảng ra đời.



Vận dụng

Tìm hiểu và viết bài giới thiệu về di tích lịch sử Nhà ngục Đắk Mil.

BÀI 2. PHONG TRÀO CÁCH MẠNG Ở ĐẮK NÔNG TỪ SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 ĐẾN 1954

Yêu cầu cần đạt

- Biết được những biện pháp chủ yếu để xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng; giải quyết những khó khăn về kinh tế, văn hóa, giáo dục, quân sự,... trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 tại Đắc Nông.
- Nêu được các thắng lợi tiêu biểu của Nhân dân Đắc Nông trong kháng chiến chống thực dân Pháp.



Khởi động

Em hãy quan sát Hình 1.3 và cho biết những người trong hình là ai? Họ đang làm gì? Ở đâu?



Hình 1.3. (Nguồn: Internet)



Khám phá

1. Đắc Nông những năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945

1.1. Bảo vệ, xây dựng chính quyền, chuẩn bị kháng chiến (1945 đến 1946)

Ngay sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, Nhân dân các dân tộc trên địa bàn tỉnh Đắc Nông đã tiến hành thiết lập và củng cố chính quyền cách mạng, xây dựng đời sống mới, thực hiện các chương trình của Mặt trận Việt Minh.

- Chính trị: công tác xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết các dân tộc (giữa đồng bào Kinh với đồng bào Thượng,...) luôn được chú trọng, tăng cường. Tại Krông Nô, đã mở một số lớp đào tạo cán bộ người Ê Đê, M'Nông, điều về các buôn làng để thực hiện nhiệm vụ xây dựng củng cố chính quyền và các đoàn thể quần chúng.

- Kinh tế: chính quyền cách mạng xóa bỏ các thứ thuế vô lí, thực hiện ngày làm 8 giờ, tăng gia sản xuất, khai hoang, cải thiện đời sống Nhân dân.

- Giáo dục: phong trào bình dân học vụ phát triển rộng rãi, mở trường học bằng tiếng Ê Đê.

- Xã hội: các địa phương trên địa bàn tỉnh Đắc Nông đã có những biện pháp tích cực về gây dựng phong trào, tuyên truyền, giáo dục, thực hiện chính sách ưu tiên đối với đồng bào các dân tộc, bộ mặt về văn hóa, giáo dục, y tế xã hội có những thay đổi đáng kể.



Em hãy trình bày các nhiệm vụ về chính trị, kinh tế, giáo dục và xã hội của Nhân dân các dân tộc tỉnh Đắk Nông sau Cách mạng tháng Tám.

1.2. Phát triển lực lượng, phát động chiến tranh Nhân dân (1946-1949)

Trong giai đoạn này, tình hình chính trị, xã hội ở Đắk Nông diễn biến phức tạp. Phong trào toàn dân ủng hộ kháng chiến lan rộng. Nhiều thanh niên người Ê Đê, M'Nông hăng hái tham gia dân quân tự vệ, gia nhập lực lượng vũ trang.

Từ tháng 11-1945 đến 23-6-1946 là thời kỳ quân dân trên địa bàn Đắk Nông anh dũng đứng lên chiến đấu, chặn bước tiến của quân địch, góp phần đánh bại kế hoạch đánh nhanh, thắng nhanh của thực dân Pháp.

Tháng 9-1947, đại diện Trung ương Đảng và Chính phủ tại Nam Trung Bộ quyết định thành lập khu XV (gồm 5 tỉnh Tây Nguyên, trong đó có Đắk Nông) để chỉ đạo trực tiếp công tác xây dựng cơ sở, phát triển chiến tranh du kích ở vùng địch chiếm.

Với nhiều cố gắng, nhưng đến hết năm 1948, một số huyện trên địa bàn Đắk Nông chưa xây dựng được cơ sở chính trị.

Các cán bộ của Đắk Nông thực hiện nhiệm vụ quay trở lại vùng địch hậu, xây dựng cơ sở, củng cố chính quyền cách mạng, diệt tề trừ gian, phát động chiến tranh du kích, xây dựng bảo vệ căn cứ.



Tình hình chính trị ở Đắk Nông trong giai đoạn này như thế nào?

1.3. Xây dựng cơ sở trong lòng địch, đẩy mạnh chiến tranh du kích, góp phần vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi (1950 - 1954)

Từ năm 1950, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trên chiến trường Nam Trung Bộ nói chung và vùng Nam Tây Nguyên nói riêng có nhiều chuyển biến.

Về phía địch: Pháp tiến hành chiến dịch tuyên truyền cho Bảo Đại, mua chuộc lôi kéo người làm tay sai cho chúng, phát động phong trào tổng động viên xây dựng quân đội quốc gia bù nhìn,...

Về phía ta: có nhiều chuyển biến tích cực, đẩy mạnh công tác vùng sau lưng địch, phát động chiến dịch Nguyễn Huệ từ tháng 7 đến tháng 9 năm 1950 giành được thắng lợi; các xã, buôn xây dựng được lực lượng du kích... Tại Krông Nô, các tổ chức cơ sở Đảng kết nạp thêm nhiều du kích người Ê Đê, M'Nông, Bih, hình thành tổ chức du kích liên buôn.



Em hãy trình bày sự chuyển biến của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của đồng bào Tây Nguyên giai đoạn này.

2. Những thắng lợi tiêu biểu của đồng bào các dân tộc Đắk Nông trong kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954)

Theo chỉ đạo của Tổng Quân ủy Trung ương về hoạt động hè năm 1950, Liên khu V chọn Nam Tây Nguyên trong đó có địa bàn Đắk Nông làm hướng chính với nhiệm vụ phát triển mạnh cơ sở chính trị và du kích được lấy tên là chiến dịch Nguyễn Huệ (từ tháng 7 đến tháng 9-1950).

Với tinh thần đó công tác chuẩn bị cho chiến dịch Nguyễn Huệ được tiến hành khẩn trương. Ban cán sự Đảng, Ủy ban kháng chiến hành chính, các đoàn thể quần chúng và các lực lượng vũ trang của tỉnh được bổ sung thêm cán bộ.

Từ sau chiến dịch Nguyễn Huệ, đầu năm 1951 địch tổ chức một số cuộc càn quét nhỏ để thăm dò lực lượng của ta, rồi tiến hành các cuộc càn quét lớn, nhằm bao vây, tiêu diệt các đội vũ trang tuyên truyền, các đại đội độc lập bám trụ trên chiến trường và đặc biệt là nhằm chặn các hành lang đánh phá các đoàn tiếp vận của ta vào sâu trong nội địa. Tại Đắc Mil, năm 1950 đội vũ trang tuyên truyền VT3-124 do đồng chí Yblock ÊBan làm đội trưởng, các chiến sĩ của đội từ 32 đồng chí tăng lên 60 đồng chí, được trang bị bằng tiểu liên, đưa anh em du kích đi tham gia chiến đấu.

Tại Krông Nô, các tổ chức cơ sở Đảng kết nạp thêm nhiều du kích người Ê Đê, M'Nông, hình thành tổ chức du kích liên buôn. Cho đến cuối chiến dịch Đông Xuân 1953 - 1954, phong trào diệt ác, phá kìm trong huyện phát triển mạnh, buộc nhiều buôn trưởng, xã trưởng trong hệ thống chính quyền thực dân Pháp tìm gặp các cơ sở cách mạng xin khoan hồng. Nhiều vùng dân cư M'Nông, Ê Đê dấy lên phong trào bất hợp tác với địch. Ngoài việc bao vây đồn, bót, bà con các dân tộc đấu tranh đòi chồng con trở về nhà, càng làm cho tinh thần của binh lính ngày thêm hoang mang, dao động và rệu rã.

Giữa lúc quân và dân các dân tộc trong tỉnh nỗ lực đấu tranh để phối hợp với các chiến trường, thì ngày 7-5-1954, chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng. Phát huy thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ, quân dân trên địa bàn Đắc Nông đẩy mạnh tấn công địch, làm cho quân địch đóng trong các đồn bót hầu như bị tê liệt, không dám chống đối. Các đội công tác ở Đắc Mil, vùng Nam Nung - Krông Nô,... càng tích cực hoạt động, phát triển cơ sở, làm cho tề ngụy tan rã từng mảng lớn.

Trong cuộc chiến đấu sinh tử với kẻ thù, quân dân trên địa bàn Đắc Nông phát huy truyền thống yêu nước, bất khuất của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên, đoàn kết một lòng anh dũng chiến đấu với kẻ thù, góp phần vào thắng lợi chung của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.



Em hãy nêu những thắng lợi tiêu biểu của đồng bào các dân tộc Đắc Nông trong kháng chiến chống Pháp (1945 -1954).



Luyện tập

Phong trào cách mạng ở Đắc Nông (1945 – 1954) được chia làm mấy giai đoạn? Em hãy vẽ sơ đồ tư duy về các giai đoạn đó.



Vận dụng

Qua tìm hiểu các nguồn thông tin mà em biết, em tâm đắc với sự kiện lịch sử nào nhất của đồng bào Đắc Nông trong giai đoạn 1945 - 1954. Hãy làm một video clip có độ dài khoảng 3 đến 5 phút giới thiệu về sự kiện đó.

BÀI 3. CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC CỦA NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG (TỪ THÁNG 8 - 1954 ĐẾN THÁNG 4 - 1975)

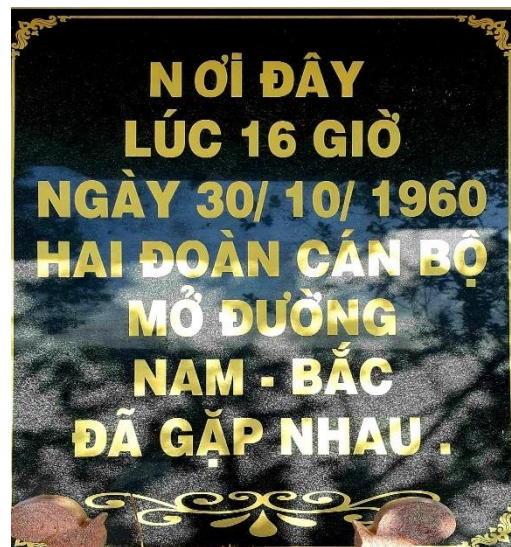
Yêu cầu cần đạt

- Nêu được âm mưu và thủ đoạn của đế quốc Mỹ và tay sai thực hiện ở Tây Nguyên nói chung, Đắk Nông nói riêng.
- Mô tả được các thắng lợi tiêu biểu về quân sự của Nhân dân Đắk Nông trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1954 - 1975.
- Nêu được nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Nhân dân Đắk Nông.



Khởi động

Em hãy cho biết tấm bia hình bên nằm trong di tích lịch sử nào? Ở đâu? Em biết gì về khu di tích này?



Hình 1.4. (Ảnh: Phạm Thị Thu Lan)



Khám phá

1. Âm mưu của đế quốc Mỹ đối với Tây Nguyên và Đắk Nông

Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954, âm mưu của Mỹ là biến Tây Nguyên thành căn cứ quân sự Nam Đông Dương. Mỹ - Diệm áp dụng chế độ xâm lược cũ của thời Pháp, bắt nộp thuế thân, đồng thời dùng chính sách mua chuộc, lừa mị đồng bào các dân tộc như phân phát hàng viện trợ Mỹ. Địch gấp rút mở rộng đồn điền Đắk Mil, Đắk Song; cưỡng ép các linh mục và đồng bào theo đạo Thiên Chúa miền Bắc di cư, lập ra các khu di cư ở Đức Minh, Đức Mạnh (Đắk Mil); phát triển đạo Tin lành trong vùng dân tộc thiểu số để tạo cơ sở chính trị xã hội cho chế độ Ngô Đình Diệm. Tại Kiên Đức, sau khi tiếp quản địa bàn, xác định đây là cửa ngõ phía Nam Tây Nguyên, có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng, nên chính quyền Diệm càng chú trọng xây dựng nơi đây thành một cứ điểm bất khả xâm phạm.

Năm 1956, địch ra sức củng cố hệ thống tề nguỵ ở cơ sở xã, buôn, bon; cho các toán gián điệp, biệt kích len lỏi vào vùng căn cứ của ta để thăm dò. Ngô Đình Diệm tuyên bố xóa bỏ luật tục của đồng bào dân tộc như các luật đất đai, hôn nhân, tang lễ, thay vào đó là luật chung của chế độ quốc gia, xây dựng hệ thống tề nguỵ các buôn, bon, xã người M'Nông, Bih, Ê Đê.

Đầu năm 1957, Mỹ - Diệm triển khai chiến dịch “tổ cộng”, ra sức dồn dân miền núi vào các khu tập trung ở giáp ranh các tỉnh đồng bằng nhằm kiểm soát dân chặt chẽ hơn và đánh bật lực lượng cách mạng ra khỏi miền núi.

Với việc di dân ồ ạt, lập dinh điền phục vụ mục đích quân sự, địch chiếm nhiều vùng đất đai còn hoang hóa và lấn chiếm cả những vùng có ruộng, rẫy của đồng bào các dân tộc đã sản xuất làm ăn sinh sống từ lâu đời.

Từ giữa năm 1961, địch bắt đầu triển khai kế hoạch bắt lính, đồn quân, xây dựng các lực lượng bảo an, củng cố tuyến giao thông, làm sân bay, xây dựng thêm nhiều đồn bốt ở vùng sâu. Chúng còn thực hiện càn quét, gom dân, lập ấp chiến lược, xóa căn cứ cách mạng của ta ở các vùng dân tộc và triệt phá tuyến đường hành lang Bắc - Nam đi qua Quảng Đức. Bên cạnh đó, bọn Mỹ - ngụy còn ngấm ngấm giúp đỡ các đối tượng Fulro chống phá cách mạng.

Sau tết Mậu Thân năm 1968, Mỹ - ngụy tăng cường lực lượng và gia tăng các hoạt động đánh phá, nhất là ở huyện Đức Lập (nay thuộc địa bàn huyện Đắc Mil, Krông Nô và một phần huyện Đắc Song ngày nay) có tới 3 tiểu đoàn lính Mỹ, chúng tăng cường hành quân hỗn hợp, tăng cường phòng thủ ở Gia Nghĩa, các quận lỵ, các ấp chiến lược, trục giao thông,...

Cùng với việc đàn áp về quân sự, đế quốc Mỹ âm mưu thực hiện chính sách chia rẽ dân tộc, miệt thị đồng bào, phá vỡ thế đại đoàn kết giữa người Kinh và người dân tộc thiểu số. Trong 20 năm thống trị, đế quốc Mỹ chưa hề có chủ trương phát triển kinh tế cho đồng bào. Đại đa số Nhân dân lao động sống trong cảnh nghèo nàn, lạc hậu trong các trại tập trung trá hình của chúng.



Từ sau năm 1954, đế quốc Mỹ đã thực hiện những âm mưu nào đối với Tây Nguyên và Đắc Nông?

2. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của quân và dân tỉnh Quảng Đức (Đắc Nông ngày nay)

2.1. Từ giữ gìn lực lượng, chuyển hướng đấu tranh tiến hành khởi nghĩa từng phần, giành chính quyền tại bon, buôn, xã (1954-1961)

Bước vào cuộc chiến đấu mới, ta có những thay đổi rất cơ bản cả thế và lực, cả phương châm và phương pháp đấu tranh. Từ chiến tranh chuyển sang hòa bình; từ hoạt động công khai chuyển sang hoạt động bí mật; từ kháng chiến chống Pháp sang đấu tranh chính trị chống Mỹ - Diệm đòi thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ.

Dưới sự chỉ đạo của chi bộ Đảng bí mật, các tổ, đội vũ trang tuyên truyền của ta nhanh chóng thâm nhập xuống tận xã, buôn, bon, xây dựng nhiều cơ sở cách mạng bí mật trong lòng địch, ta kịp thời lãnh đạo, giáo dục Nhân dân vạch rõ âm mưu thủ đoạn của địch. Phong trào quần chúng vùng dân tộc chống chiếm đất nổi lên mạnh mẽ quyết liệt. Các cuộc đấu tranh của quần chúng phong phú, đa dạng, từ hạn khát² đến bất hợp tác, làm ngơ trước việc dồn dân, lập các khu tập trung của địch, hoặc bỏ làng chạy vào rừng sâu.

² Hạn: thời gian quy định cho một công việc nào đó. Khát: xin được hoãn lại một thời gian, đến một lúc khác sẽ trả, sẽ làm. Trong hoàn cảnh lịch sử lúc này là Nhân dân cố tình kéo dài, dây dưa, trì hoãn trước việc dồn dân, lập các khu tập trung của địch.



Vì sao ta có những thay đổi về phương pháp đấu tranh sau năm 1954?

EM CÓ BIẾT

Thực hiện âm mưu thiết lập vành đai ngăn chặn ảnh hưởng của cách mạng giữa Tây Nguyên với Đông Nam Bộ và Sài Gòn, ngày 23-1-1959, Ngô Đình Diệm ra sắc lệnh thành lập tỉnh Quảng Đức. Chúng đặt thêm một số đồn bốt từ Đắc Gắn (Đắc Mil) đến Bu Prăng (Tuy Đức), xây dựng sân bay Nhân Cơ và tổ chức lực lượng bảo an, dân vệ dày đặc nhằm kìm kẹp phong trào nổi dậy của Nhân dân các dân tộc tại địa phương và ngăn chặn việc nối liền hành lang chiến lược Bắc - Nam của ta từ Nam Tây Nguyên đến Đông Nam Bộ.

Theo chủ trương của Đảng, ngày 25-5-1959 Bộ Quốc phòng và Ban thống nhất Trung ương tổ chức đoàn B90 gồm 25 người do đồng chí Trần Quang Sang làm trưởng đoàn khăn trương lên đường vào Nam phối hợp cùng với Đảng bộ cơ sở xoi³ mở đoạn cuối của đường Trường Sơn, khai thông tuyến hành lang chiến lược huyết mạch từ Nam Tây Nguyên vào Đông Nam Bộ.

Đến cuối tháng 10-1959, Đoàn B90 của Trung ương vào đến chiến trường, tập kết tại buôn Dru Đắc Drô (K'Rông Nô).



Hình 1.5. Địa điểm Đội I, Đoàn B90 bắt liên lạc với Đoàn C200 của miền Đông Nam Bộ tại vòm suối Đắc R'tih (bon Cây Xoài) và sông Đồng Nai, ngày 30-10-1960 (Khu Di tích lịch sử cấp quốc gia đặc biệt nay thuộc thôn Đồng Tiến, xã Đắc Nia, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông)



Hình 1.6. Địa điểm Đội II, Đoàn B90 bắt liên lạc với tổ mở đường C270 tại cây số 4 xuyên qua Quốc lộ 14, hướng Ngã ba Đắc Song đi Gia Nghĩa, ngày 04/11/1960 (nay thuộc thôn 8, xã Nam Bình, huyện Đắc Song)

(Ảnh: Phạm Thị Thu Lan)

2.2. Nhân dân Đắk Nông đấu tranh từng bước đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ trên địa bàn tỉnh (1961-1965)

Sau khi xây dựng, củng cố lực lượng, từ xuân hè 1961, lực lượng vũ trang Quảng Đức tấn công địch nhiều nơi và giành thắng lợi ở Đức Lập, Khiêm Đức,... Tiêu biểu là ở Đức Lập, ta đã loại khỏi vòng chiến gồm một đại đội bảo an, thu 48 súng, giải phóng nhiều bon, ấp xung quanh Nậm Nung. Đây là trận tấn công quân lị đầu tiên và thắng lợi ở Quảng Đức. Chiến thắng này đã ảnh hưởng lớn đến khí thế tiến công của quân dân trong vùng.

³ Mở thông đường xuyên qua những trở ngại (xoi đường trong rừng).

Sang năm 1965, lực lượng cách mạng đã giành nhiều thắng lợi quan trọng. Quân, dân Quảng Đức đã tiêu diệt đại đội 284 quân đội Sài Gòn, tiêu hao lực lượng địch trong các ấp chiến lược, diệt nhiều đồn bốt trên tuyến đường từ Gia Nghĩa đi Đức Xuyên, chuyển hướng hoạt động sang tuyến đường 14, giải phóng Đắc Gằn, Buôn Muôi, Buôn U,... Như vậy, đến năm 1965, toàn tỉnh Quảng Đức phá gần 50% ấp chiến lược, giải phóng trên 10.000 dân.

Những thắng lợi đó của Đảng bộ và Nhân dân Quảng Đức góp phần vào thắng lợi to lớn của quân và dân miền Nam làm phá sản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ, đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc ta bước sang một giai đoạn mới.



Những thắng lợi của Đảng bộ và Nhân dân Quảng Đức trong những năm 1961-1965 có ý nghĩa thế nào?

2.3. Nhân dân Đắc Nông chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ. Thực hiện Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1965-1968)

Ngày 10-02-1966, quân ta tiến công cứ điểm Tuy Đức, cứ điểm Bu Prăng, đánh Nhân Cơ, Đạo Nghĩa, diệt 5 xe GMC và một đại đội bảo an. Bước sang năm 1967, quân ta phục kích tiêu diệt địch ở Quốc lộ 14 trên các tuyến Đức An, Thuận Hạnh, Nhân Cơ, Đạo Nghĩa, Bùxêrê, Kiên Đức.

Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968), cùng với Miền Nam, quân và dân tỉnh Quảng Đức mở đợt tấn công vào hầu hết các trung tâm như thị xã, thị trấn, sân bay, các cơ quan đầu não của địch, đánh và làm chủ đoạn đường 14 từ Đức Lập đi Đắc Song và Gia Nghĩa,... Tuy kết quả thắng lợi chưa cao nhưng nó có ý nghĩa to lớn đó là lần đầu tiên lực lượng vũ trang tấn công vào tận sào huyệt của địch và làm chủ trong một thời gian, hàng trăm tên địch bị loại khỏi vòng chiến đấu, giải phóng nhiều đồng bào trong các ấp chiến lược,...

Sau Tết Mậu Thân, các hoạt động vũ trang trên địa bàn Quảng Đức được đẩy lên một bước. Ta tổ chức nhiều cuộc tấn công địch vào các ấp chiến lược, thị xã Gia Nghĩa và Nhân Cơ.



Em có nhận xét gì về những thắng lợi của Nhân dân Đắc Nông trong những năm 1965-1968?

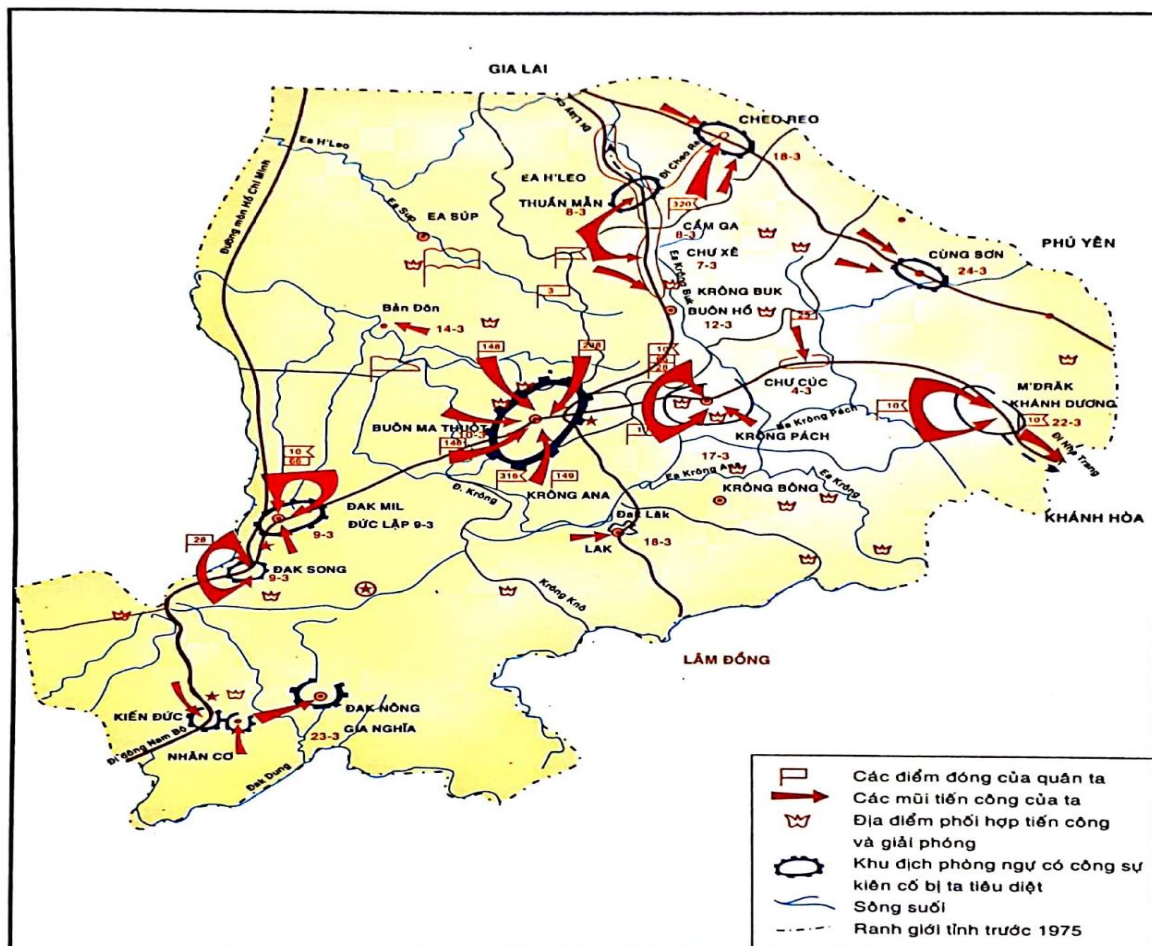
2.4. Nhân dân Quảng Đức góp phần “đánh cho Mỹ cút, ngụy nhào”, giải phóng địa bàn tỉnh và toàn miền Nam (1969-1975)

Trong năm 1969, bộ đội chủ lực của ta tấn công cứ điểm Kate (cách thành phố Gia Nghĩa 42 km về phía Tây Bắc). Sau 4 ngày đêm tấn công, ta diệt gần 200 tên trong đó có 70 lính Mỹ, bắn rơi 14 máy bay, thu 6 khẩu pháo,...

Xuân Hè 1972, lực lượng vũ trang đồng loạt mở nhiều trận đánh và điều lập công. Chỉ riêng ở Nam Ka - Đức Xuyên đã tiến hành 21 trận, loại khỏi vòng chiến 1 trung đội lính bảo an, 3 trung đội phòng vệ dân sự, tiêu diệt và làm bị thương 69 tên địch, thu 19 súng, phá 3 xe GMC,...

Chiến thắng trên góp phần vào thắng lợi chung của Nhân dân cả nước, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh, kí Hiệp định Paris (27-1-1973).

Từ ngày 30-9 đến 8-10-1974, Bộ Chính trị họp bàn về chủ trương giải phóng hoàn toàn Miền Nam. Thị xã Buôn Ma Thuột được chọn làm trận mở màn cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Mùa Xuân 1975. Vùng thành phố Gia Nghĩa và huyện Khiêm Đức là mục tiêu phối hợp với Buôn Ma Thuột. Từ chủ trương đó, ta chủ động tấn công sân bay Nhân Cơ, Kiến Đức, Đức Lập. Khi địch rút khỏi Buôn Ma Thuột, qua Gia Nghĩa về Lâm Đồng, ta bố trí phục kích tiêu diệt một bộ phận địch, một bộ phận phải trốn vào rừng chạy về phía sông Đồng Nai.



Hình 1.7. Diễn biến Chiến dịch lịch sử Mùa Xuân 1975 giải phóng Đắk Nông
(Nguồn: Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đắk Nông 1930 - 2005)

Ngày 23-3-1975, thị xã Gia Nghĩa được giải phóng.

Thắng lợi của quân và dân Quảng Đức góp phần vào thắng lợi của chiến dịch Tây Nguyên - Chiến dịch mở đầu cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

3. Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của Nhân dân tỉnh Đắk Nông từ 1954 – 1975

3.1. Nguyên nhân thắng lợi

Đảng bộ tỉnh luôn quán triệt thực hiện nghiêm túc chủ trương, đường lối, phương pháp cách mạng đúng đắn, sáng tạo của Đảng mà đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh; từng bước nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu, nâng cao khả năng tập hợp, phát huy tinh thần yêu nước, tạo nên sức mạnh tổng hợp, làm nên chiến thắng.

Xây dựng và củng cố vững chắc căn cứ địa cách mạng, xây dựng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang tấn công địch bằng mọi hình thức cả chính trị, quân sự và binh vận.

Khởi đại đoàn kết giữa các dân tộc và đoàn kết quân dân được củng cố và tăng cường.

Do sự chi viện sức người và sức của từ hậu phương Miền Bắc.

3.2. Ý nghĩa lịch sử

Hơn hai mươi năm tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975) là khoảng thời gian nhiều thử thách và cũng rất hào hùng, vinh quang của Nhân dân các dân tộc Quảng Đức. Những thắng lợi của quân và dân Quảng Đức góp phần đánh bại các chiến lược chiến tranh của Mỹ - ngụy, cùng với quân và dân cả nước lập nên chiến công hiển hách Mùa Xuân 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước; kết thúc 30 năm chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ thành quả Cách mạng tháng Tám (1945 - 1975), tạo điều kiện thuận lợi cho Nhân dân trong tỉnh cùng cả nước bước vào thời kì đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

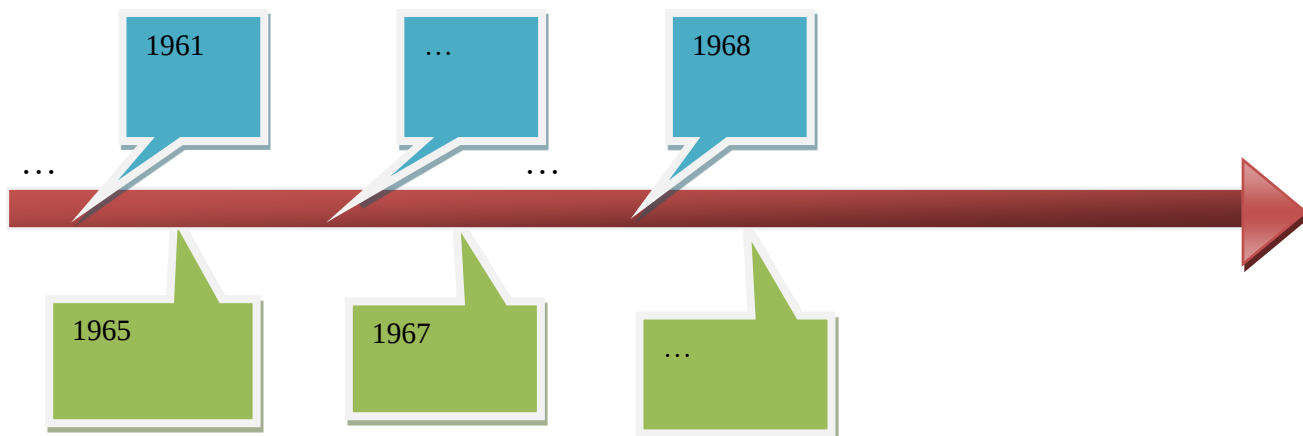


Hãy trình bày nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Nhân dân tỉnh Đắk Nông (1954 - 1975).



Luyện tập

Hãy thống kê những chiến thắng lớn của quân và dân Đắk Nông trong các cuộc đấu tranh chống Mỹ - tay sai (1961 - 1975) trên trục thời gian sau:



Vận dụng

1. Em hãy dùng phần mềm mà em biết (Powerpoint, Canva...) để thiết kế sơ đồ động về diễn biến của Chiến dịch lịch sử Mùa Xuân 1975 giải phóng Đắk Nông.
2. Em hãy tìm hiểu và viết bài giới thiệu về một di tích lịch sử, văn hóa ở địa phương em.

BÀI 4. ĐẮK NÔNG TỪ NĂM 1975 ĐẾN NAY

Yêu cầu cần đạt

- Trình bày được sự thống nhất đất nước về mặt Nhà nước, cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam, đấu tranh bảo vệ chủ quyền biên giới tại Đăk Nông.
- Nêu được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội tại Đăk Nông trong những năm 1976 - 1985.
- Tóm tắt được những thành tựu của Đăk Nông trong thời kì đổi mới từ năm 1986 đến nay.



Khởi động

Sau thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đất nước bước vào thời kì mới - thời kì độc lập, thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Đó là thuận lợi cơ bản và là nguồn động lực to lớn để Nhân dân trên địa bàn Đăk Nông cùng cả nước bắt tay vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Hãy chia sẻ những hiểu biết của em về Đăk Nông sau khi giành độc lập đến nay, mặc dù có những khó khăn, thử thách nhưng với truyền thống yêu nước và tinh thần đoàn kết, Nhân dân các dân tộc tỉnh Đăk Nông đã đạt được những thành tựu to lớn trên nhiều lĩnh vực: giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, từng bước ổn định kinh tế - xã hội và đời sống Nhân dân, đưa hình ảnh Đăk Nông đến với bạn bè trong và ngoài nước.



Khám phá

1. Đăk Nông cùng cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội, đấu tranh bảo vệ biên giới (1976-1985)

Tháng 5 tháng 1975, tỉnh Quảng Đức được tái lập lại. Tháng 11 năm 1975, tỉnh Quảng Đức sáp nhập vào tỉnh Đăk Lăk.

Tuy nhiên, tỉnh Đăk Lăk nói chung, địa bàn Đăk Nông nói riêng vừa trải qua cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược nên hậu quả của cuộc chiến tranh rất nặng nề. Cơ sở vật chất - kĩ thuật bị tàn phá, nền kinh tế đình trệ, sản xuất lạc hậu, phương thức canh tác chủ yếu là du canh, du cư, đốt rẫy, làm nương, đời sống của đồng bào các dân tộc nghèo đói, lạc hậu, trình độ dân trí thấp. Tuy vậy, với truyền thống yêu nước và tinh thần đoàn kết, Nhân dân các dân tộc tỉnh Đăk Nông đã đạt được nhiều thành tựu trong công cuộc khôi phục, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và bảo vệ vững chắc chủ quyền an ninh biên giới. Cụ thể:

- Trong cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam

Do có sự chuẩn bị từ trước nên ngay sau khi đất nước thống nhất, các thế lực thù địch, đặc biệt là bọn Fulro (tiếng Pháp là Front Uni de Lutte des Races Opprimées- “Fulro, dưới bàn tay giắt dây của các thế lực thù địch, trở thành một tổ chức phản động cực kì nguy hiểm”- Theo *Báo Lâm Đồng*) đã tập hợp, củng cố lại lực lượng câu kết chặt chẽ với các lực lượng phản động khác ra sức chống phá cách mạng. Từ cuối năm 1977, đầu năm 1978, lực lượng Fulro câu kết chặt chẽ với bọn Pôn Pốt-Iêng Xary (tức Khmer Đỏ - tên gọi dành cho thế lực và tổ chức chính trị cực tả cầm quyền tại Campuchia từ 1975 đến 1979) liên tiếp mở các cuộc tấn công chống phá ta.

Năm 1978, quân và dân Đắk Nông mở nhiều cuộc tấn công và dùng nhiều biện pháp như theo dõi, phát hiện, tố giác, kêu gọi đầu thú, tổ chức nhiều trận đánh của lực lượng dân quân du kích. Phát động quần chúng Nhân dân nhất là các xã trọng điểm vào rừng kêu gọi người theo Fulro trở về, ngăn chặn không cho chúng móc nối trở lại, đến năm 1986 vấn đề Fulro đã được giải quyết.



Hình 1.8. Lực lượng vũ trang tỉnh Đắk Nông truy quét tàn quân Fulro năm 1978
(Nguồn: Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đắk Nông)

- Phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội

+ **Kinh tế:** Phát động phong trào đẩy mạnh khai hoang, phục hóa, tăng gia sản xuất trồng hoa màu, rau, đậu,... tạo nguồn lương thực, rau xanh cứu đói. Đồng thời quan tâm phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm. Bên cạnh đó cũng chú trọng mở rộng diện tích cây công nghiệp: cao su, cà phê, chè,... giúp cho Nhân dân vượt qua tình trạng khó khăn tạm thời về lương thực từ lệnh cấm vận do Mỹ cấm đầu sau năm 1975.

Song song với việc phát triển nông - lâm nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp, xây dựng cơ bản cũng được coi trọng phát triển.

+ Văn hóa - giáo dục - y tế:

Các hoạt động văn hóa - văn nghệ, điện ảnh, báo chí góp phần từng bước xóa bỏ những tàn dư văn hóa thực dân và xây dựng nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa. Bên cạnh hệ giáo dục phổ thông, còn thành lập các trường bổ túc văn hóa và đẩy mạnh phong trào bình dân học vụ. Đến giữa những năm 1980 cơ bản xóa xong nạn mù chữ.

Số cơ sở khám chữa bệnh và giường bệnh phục vụ khám chữa bệnh không ngừng tăng lên.

+ **Giao thông vận tải:** sửa chữa, làm mới hàng trăm km đường; sửa chữa và xây dựng hơn 100 cầu, cống các loại.



Khái quát tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội của Đắk Nông từ năm 1976 đến năm 1985.

2. Đắk Nông trên đường đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội (1986 - nay)

+ Chính trị:

Tỉnh Đắk Nông được tái thành lập vào ngày 01 tháng 01 năm 2004 theo Nghị quyết số 22/2003/QH11 ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2003 của Quốc hội trên cơ sở tách một phần diện tích và dân số của tỉnh Đắk Lắk.

Đến nay chủ quyền biên giới được giữ vững, tình hình chính trị ổn định, tinh thần đoàn kết các dân tộc tiếp tục được phát huy. Hệ thống chính trị được củng cố đường lối đổi mới tiếp tục được khẳng định qua các kỳ Đại hội lần thứ V (10/1986), VI (01/1992), VII (5/1996), VIII (02/2001), IX (12/2005), X (09/2010), XI (9/2015), XII (10/2020) của Đảng bộ tỉnh Đắk Nông.

Về đối ngoại: Đắk Nông tăng cường quan hệ hợp tác với các nước và khu vực như: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Thái Lan, Đài Loan, Singapore, Mỹ,...

+ Kinh tế:

Tổng sản lượng nông nghiệp tăng bình quân hàng năm là 5,5%. Sản lượng công nghiệp tăng trưởng khá, tiếp tục đầu tư hoàn thiện hạ tầng các khu, cụm công nghiệp. Thu hút và triển khai đầu tư một số dự án công nghiệp lớn như: nhà máy Alumin Nhân Cơ, khu công nghiệp Tâm Thắng, hợp tác xã nông nghiệp công nghệ cao Đắk Ha, điện gió Đắk Song.

Đồng thời mở rộng quảng bá hàng hóa, sản phẩm đối với các nước là thành viên của các hiệp định thương mại như CPTPP⁴, EVFTA⁵.... thu hút vốn đầu tư của nước ngoài. Chỉ tính riêng giai đoạn 2004 - 2021 thu hút vốn đầu tư nước ngoài FDI là 12 dự án, tổng số vốn đầu tư 7.261 tỷ đồng.

Năm 2022, tốc độ tăng trưởng GDP ước đạt 7,59%, GDP bình quân đầu người ước đạt 69 triệu đồng. Hiện nay mức tăng trưởng của Đắk Nông cao hơn mức bình quân cả nước (3,72%) và xếp thứ 3 khu vực Tây Nguyên, sau Kon Tum và Gia Lai.



*Hình 1.9. Dự án điện gió Nam Bình 1 tại xã Nam Bình, huyện Đắk Song
(Nguồn: Thông Tấn xã Việt Nam)*

⁴ Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership).

⁵ Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (European-Vietnam Free Trade Agreement)

+ Văn hóa - giáo dục - y tế:

Có chuyển biến tốt, đáp ứng bước đầu trong phát triển kinh tế - xã hội.

Văn hóa: Tiếp tục bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa lễ hội, hoa văn, công chiêng và nhạc cụ các dân tộc thiểu số tại chỗ. Sưu tầm, phát huy giá trị hiện vật lịch sử, văn hóa. Đặc biệt Công viên Địa chất Đắk Nông đã được Hội đồng Chấp hành UNESCO khóa 209 đã công nhận là Công viên Địa chất toàn cầu (CVĐCTC) UNESCO Đắk Nông vào ngày 7/7/2020.

Hiện nay đang tập trung đầu tư cơ sở vật chất đối với các thiết chế văn hóa, thể dục thể thao của tỉnh như: Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh,

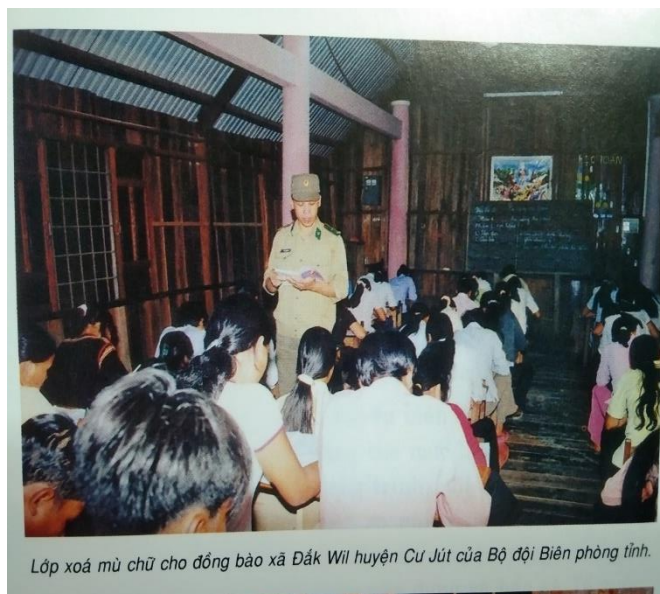
Tượng đài N'Trang Long và các dân tộc Tây Nguyên, Trung tâm Huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao tỉnh, Quảng trường 23/3,... nhiều điểm thu hút khách du lịch trong và ngoài nước như: hồ Tây Đắk Mil, thác Liêng Nung, thác Dray Sáp, thác Đắk G'lun, Khu bảo tồn thiên nhiên Nâm Nung, Núi lửa Nâm Kar, hồ Tà Đùng,...

Giáo dục đào tạo đạt nhiều thành tựu, chất lượng giáo dục được cải tiến, cơ sở vật chất được tăng cường. Đến nay có 7/8 huyện, thành phố đạt chuẩn mức độ 2 và 1 huyện đạt mức độ 1 về phổ cập, xóa mù chữ. 100% trường học các cấp học có phòng vi tính, máy vi tính được nối mạng. Khuôn viên, cảnh quan môi trường của các cơ sở giáo dục đã có một diện mạo khang trang, xanh, sạch, đẹp, an toàn và thân thiện. Tổng số trường chuẩn quốc gia hiện có là 189, đạt tỷ lệ 59,6%.

Công tác y tế được chú trọng. Ngoài hệ thống bệnh viện cấp tỉnh, đến nay có 7 Trung tâm Y tế huyện đa chức năng, trong đó 2 đơn vị có quy mô 60 - 75 giường bệnh và 5 đơn vị có quy mô 100 - 230 giường bệnh. 100% số xã, phường, thị trấn đã có cán bộ y tế, bác sĩ, nữ hộ sinh hoặc y sĩ sản nhi; 95,8% xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã.



Hãy tóm tắt những thành tựu trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội mà Nhân dân các dân tộc tỉnh Đắk Nông đạt được từ 1986 - nay.



Hình 1.10. Lớp xóa mù chữ cho đồng bào xã Đắk Wil, huyện Cư Jút của Bộ đội Biên phòng tỉnh.
(Nguồn: Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đắk Nông)

EM CÓ BIẾT

Tỉnh Đắk Nông nằm ở cửa ngõ phía Nam Tây Nguyên, là đầu mối giao thương giữa các tỉnh Tây Nguyên với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và khu vực duyên hải Nam Trung Bộ. Không chỉ sở hữu những thác nước hùng vĩ đã trở thành thắng cảnh quốc gia ngày đêm tưới mát cho cao nguyên rộng lớn, Đắk Nông còn là vùng đất có bề dày lịch sử văn hóa của đồng bào các dân tộc với nhiều nghi lễ, lễ hội, các làn điệu dân ca của người M'Nông (Nau M'pring), dân vũ, hát kể Sử thi (Ót Ndrong), nhạc cụ truyền thống đặc sắc. Đặc biệt có Không gian Văn hóa công chiêng Tây Nguyên đã được UNESCO công nhận là Kiệt tác truyền khẩu và phi vật thể của nhân loại vào ngày 25/11/2005 và Công viên Địa chất Đắk Nông được công nhận là Công viên Địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông vào ngày 07/7/2020. Với địa hình đa dạng và phong phú, có sự xen kẽ giữa thung lũng, cao nguyên và núi cao, vùng đất này có khí hậu ôn hòa, mát mẻ, cảnh quan thiên nhiên độc đáo với các thắng cảnh hùng vĩ như: thác Đắk G'lun, thác Dray Sáp, thác Gia Long... và Vườn quốc gia Tà Đùng rộng lớn đã hình thành nên quần thể du lịch sinh thái, du lịch nông nghiệp kết hợp với du lịch cộng đồng trên mảnh đất cao nguyên.

Đắk Nông hứa hẹn sẽ trở thành điểm du lịch tuyệt vời cho những ai đam mê khám phá những điều hoang sơ, ẩn chứa những điều bí mật và vui vẻ trải nghiệm những điều mới lạ, thú vị. Khi khám phá Đắk Nông, sẽ thấy nơi đây đẹp đến nhường nào. Vùng đất này kết hợp giữa vẻ đẹp lãng mạn và mộng mơ như Đà Lạt, hùng vĩ như Tây Bắc hay yên bình như vùng quê thôn dã.

(Nguồn: Tạp chí du lịch)



Luyện tập

Hoàn thành bảng tóm tắt về những thành tựu tiêu biểu của Đắk Nông từ năm 1975 đến nay (theo mẫu)

Lĩnh vực	Nét chính về tình hình Đắk Nông từ năm 1975 đến nay
Chính trị	
Kinh tế	
Văn hóa-Y tế-Giáo dục	



Vận dụng

1. Có ý kiến cho rằng: Những thành tựu của công cuộc Đổi mới của cả nước nói chung và của Đắk Nông nói riêng đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập và cuộc sống hằng ngày của bản thân em. Em có đồng ý với ý kiến đó không? Vì sao?

2. Xây dựng một bài giới thiệu (poster, infographic,...) về sự thay đổi của một trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, khoa học, giáo dục, y tế ở Đắk Nông) từ năm 1975 đến nay.

CHỦ ĐỀ 2. ĐỊA LÝ KINH TẾ VÀ GIÁ TRỊ KHẢO CỐ CỦA CÔNG VIÊN ĐỊA CHẤT TOÀN CẦU UNESCO ĐẮK NÔNG

BÀI 1. CÁC NHÂN TỐ CHÍNH ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ NGÀNH NÔNG - LÂM NGHIỆP Ở TỈNH ĐẮK NÔNG

Yêu cầu cần đạt

- Phân tích được các nhân tố tự nhiên ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành nông - lâm nghiệp ở tỉnh Đắk Nông
- Phân tích được các nhân tố kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành nông - lâm nghiệp ở tỉnh Đắk Nông.



Khởi động

Tỉnh Đắk Nông có nền nông - lâm nghiệp nhiệt đới, chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của các điều kiện tự nhiên (tài nguyên đất, địa hình, khí hậu, nguồn nước và sinh vật). Các điều kiện kinh tế - xã hội thay đổi như thế nào để phát triển và phân bố ngành nông - lâm nghiệp ở địa phương em?



Khám phá

1. Nhân tố tự nhiên

1.1. Địa hình và đất

Địa hình tỉnh Đắk Nông khá đa dạng, đại bộ phận lãnh thổ của tỉnh nằm tronton trên cao nguyên M'Nông với độ cao trung bình khoảng 700 m so với mực nước biển, các địa hình chính gồm:

Địa hình núi có độ cao từ 1200 m - 1600 m, thích hợp thành lập các vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên để bảo vệ các loài động vật và phát triển lâm nghiệp.

Địa hình cao nguyên và thung lũng có độ cao từ 500 m - 800 m, thích hợp trồng cây công nghiệp, cây lương thực và cây ăn quả nhiệt đới.

Đất là tài nguyên vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất không thể thay thế được của ngành nông - lâm nghiệp.

Tỉnh Đắk Nông có nhiều nhóm đất, trong đó có hai nhóm đất ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển và phân bố ngành nông - lâm nghiệp là đất đỏ bazan và đất xám trên đá macma.

Đất đỏ bazan chiếm 60,34% diện tích tự nhiên của tỉnh phân bố ở hầu khắp các huyện và thành phố, tập trung lớn nhất ở các huyện Đắk R'Lấp, Đắk Glong, Đắk Song, Tuy Đức và thành phố Gia Nghĩa. Loại đất này thích hợp để trồng cây công nghiệp, cây ăn quả và một số cây lương thực như ngô, khoai, sắn (mì),...

Đất xám trên đá macma chiếm 28,26% diện tích tự nhiên phân bố nhiều ở các huyện Krông Nô, Cư Jút, Đắk Mil và rải rác ở thành phố Gia Nghĩa và các huyện khác. Đây là đất thích hợp để trồng cây lương thực như lúa, ngô, khoai, sắn, cây công nghiệp ngắn ngày, cây ăn quả và trồng rừng.

1.2. Khí hậu

Tỉnh Đắk Nông có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa cận xích đạo với mùa mưa và mùa khô rõ rệt, nhiệt độ trung bình từ 23°C - 24°C, lượng mưa đạt trên 2500 mm, số giờ nắng từ 2.000 - 2.300 giờ, độ ẩm không khí trên 84%.

Nguồn nhiệt ẩm phong phú giúp cho ngành nông - lâm nghiệp sinh trưởng và phát triển quanh năm, có thể trồng từ hai đến ba vụ lúa và rau, màu trong một năm; nhiều loại cây công nghiệp và cây ăn quả phát triển tốt.

Cơ cấu cây trồng cũng khác nhau giữa các huyện và thành phố. Tuy nhiên, do mùa khô kéo dài gây thiếu nước cho cây trồng; vào mùa mưa một số vùng bị ngập úng, sâu bệnh phát triển và xảy ra các thiên tai khác,... gây tổn thất không nhỏ cho ngành nông - lâm nghiệp.

1.3. Nguồn nước

Đắk Nông có mạng lưới sông, suối, ao hồ tương đối dày đặc, điển hình như sông Đồng Nai, sông Krông Nô, sông Sêrêpôk, hồ Tây, hồ Trúc, hồ Ea Snô... Các hệ thống sông, suối đều có giá trị về thủy lợi, nguồn nước ngầm khá dồi dào và phong phú. Đây là nguồn cung cấp nước quan trọng cho ngành nông - lâm nghiệp, dùng để tưới tiêu cho cà phê, hồ tiêu, các loại cây ăn quả, rau, màu...

Tuy nhiên, vào mùa mưa, ở vùng trũng thấp ven sông Krông Nô, sông Sêrêpôk, suối Đắk Nông, suối Đắk R'Tih bị lũ lụt gây thiệt hại lớn về mùa màng và tài sản của Nhân dân; còn về mùa khô các sông, suối, ao hồ lại thường bị cạn kiệt, gây nên tình trạng thiếu nước tưới cho ngành nông - lâm nghiệp.



Hình 2.1. Mạng lưới suối, ao hồ ở thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông
(Nguồn: Báo Đắk Nông)

1.4. Sinh vật

Hiện nay, theo thống kê tỉnh Đắk Nông có 1.489 loài thực vật, có 273 loài động vật đã được ghi nhận, với tài nguyên động thực vật tương đối phong phú và đa dạng, là cơ sở để thuần dưỡng, lai tạo các giống cây trồng, vật nuôi năng suất cao, trong đó nhiều giống cây trồng, vật nuôi chất lượng tốt, thích nghi với các điều kiện sinh thái của từng huyện và thành phố.



Dựa vào các nhân tố tự nhiên và kiến thức đã học, em hãy kể tên các loại cây trồng đặc trưng của huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

2. Các nhân tố kinh tế - xã hội

2.1. Dân cư và lao động

Năm 2022, Đắk Nông có dân số 734.400 người, trong đó có 178.000 người sống ở thành thị, chiếm tỉ lệ 24,2%, ở nông thôn 556.400 người, chiếm tỉ lệ 75,8% là lao động làm việc trong ngành nông - lâm nghiệp.

Người dân tỉnh Đắk Nông có tinh thần lao động cần cù, sáng tạo, giàu nghị lực để phát triển kinh tế - xã hội. Kinh nghiệm trong sản xuất nông - lâm nghiệp phong phú, chất lượng ngày càng được nâng cao, áp dụng các biện pháp khoa học - kỹ thuật tiên tiến và công nghệ hiện đại vào sản xuất.

2.2. Cơ sở vật chất - kỹ thuật

Cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ cho ngành nông - lâm nghiệp ở tỉnh Đắk Nông ngày càng được đầu tư và xây dựng hoàn thiện. Công nghiệp chế biến nông sản, lâm sản được phát triển và phân bố ở huyện Cư Jút, Đắk Mil, Đắk Glong, Krông Nô.

Sự xuất hiện các nhà máy chế biến nông, lâm sản đã góp phần tăng giá trị sản phẩm, khả năng cạnh tranh cao, hiệu quả sản xuất ổn định của mặt hàng nông sản tỉnh Đắk Nông.



Hình 2.2. Hệ thống kênh mương nội đồng ở huyện Krông Nô tỉnh Đắk Nông
(Nguồn: Báo Đắk Nông)

2.3. Chính sách phát triển

Theo kế hoạch, mục tiêu đề ra của ban lãnh đạo tỉnh, từ năm 2024 với Đắk Nông có nhiều lợi thế địa phương để phát triển nông - lâm nghiệp, sẽ hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, theo các quy định tiên tiến, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất.

Các chính sách phát triển nông - lâm nghiệp gắn với phát triển nông thôn bền vững, nông nghiệp hữu cơ, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông - lâm nghiệp với các chính sách tín dụng, cho vay vốn ưu đãi, bảo hiểm nông - nghiệp,...

2.4. Thị trường

Với tiềm năng và lợi thế về nông - lâm nghiệp, Đắk Nông đã tập trung thực hiện nhiều giải pháp, tạo ra các sản phẩm nông sản đáp ứng thị trường trong nước và xuất khẩu.

Thị trường xuất khẩu hàng hóa của tỉnh hiện được mở rộng đến 35 quốc gia và vùng lãnh thổ, các sản phẩm xuất khẩu chủ lực gồm: cà phê, hồ tiêu, cao su, hạt điều, sầu riêng,... Tuy nhiên, sự biến động và yếu tố cạnh tranh của thị trường đã tạo ra nhiều thách thức cho sản xuất nông - lâm nghiệp của tỉnh Đắk Nông.



Phát triển và phân bố cơ sở vật chất - kỹ thuật trong nông - lâm nghiệp có ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Nông?



Luyện tập

Em hãy vẽ sơ đồ tư duy về yếu tố đầu vào và yếu tố đầu ra của sản phẩm nông nghiệp ở tỉnh Đắk Nông.



Vận dụng

1. Liên hệ thực tế ở địa phương em, hãy kể tên các sản phẩm nông nghiệp được công nhận đạt tiêu chuẩn OCOP, VietGAP ở tỉnh Đắk Nông.
2. Dựa vào kiến thức bản thân và nội dung bài học, em hãy kể tên 10 quốc gia và vùng lãnh thổ là đối tác thương mại nông - lâm sản của tỉnh Đắk Nông.

BÀI 2. TỔNG QUAN VỀ ĐỊA LÍ KINH TẾ TỈNH ĐẮK NÔNG

Yêu cầu cần đạt

- Trình bày được khái quát chung về quy mô, cơ cấu ngành kinh tế tỉnh Đắk Nông.
- Thấy được đặc điểm phân bố của các ngành kinh tế ở tỉnh Đắk Nông.
- Xử lý số liệu, xác định và vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện cơ cấu kinh tế của tỉnh.
- Nhận xét sự thay đổi cơ cấu kinh tế của tỉnh.



Khởi động

Cơ cấu ngành kinh tế của tỉnh Đắk Nông đang có những bước phát triển như thế nào? Đặc điểm các ngành kinh tế phát triển ra sao? Chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay.



Khám phá

1. Khái quát về quy mô, cơ cấu ngành kinh tế tỉnh Đắk Nông

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) năm 2022 theo giá so sánh năm 2010:

Tổng sản phẩm GRDP	Tăng so với năm 2021	Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt	Tăng so với năm 2021	Khu vực công nghiệp và xây dựng	Tăng so với năm 2021	Khu vực dịch vụ	Tăng so với năm 2021
22.400,31 tỉ đồng	7,59%	8.413,93 tỉ đồng	5,21%	4.430,84 tỉ đồng	7,87%	8.612,74 tỉ đồng	10,40%

Về cơ cấu nền kinh tế năm 2022, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 37,64%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 19,61%; khu vực dịch vụ chiếm 38,55%; thuế sản phẩm (-) trừ trợ cấp sản phẩm, chiếm 4,21% (cơ cấu tương ứng của năm 2021 là 37,45%; 19,63%; 38,53%; 4,39%).

GRDP bình quân đầu người năm 2022 ước đạt 59,61 triệu đồng/người (dân số trung bình ước đạt 670.558 người).

Tốc độ tăng trưởng GRDP qua các năm như sau: năm 2018 tăng 6,45%; năm 2019 tăng 6,37%; năm 2020 tăng 4,71%; năm 2021 tăng 8,72%; năm 2022 tăng 7,59%.



Em hãy nêu đặc điểm cơ cấu ngành kinh tế ở Đắk Nông.

2. Đặc điểm phân bố của các ngành kinh tế ở tỉnh Đắk Nông

2.1. Ngành nông, lâm, ngư nghiệp

Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản bình quân đạt 4,5%/năm. Giá trị sản xuất toàn ngành tăng bình quân 5,6%/năm, trong đó: nông nghiệp 5,5%, lâm nghiệp 4,0%/năm và thủy sản 7,5%/năm; Cơ cấu: nông nghiệp chiếm 98,52% (*trồng trọt: 85,97%, chăn nuôi: 11,39%, dịch vụ nông nghiệp: 2,63%*), lâm nghiệp chiếm 0,32% và thủy sản chiếm 1,16%. Tốc độ tăng năng suất lao động nông nghiệp đạt bình quân năm 7-8%. Giá trị sản xuất bình quân trên 01 ha đất nông nghiệp đạt trên 95 triệu đồng.

Ngành nông nghiệp: Cà phê là loại cây trồng chủ lực của Đắk Nông. Toàn tỉnh hiện có 131.000 ha cà phê, đứng thứ 3 cả nước (sau Đắk Lắk, Lâm Đồng). Cùng với diện tích lớn, tỉnh có nhiều vùng sản xuất cà phê tập trung, ứng dụng công nghệ cao. Nhiều diện tích cà phê của tỉnh đạt các tiêu chí về sản xuất nông nghiệp tốt trong nước và quốc tế. Sản lượng cà phê của tỉnh đều tăng qua từng năm, bảo đảm nhu cầu nguyên liệu trong nước và xuất khẩu. Riêng năm 2022, sản lượng cà phê của Đắk Nông đạt mức 356.612 tấn.

Đắk Nông đang xây dựng 6 vùng sản xuất cà phê trọng điểm gồm: Đắk Mil, Đắk Song, Đắk R'Lấp, Tuy Đức, Đắk Glong và Krông Nô. Riêng tại Đắk Mil, đã có một vùng sản xuất cà phê ứng dụng công nghệ cao tại xã Thuận An, với diện tích 335 ha.



Hình 2.3. Người dân thu hoạch cà phê
(Nguồn: Báo Đắk Nông)

Hồ tiêu cũng là cây trồng chủ lực của Đắk Nông. Việc phát triển hồ tiêu những năm qua được người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp đẩy mạnh theo hướng hữu cơ. Toàn tỉnh hiện có 32.000 ha hồ tiêu, sản lượng đạt khoảng 63.000 tấn. Nhiều diện tích hồ tiêu của tỉnh đã đạt các chứng nhận như VietGAP, USDA Organic, 4C...

Đắk Nông đã có hai vùng canh tác hồ tiêu tập trung ở các xã Thuận Hà, Thuận Hạnh (Đắk Song) được công nhận là vùng sản xuất ứng dụng công nghệ cao, với quy mô 1.500 ha.

Đắk Nông hiện có khoảng 16.000 ha cây ăn quả các loại, trong đó hai loại cây có diện tích lớn là bơ (4.300 ha, sản lượng 18.900 tấn/năm) và sầu riêng (3.600 ha, sản lượng 22.200 tấn/năm).

Tỉnh đã và đang hình thành được các vùng cây ăn quả tập trung như sầu riêng ở Đắk Mil, Gia Nghĩa; xoài, bơ ở Đắk Mil, Đắk R'Lấp, Tuy Đức, Đắk Song, Krông Nô, Gia Nghĩa; chanh dây ở Đắk R'Lấp, Đắk Glong và Gia Nghĩa,...

Đắk Nông có vùng trọng điểm sản xuất lúa ở Krông Nô, với sản lượng hàng ngàn tấn mỗi năm. Vùng sản xuất lúa này được ứng dụng các giống lúa mới vào sản

xuất, đạt hiệu quả cao. Trong đó, phải kể đến các giống lúa như RVT, ST24, ST25... cho năng suất bình quân hơn 8 tấn/ha/vụ.

Mỗi năm, người dân Đắk Nông sản xuất trên 5.500 ha rau xanh các loại như: rau cải, bắp sù, su su, cà rốt, cà chua, khoai tây, bí xanh, bí đỏ,... sản lượng đạt khoảng 66.900 tấn.

Tỉnh hiện có trên 7.500 ha khoai lang Nhật Bản, sản lượng gần 88.000 tấn. Khoai lang được sản xuất tập trung ở Tuy Đức, Đắk Song, Đắk Glong và Krông Nô...

Ngành lâm nghiệp: Phân bố rộng khắp toàn tỉnh, tập trung mọi nguồn lực để quản lý, bảo vệ tốt 196.385 ha rừng tự nhiên; giảm thiểu đến mức thấp nhất các hành vi xâm hại tài nguyên rừng, chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; bảo tồn, phát triển, theo dõi, giám sát, cứu hộ và phát triển sinh vật, đặc biệt loài động thực vật nguy cấp, bị đe dọa, các loài đặc hữu và các loài quan trọng khác trong những khu rừng có giá trị bảo tồn cao.

Phấn đấu đến năm 2025, tỷ lệ che phủ rừng của tỉnh đạt trên 40%; 85% diện tích rừng của các chủ rừng là tổ chức được quản lý theo phương án rừng bền vững; Đến năm 2030, khoanh nuôi trồng bổ sung 7.470 ha; trồng rừng tập trung, nông lâm kết hợp, trồng cây phân tán 11.080 ha; tiếp tục duy trì bảo vệ và phát triển diện tích rừng trồng cây đặc sản, đa mục đích ngoài quy hoạch lâm nghiệp; tỷ lệ che phủ rừng của đạt trên 42%; Đồng thời, phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí và cho thuê dịch vụ môi trường rừng; phát triển kinh tế rừng, tăng các nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng. Phấn đấu đến năm 2030, giá trị xuất khẩu lâm sản tăng từ 1,5 - 2 lần so với năm 2020.

Ngành thủy sản: Năm 2022, tỉnh Đắk Nông có diện tích mặt nước, các sông suối và hồ chứa khoảng 17.500 ha, phân bố ở các huyện, thành phố. Sản lượng thủy sản đạt gần 6.000 tấn. Trong đó sản lượng nuôi thủy sản 4.740 tấn, chiếm 84,3%; sản lượng khai thác 880 tấn, chiếm 15,7%. Nghề nuôi tập trung ở ba loại hình: nuôi ao hồ nhỏ, nuôi hồ chứa và nuôi lồng bè. Các chủng loại cá phổ biến: trắm cỏ, rô phi, điêu hồng, chép, trôi, cá lăng nha, thát lát cườm, bống tượng,...



Em hãy phân tích đặc điểm của ngành nông, lâm, ngư nghiệp của tỉnh Đắk Nông.

2.2. Ngành công nghiệp

Với trữ lượng chiếm 2/3 tổng trữ lượng cả nước, bôxít trên địa bàn tỉnh Đắk Nông được quy hoạch thành 13 khu vực mỏ, được phân bố ở các huyện Đắk Glong, Đắk Song, Đắk R'Lấp, Tuy Đức và thành phố Gia Nghĩa với trữ lượng và tài nguyên dự báo khoảng 1,436 tỉ tấn tinh quặng, tương đương 3,425 tỉ tấn quặng nguyên khai, hàm lượng nhôm đạt trên 40%.

Hiện nay Dự án Nhà máy Alumin Nhân Cơ có công suất 650.000 tấn/năm. Trên thực tế, với lượng quặng khai thác, năm 2021, Nhà máy đã sản xuất được gần 730.000 tấn Alumin và năm 2022 với 715.000 tấn, vượt 15% so công suất thiết kế.

Tỉnh Đắk Nông có nhiều tiềm năng, lợi thế về phát triển năng lượng tái tạo, có 2 dự án điện gió đã hoàn thành thi công. Đó là dự án nhà máy điện gió (NMĐG) Đắk Hòa (công suất 50 MW) và dự án NMĐG Nam Bình 1 (công suất 30 MW).

Về điện mặt trời, có hai dự án (điện mặt trời Trúc Sơn và điện mặt trời Cư Jút) với công suất 106,4 MWp đã đi vào vận hành. Toàn tỉnh Đắk Nông có 1.631 hệ thống điện mặt trời áp mái (với tổng công suất 375,2 MWp). Sản lượng điện mặt trời hàng năm của Đắk Nông đạt 660,7 triệu kWh. Con số này chiếm 28,42% các nguồn cung cấp điện của Đắk Nông.

Về thủy điện, hiện nay trên địa bàn tỉnh có 15 nhà máy thủy điện đang vận hành, với tổng công suất 356,61 MW; 07 dự án đang triển khai đầu tư với tổng công suất 43,3 MW; 03 dự án chưa có chủ trương đầu tư. Bên cạnh đó có 10 dự án đang vận hành nằm giáp ranh giữa các tỉnh Đắk Nông, Đắk Lắk, Lâm Đồng và Bình Phước với tổng công suất 1.311 MW.



Hình 2.4. Điện năng lượng mặt trời ở Cư Jút
(Nguồn: Báo Đắk Nông)



Em hãy cho biết đặc điểm các ngành công nghiệp của tỉnh Đắk Nông.

2.3. Ngành dịch vụ

Doanh thu vận tải năm 2021 đạt 74 tỉ đồng, số lượt vận chuyển hành khách đạt 1.981 nghìn người. Khối lượng vận tải hàng hóa đạt 3.345 nghìn tấn.

Hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn tỉnh phát triển ổn định, hàng hóa trên thị trường phong phú, đa dạng, việc mua bán thuận lợi, giá cả ổn định, không có tình trạng thiếu hàng, sốt giá. Mạng lưới kinh doanh thương mại phát triển đa dạng, mở rộng xuống tận cơ sở, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới. Hoạt động xuất khẩu được đẩy mạnh, tốc độ tăng trưởng bình quân 16,33%/năm, trong đó riêng năm 2023 ước đạt 880 triệu USD, tăng 17,7% so với năm 2004. Mặt hàng xuất khẩu chủ lực là cà phê, hạt điều, hạt tiêu, cao su, sản phẩm Alumin (từ năm 2017).

Thị trường xuất khẩu ngày càng được mở rộng đến 35 quốc gia, vùng lãnh thổ, chiếm tỷ trọng cao và ổn định là Singapore, Hàn Quốc, Australia, Trung Quốc, Hoa Kỳ, Philippines, Nhật Bản và một số thị trường mới (Châu Phi, Trung Đông...). Số lượng doanh nghiệp tham gia xuất khẩu ngày càng tăng, đến nay trên địa bàn tỉnh có 18 doanh nghiệp hoạt động xuất khẩu; chủ yếu doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, chiếm hơn 55-65% giá trị kim ngạch xuất khẩu; tiếp đến là doanh nghiệp nhà nước chiếm gần 20%, còn lại là doanh nghiệp tư nhân.

Trong năm 2022, du lịch Đắk Nông đã khởi sắc trở lại khi khách du lịch đến Đắk Nông đạt hơn 512 nghìn lượt, tăng hơn 300% so với cùng kỳ năm 2021. Đáng chú ý có hơn 2 nghìn lượt khách quốc tế đến tham quan trải nghiệm, tăng 186% so với cùng kỳ năm 2021. Tổng doanh thu đem lại từ các hoạt động du lịch, ước đạt 65 tỉ đồng, tăng 240,3% so với cùng kỳ năm 2021.

Đến nay du lịch Đắk Nông đã có sự phát triển liên tục với những chuyển mình đáng chú ý. Trong đó, có một số dự án đi vào hoạt động và thu hút du khách trong nước và quốc tế như: Khu Du lịch - Di tích Lịch sử Văn hóa thắng cảnh cụm thác Đ'ray Sáp - Gia Long tại xã Đắk Sôr, huyện Krông Nô; Khu Nông nghiệp Công nghệ cao và Du lịch sinh thái Phước Sơn tại xã Đắk Wer, huyện Đắk R'Lấp; Thiền viện Trúc Lâm Đạo Nguyên tại xã Nâm N'Jang, huyện Đắk Song; Dự án đầu tư khu du lịch sinh thái Đắk G'lun tại xã Quảng Tâm, huyện Tuy Đức.

Đặc biệt, Đắk Nông đã xây dựng được 3 tuyến du lịch trong đó có 41 điểm di sản với chủ đề “Xứ sở của những âm điệu” gồm các tuyến du lịch: “Trường ca của nước và lửa”, “Bản giao hưởng của sự đổi thay”, “Thanh âm từ Trái đất”. Tất cả làm nên một Công viên Địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông, góp phần quảng bá vùng đất, con người Đắk Nông hội nhập quốc tế, từng bước xây dựng, khẳng định vị thế, thương hiệu du lịch Đắk Nông.

3. Thay đổi cơ cấu kinh tế của tỉnh Đắk Nông

Ngành công nghiệp có bước phát triển vượt bậc, từng bước trở thành ngành kinh tế động lực cho phát triển và chuyển dịch kinh tế của Đắk Nông. Đa số sản phẩm công nghiệp chủ yếu đều tăng mạnh.

Bước đầu hình thành vùng công nghiệp trọng điểm luyện Alumin, nhôm của Quốc gia. Từ cuối năm 2016, Nhà máy Alumin Nhân Cơ đi vào hoạt động với công suất 650 ngàn tấn alumin/năm. Doanh thu năm 2017 của Nhà máy đạt gần 4.000 tỉ đồng và đến năm 2018 đạt hơn 6.300 tỉ đồng. Nhà máy đã giải quyết việc làm trực tiếp cho khoảng 1.100 lao động.



Hình 2.5. Một góc nhà máy Alumin Nhân Cơ (Nguồn: Báo Đắk Nông)

Lĩnh vực công nghiệp chế biến nông sản đã thu hút dự án chế biến hồ tiêu, công suất 950 tấn/năm. Nhiều doanh nghiệp chế biến cà phê bột được hình thành với sản lượng cà phê bột giai đoạn 2016 - 2020 ước đạt gần 7.000 tấn, tăng 75% so với giai

đoạn 2011 - 2015. Trong chế biến lâm sản, sản xuất ván dán công nghệ cao đạt công suất 60.000 m³/năm; sản phẩm bàn, giường tủ bằng gỗ đạt 784.000 sản phẩm.

Sản xuất nông nghiệp là ngành sản xuất đóng vai trò trụ cột trong nền kinh tế của tỉnh, quy mô và sản lượng nông nghiệp tăng đáng kể. Đến năm 2022, tổng diện tích gieo trồng toàn tỉnh đạt 337.428 ha với tổng sản lượng lương thực đạt 422.000 tấn. So với đầu giai đoạn (năm 2016) diện tích gieo trồng toàn tỉnh tăng 74.420 ha, sản lượng tăng 101.000 tấn. Diện tích cà phê toàn tỉnh ước đạt hơn 139.932 ha, tổng sản lượng 356.612 tấn. So với năm 2016, diện tích cà phê tăng 16.532 ha và sản lượng tăng 105.912 tấn. Diện tích hồ tiêu đến năm 2022 đạt hơn 33.985 ha, sản lượng 69.762 tấn. So với năm 2016, diện tích cây trồng này tăng 6.685 ha, sản lượng tăng 35.562 tấn...

Hoạt động thương mại trên địa bàn tỉnh cũng ngày càng sôi động, phát triển, thích ứng với cơ chế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế. Tổng mức bán lẻ và lưu chuyển hàng hóa của tỉnh tăng đều hàng năm.

Đến năm 2023, doanh thu thương mại, dịch vụ của Đắk Nông đạt 22.400 tỷ đồng, tăng hơn 22 lần so với năm 2004. Thời điểm mới tách tỉnh, kim ngạch xuất khẩu chỉ ở mức 49,86 triệu USD, đến năm 2023, đạt 880 triệu USD, tăng 17,9 lần.

Các ngành dịch vụ trên địa bàn tỉnh phát triển nhanh, đa dạng, nhất là hoạt động bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin, dịch vụ tư vấn, ngân hàng... Tất cả đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất, kinh doanh và đời sống của Nhân dân.

Hoạt động du lịch tập trung đầu tư, tạo sự bứt phá; xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng, sản phẩm du lịch đặc trưng, hình ảnh thương hiệu gắn với xây dựng và phát triển Công viên Địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông.



Em hãy cho biết sự thay đổi cơ cấu kinh tế của tỉnh Đắk Nông.



Luyện tập

Vẽ sơ đồ tư duy về đặc điểm phân bố các ngành kinh tế tỉnh Đắk Nông.



Vận dụng

Vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện cơ cấu kinh tế của tỉnh Đắk Nông. Nhận xét sự thay đổi cơ cấu kinh tế của tỉnh năm 2022.

BÀI 3. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ NGÀNH NÔNG - LÂM NGHIỆP Ở TỈNH ĐẮK NÔNG

Yêu cầu cần đạt

- Trình bày được thực trạng phát triển và phân bố ngành nông nghiệp ở tỉnh Đắk Nông.
- Trình bày được thực trạng phát triển và phân bố ngành lâm nghiệp ở tỉnh Đắk Nông.



Khởi động

Trên cơ sở các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về định hướng phát triển kinh tế - xã hội, tỉnh Đắk Nông đã định hướng khá rõ về đầu tư phát triển nông - lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nhiều loại cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế phù hợp với điều kiện sinh thái thổ nhưỡng được đưa vào áp dụng. Vậy ở địa phương em đã khảo nghiệm các sản phẩm nông nghiệp nào? Em hãy liệt kê?



Khám phá

1. Thực trạng phát triển và phân bố ngành nông nghiệp ở tỉnh Đắk Nông

Đắk Nông đã và đang định hướng phát triển ngành nông nghiệp theo hướng chất lượng cao, phát triển bền vững, sản xuất hàng hóa, liên kết theo chuỗi giá trị, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ. Sản xuất nông nghiệp gắn với hướng phát triển hai nhóm sản phẩm: chủ lực cấp tỉnh và đặc sản của địa phương. Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi đã đem lại hiệu quả nhất định cho người nông dân và đóng góp vào giá trị sản xuất và tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

1.1. Ngành trồng trọt

Giá trị sản xuất ngành trồng trọt luôn chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu giá trị sản xuất toàn ngành nông nghiệp, cơ cấu cây trồng đa dạng: nhóm cây lương thực, nhóm cây công nghiệp, nhóm cây ăn quả,...

Nhóm cây lương thực, thực phẩm và cây công nghiệp ngắn ngày có diện tích gieo trồng hàng năm đều tăng liên tục. Năm 2021 có 87.227 ha, trong đó cây lương thực có hạt như lúa, ngô có 53.970 ha, sản lượng đạt 351.250 tấn, phân bố rải rác trên các huyện Cư Jút, Krông Nô, Tuy Đức, Đắk Mil,...

Nhóm cây công nghiệp lâu năm bao gồm: cà phê, hồ tiêu, hạt điều, cao su... Toàn tỉnh có tổng diện tích 234.673 ha năm 2022, trong đó cà phê có diện tích 139.932 ha, được trồng hầu khắp các huyện và thành phố, nhiều nhất ở huyện Đắk Mil, Đắk Song, Đắk R'Lấp, Tuy Đức, Đắk Glong. Hồ tiêu có diện tích 33.985 ha, trồng nhiều ở huyện Đắk Song, Đắk R'Lấp, Tuy Đức, Đắk Mil, Đắk Glong.



Hình 2.6. Vườn cà phê ở huyện Đắk Mil và vườn hồ tiêu ở huyện Đắk Song
(Nguồn: Báo điện tử – ĐCSVN)

Nhóm cây ăn quả: Đắk Nông hiện có khoảng 18.032 ha cây ăn quả các loại như bơ, sầu riêng, mít, chanh dây, xoài,... trong đó hai loại cây có diện tích lớn là bơ 4.300 ha và sầu riêng 3.600 ha.

Nhiều giống cây ăn quả đã được lai tạo cho sản lượng cao, chất lượng tốt, được trồng theo mô hình GlobalGAP, mô hình VietGAP, theo hướng hữu cơ, công nghệ cao,...



Hình 2.7. Vườn cây sầu riêng ở tỉnh Đắk Nông (Nguồn: Báo VietNamNet)



Dựa vào kiến thức bản thân và nội dung bài học, hãy kể tên cây ăn quả ở tỉnh Đắk Nông được xuất khẩu chính ngạch sang Trung Quốc.

1.2. Ngành chăn nuôi

Ngành chăn nuôi có sự chuyển đổi mạnh mẽ từ chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang chăn nuôi trang trại, công nghiệp. Ưu tiên phát triển chăn nuôi bền vững theo hướng hữu cơ, đáp ứng tiêu chuẩn an toàn thực phẩm, chú trọng đến khâu chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

Theo Niên giám Thống kê tỉnh Đắk Nông năm 2021, đàn trâu có 5.106 con, đàn bò có 23.746 con, nuôi chủ yếu để lấy thịt, sức kéo và da được nuôi nhiều ở huyện Cư Jút, Krông Nô, Tuy Đức, Đắk R'Lấp và một số ít ở các huyện khác.

Đàn lợn tăng khá nhanh, năm 2021 có 256.297 con, lên năm 2022 có 261.192 con, đây là nguồn thịt quan trọng và chủ yếu để tiêu thụ trong tỉnh, gia cầm năm 2022 có 2.914,1 con nuôi chủ yếu để lấy thịt, trứng và lông.



Ngoài những vật nuôi kể trên, ở tỉnh Đắk Nông còn nuôi những vật nuôi nào khác?

2. Thực trạng phát triển ngành lâm nghiệp ở tỉnh Đắk Nông

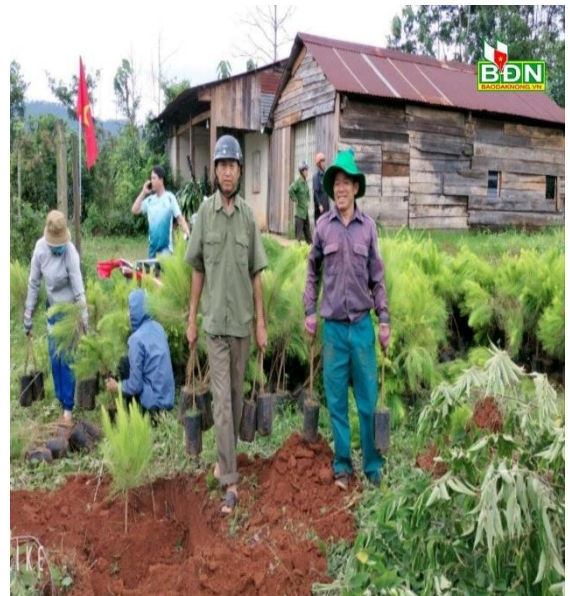
Rừng Đắk Nông bị suy giảm trầm trọng cả về diện tích và chất lượng. Từ một tỉnh có diện tích rừng tự nhiên lớn, nhưng đến nay tỉ lệ che phủ rừng chỉ đạt 39%. Trong khi tỉ lệ che phủ rừng cả nước hiện ở mức 42%.

Đắk Nông tập trung quản lí, bảo vệ tốt hơn 196.000 ha rừng tự nhiên hiện có. Tỉnh đặt mục tiêu đến năm 2025 khoanh nuôi, tái sinh trên 5.000 ha đất lâm nghiệp chưa có rừng; nâng tỉ lệ che phủ rừng đạt trên 40%.



Hình 2.8. Tình trạng khai thác rừng ở Quảng Sơn, huyện Đắk Glong (Nguồn: Báo Đắk Nông)

Hiện nay, bên cạnh hơn 247.000 ha rừng (trong đó gần 200.000 ha rừng tự nhiên, còn lại là rừng trồng), Đắk Nông vẫn còn hơn 80.000 ha đất được quy hoạch là đất lâm nghiệp nhưng chưa có rừng. Tuy nhiên, có tới 67.000 ha trong số này đã bị lấn chiếm trồng các loại cây nông nghiệp, công nghiệp. Phần còn lại là đất đai cần cõ, địa hình chia cắt... nên không lấn chiếm sản xuất nông nghiệp. Ngành lâm nghiệp Đắk Nông đang định hướng trồng rừng, nâng cao độ che phủ rừng tại diện tích 80.000 ha nói trên, bằng việc phát triển rừng sản xuất, cùng với đề án nông lâm kết hợp và trồng cây phân tán.



Hình 2.9. Người dân trồng rừng (Nguồn: Báo Đắk Nông)

Đắk Nông giảm thiểu thấp nhất các hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp, nhất là đối với hành vi phá rừng trái pháp luật. Tỉnh tập trung xử lí các vấn đề tồn tại trong bồi thường thiệt hại rừng, thuê rừng; giao khoán, xâm chiếm đất rừng.

Mục tiêu của tỉnh là phát triển lâm nghiệp bền vững theo mô hình tăng trưởng xanh, gắn với hiệu quả kinh tế, bảo vệ môi trường.

Tỉnh tập trung vào nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng của sản phẩm lâm nghiệp. Đắk Nông khuyến khích, hỗ trợ đầu tư phát triển kinh tế rừng, trồng cây phân tán, trồng cây gỗ bản địa và lâm sản ngoài gỗ; khoanh nuôi, tái sinh rừng.

Đến năm 2050, Đắk Nông sẽ phát triển lâm nghiệp trở thành ngành kinh tế - kỹ thuật có hiệu quả, liên kết theo chuỗi từ phát triển rừng, bảo vệ rừng, sử dụng rừng đến chế biến và thương mại lâm sản đóng góp ngày càng tăng vào phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; thiết lập, quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững diện tích rừng và diện tích đất quy hoạch cho phát triển lâm nghiệp. Ngành lâm nghiệp đảm bảo môi trường sinh thái, an ninh nguồn nước, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó chủ động và hiệu quả với biến đổi khí hậu; cung cấp đa dạng các loại hình dịch vụ môi trường rừng, tạo việc làm và thu nhập cho người dân, giữ vững quốc phòng và an ninh.



Em hãy cho biết tình trạng rừng của tỉnh Đắk Nông hiện nay.



Luyện tập

Hãy nêu các giải pháp để bảo vệ và phát triển rừng ở Đắk Nông.



Vận dụng

1. Nhận xét và giải thích sự phân bố các huyện trồng cà phê và hồ tiêu ở tỉnh Đắk Nông.
2. Hãy thiết kế pano – áp phích để tuyên truyền và bảo vệ rừng ở tỉnh Đắk Nông.

BÀI 4. TÌM HIỂU NHỮNG PHÁT HIỆN KHẢO CỔ TRONG CÔNG VIÊN ĐỊA CHẤT TOÀN CẦU UNESCO ĐẮK NÔNG

Yêu cầu cần đạt

- Trình bày được các khái niệm: khảo cổ học, di sản khảo cổ học, di chỉ khảo cổ, di tích khảo cổ...
- Biết được những phát hiện khảo cổ trong Công viên Địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông.
- Nhận biết được những nơi phân bố của các di vật, di cốt người cổ ở các di chỉ khảo cổ trong Công viên Địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông.



Khởi động

Công viên Địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông (Công viên) chứa đựng nhiều giá trị di sản như di sản địa chất, di sản văn hóa, đa dạng sinh học... Đặc biệt, việc phát hiện những di chỉ khảo cổ, nhất là di cốt người cổ trong vùng Công viên Địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông là một điểm cộng sáng giá đưa Công viên đứng vào danh sách công viên địa chất toàn cầu. Vậy những phát hiện khảo cổ trong Công viên bao gồm những di chỉ nào? Chúng phân bố ở đâu trong công viên? Nội dung bài học này sẽ giúp chúng ta trả lời những câu hỏi trên.



Khám phá

1. Các khái niệm

1.1. Khái niệm khảo cổ học

Khảo cổ học là một ngành khoa học lịch sử, nó nghiên cứu quá khứ của loài người căn cứ vào những sử liệu bằng vật thật. Nhiệm vụ của khảo cổ học là thu lượm, miêu tả, phân tích và nghiên cứu những di tích, di vật quá khứ của loài người còn để lại đến ngày nay. (Trích từ: Bài giảng Khảo cổ học của ThS Cao Thị Vân - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2)

1.2. Di sản khảo cổ học

Di sản khảo cổ học là những phần còn lại vô cùng quý giá của lịch sử dân tộc; là kho tàng sống động, phong phú và đa dạng về những giá trị gốc của lịch sử, văn hóa và tri thức cổ xưa với những sắc thái độc đáo, riêng biệt; là nguồn sử liệu vật chất quý báu, cung cấp cơ sở khoa học xác thực trong việc làm sáng rõ hơn giá trị lịch sử, văn hóa của dân tộc qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước.

1.3. Di chỉ khảo cổ

Di chỉ khảo cổ hay địa điểm khảo cổ học, đôi khi nói rút gọn là di chỉ, là địa điểm (hoặc một nhóm các địa điểm), trong đó các bằng chứng về hoạt động trong quá khứ được bảo tồn (tiền sử hoặc có lịch sử hoặc hiện đại) đã và đang được hoặc có thể được điều tra bằng cách sử dụng phương pháp khảo cổ học và đại diện cho một phần hồ sơ khảo cổ. Các di chỉ có phạm vi từ khu vực có ít hoặc không có di vật có thể nhìn thấy trên mặt đất, tới các tòa nhà và các công trình khác vẫn đang được sử dụng.

1.4. Di tích khảo cổ

Di tích khảo cổ là bất kì nơi nào có di tích vật chất của các hoạt động trong quá khứ của con người. Chúng có thể bao gồm làng mạc hoặc thành phố, mỏ đá, nghĩa trang cổ, khu cắm trại và di tích đá cự thạch,...

2. Những phát hiện khảo cổ trong Công viên Địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông

Từ năm 2007, các nhà khảo cổ đã tiến hành tìm kiếm dấu tích người tiền sử trên vùng đất Tây Nguyên nói chung và tỉnh Đắk Nông nói riêng, họ đã phát hiện được rất nhiều công cụ lao động của người tiền sử trên địa bàn tỉnh Đắk Nông như ở suối Lò Ô (huyện Krông Nô) với các hiện vật gồm: rìu đá, bàn đập, cối đá, phác vật; thôn 8 khu vực thác Trinh Nữ (huyện Cư Jút) có nhiều hiện vật phản ánh nhiều giai đoạn tiền sử - sơ sử - lịch sử gồm mảnh gốm từ thô đến mịn, dày 5mm - 10mm, từ không còn men đến có men; rìu đá các loại, mảnh tước, vòng đồng,...; thôn Đắk Sơn (huyện Đắk Mil) có các hiện vật rìu đá, phác vật, mảnh tước,...; thôn Đức Lập (huyện Krông Nô) có các hiện vật là rìu đá, phác vật,...

Tuy nhiên, cho đến trước ngày 18 tháng 3 năm 2018, chưa bao giờ ở Tây Nguyên các nhà khảo cổ phát hiện được di cốt người, mặc dầu đã khai quật khoảng 100 địa điểm khảo cổ học. Vì sao như vậy? Đó chính là do đặc điểm địa chất môi trường tầng mặt của Tây Nguyên không thuận lợi cho việc bảo tồn xương động vật cũng như di cốt người.

Vì vậy việc phát hiện về di chỉ khảo cổ người tiền sử sinh sống trong khu vực hang động núi lửa (Hang C6.1) của Công viên đã thu hút sự chú ý của rất nhiều nhà nghiên cứu, du khách trong và ngoài nước. Kết quả nghiên cứu bước đầu cùng với việc thu thập các di vật khảo cổ có mật độ khá dày đặc, ghi nhận đây là dấu tích văn hóa của cư dân Hậu kì Đá mới và Sơ kì Kim khí, có niên đại từ 6.000 đến 3.000 năm cách ngày nay. Các di vật khảo cổ được phát hiện bao gồm đồ đá, đá nguyên liệu và các công cụ đá hình đĩa, rìu ngắn, công cụ mảnh tước, phiến tước, hòn ghè, hòn kê, hòn mài,... Về đồ gốm thì có rất nhiều loại vật dụng, với độ dày, mỏng khác nhau được làm từ đất sét pha cát. Hoa văn trên các mảnh gốm khá sắc nét và đa dạng như chấm gạch, gạch vải,... Ngoài ra còn có xương động vật, các mảnh xương ống của động vật và có cả xương người tiền sử.

EM CÓ BIẾT?

Hang C6.1 nằm ở xã Đắk Sôr, huyện Krông Nô, được đánh giá là di sản độc đáo ở Việt Nam và Đông Nam Á. Hang C6.1 không chỉ là một di sản địa chất mà còn là một địa điểm khảo cổ giá trị. Tại đây, các nhà khoa học đã phát hiện và khai quật được di cốt người tiền sử với nhiều tầng văn hóa cách ngày nay từ 6.000 - 7.000 năm.

Với những giá trị về địa chất và khảo cổ, tháng 3/2023, Di tích Khảo cổ Hang C6-1, thuộc Công viên Địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là Di tích Quốc gia.



Hình 2.10. Bàn đập vỏ cây và công cụ lao động (rìu đá) phát hiện tại thôn Trung Sơn, xã Ea Pô, huyện Cư Jút, niên đại khoảng 3500 năm
(Nguồn: Ban Quản lý Công viên Địa chất Đắk Nông)



Hình 2.11. Công cụ lao động phát hiện tại thôn Tám A và Tám B, xã Đắk Wil, niên đại khoảng 3500 năm
(Nguồn: Ban Quản lý Công viên Địa chất Đắk Nông)

Đến năm 2017, các nhà khảo cổ mới phát hiện trong hang C6.1 thuộc hệ thống hang động núi lửa Krông Nô có các di tích khảo cổ tiền sử.

Quý I của các năm 2018 và 2019, hang C6.1 được khai quật và phát hiện 10 bộ xương hóa thạch của người tiền sử có niên đại cách ngày nay khoảng 5 780 năm.



Hình 2.12. Đoàn khảo sát và khai quật tại Hang C6.1, Huyện Krông Nô năm 2018
(Nguồn: Ban Quản lý Công viên Địa chất Đắk Nông)

Các hố thăm dò tại hang C6' chỉ tìm thấy di cốt và răng của hươu nai và một bộ xương dơi còn nguyên vẹn. Không tìm thấy di cốt người cổ.



Hình 2.13. Xương quay của hươu nai
(Nguồn: Ban Quản lý Công viên Địa chất Đắk Nông)



Hình 2.14. Sọ, hàm và xương chi của dơi quạ (*Pteropodidae*)
(Nguồn: Ban Quản lý Công viên Địa chất Đắk Nông)



Hình 2.15. Khai quật hang C6-1
(Nguồn: Ban Quản lý Công viên Địa chất Đắk Nông)

Ngày 18 tháng 3 năm 2018, phát hiện ra 1 chiếc răng khôn hàm trên bên phải (kí hiệu của răng là C₆₋₁ L₃₋₁.C2). Đây là răng người cổ đầu tiên tìm thấy ở Tây Nguyên. Răng còn nguyên, nhưng có tới 4 chân. Thường răng này chỉ có từ 1 đến 3 chân. Đường kính gần - xa: 8.72. Đường kính ngoài - trong: 11.61.



Mặt gần



Mặt xa



Mặt trong



Mặt ngoài



Mặt nhai

Hình 2.16. Răng khôn hàm trên (18.C6-1.L3-1.C2)
(Nguồn: Ban Quản lý Công viên Địa chất Đắk Nông)

Ngày 22 tháng 3 năm 2018, tại sát vách tây của hố khai quật lại phát hiện ra xương đùi và xương chày của 1 cá thể trưởng thành được kí hiệu là mộ 1 (18C₆₋₁M1). Mộ nằm ở độ sâu 99cm. Có niên đại 5780BP (sau hiệu chỉnh: 6.686BP). Nhưng vì toàn bộ thân và sọ còn nằm trong vách tây nên đoàn khảo cổ quyết định để lại cho cuộc khai quật lần sau (2019).



Hình 2.17. Mộ C₆₋₁C₂L₄₋₈M1 với xương đùi và xương chày nằm trên vách tây của hố khai quật
(Nguồn: Ban Quản lý Công viên Địa chất Đắk Nông)

Ngày 24 tháng 3 năm 2018, phát hiện ra ngôi mộ số 2 (18C₆₋₁D₂L₄₋₈M2). Đây là di cốt của 1 em bé chôn theo thế ngồi bó gối, vì dựa vào vị trí của các xương dưới sọ. Mộ nằm ở độ sâu 138 cm, có niên đại 5.945BP (sau hiệu chỉnh 6.768BP). Toàn bộ di cốt đã được bó thạch cao để chuyển về Hà Nội nhằm phục vụ cho việc phục chế, đo đạc.



Hình 2.18. PGS.TS. Nguyễn Lâm Cường và bộ xương của mộ 2
(18C₆₋₁D₂L_{4,8}M2) trên công trường khai quật
(Nguồn: Ban Quản lý Công viên Địa chất Đắk Nông)

Mộ 3, được chôn trong lớp đất màu xám trắng, kết cấu đất mịn và thuần. Mộ 3 (M3) phân bố sát vách nam, hiện trạng của mộ được xử lý bước đầu, làm lộ rõ một

phần xương chi và một số xương sườn; các xương xếp chồng lên nhau, phần thân và các bộ phận khác nằm trong vách nam hố khai quật chưa xử lí. Rất có thể M3 đã được cải táng. Mộ nằm ở độ sâu 126cm, có niên đại 5.850BP (sau hiệu chỉnh 6.672BP).



Hình 2.19. Mộ 3 (18.C₆₋₁.C₂. L_{4,9}.M3)
(Nguồn: Ban Quản lí Công viên Địa chất Đắk Nông)

Di cốt còn lại gồm 4 mảnh sọ, một đoạn xương đai vai trái, một số đốt sống, xương cánh tay trái mất chỏm, 2 xương cánh chậu, 2 đoạn xương đùi và 2 đoạn xương chày. Đã tiến hành đo đạc được một vài kích thước.



Hình 2.20. Cá thể thứ nhất
(Nguồn: Ban Quản lí Công viên Địa chất Đắk Nông)



Luyện tập

Em hãy lập sơ đồ những phát hiện khảo cổ trong Công viên Địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông gắn với các địa điểm phát hiện.



Vận dụng

Tại địa phương nơi em đang sinh sống có phát hiện di chỉ khảo cổ nào không? Nếu có, hãy kê tên các di chỉ đã phát hiện.

CHỦ ĐỀ 3. VĂN HỌC VIỆT ĐẮK NÔNG THỜI KÌ PHÁT TRIỂN VÀ HỘI NHẬP

Yêu cầu cần đạt

Văn bản thông tin:

- Nhận biết và phân tích được một số thông tin cơ bản trong văn bản.
- Nêu được nội dung bao quát của văn bản; phân biệt đặc điểm phát triển của văn học Đắc Nông qua từng giai đoạn.
- Vận dụng một số hiểu biết về đặc điểm văn học Đắc Nông để đọc hiểu các văn bản của địa phương. Liên hệ, vận dụng được những điều đã đọc từ văn bản để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống.

Văn bản văn học:

- Nêu được nội dung bao quát của văn bản; bước đầu phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.
- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề văn bản.
- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua văn bản.
- Vận dụng được một số hiểu biết về lịch sử văn học để đọc hiểu văn bản văn học.

BÀI 1. VĂN HỌC ĐẮK NÔNG - 20 NĂM MỘT CHẶNG ĐƯỜNG



Khởi động

1. Kể tên một số tác phẩm văn học viết Đắk Nông từ khi tái thành lập tỉnh đến nay.
2. Nêu cảm nhận của em về văn học viết Đắk Nông trong thời gian này.



Khám phá

1. Văn bản

Đắk Nông là một tỉnh ở cửa ngõ phía tây của vùng Tây Nguyên, đoạn cuối dãy Trường Sơn, địa giới nằm trọn trên cao nguyên M'Nông. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2004, Đắk Nông chính thức tách ra trở thành một tỉnh mới. Tuy còn non trẻ về mọi mặt, nhưng Đắk Nông dần dần khẳng định được vị thế của mình trong đời sống văn hóa xã hội, hòa chung xu thế phát triển của đất nước. Không đứng ngoài sự phát triển, văn học Đắk Nông cũng bắt nhịp theo đời sống xã hội của người dân nơi đây.

Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Đắk Nông được thành lập theo Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 20/9/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông. Hội là tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp đặt dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và là thành viên của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Đắk Nông. Khi thành lập, Hội Văn học Nghệ thuật Đắk Nông chỉ có 18 hội viên. Bằng nỗ lực tìm kiếm, phát hiện, bồi dưỡng tạo nguồn xét kết nạp, đến nay đã có 157 hội viên.

Hiện tại Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Đắk Nông có 8 chi hội trực thuộc, gồm 4 chi hội chuyên ngành (Văn học - Văn nghệ dân gian, Mỹ thuật, Nhiếp ảnh, Âm nhạc - Biểu diễn) và 4 chi hội địa phương (Krông Nô, Đắk R'lấp, Đắk Mil và TP. Gia Nghĩa).

Đến nay, sau gần 20 năm hình thành và phát triển, văn học Đắk Nông đã ghi nhận bước chuyển mình để bắt kịp theo xu thế phát triển của xã hội và đã có những thành tựu đáng kể. Văn học - Văn nghệ dân gian là chuyên ngành có số lượng hội viên đông đảo nhất. Trên cơ sở định hướng sáng tác cùng sự khuyến khích, động viên, hỗ trợ của cơ quan hội, sự dấn thân tìm tòi trong sáng tác, rất nhiều hội viên đã dần khẳng định được ngòi bút của mình thông qua tác phẩm.

Một số hội viên đã chuyển từ cách thức sáng tác nghiệp dư qua sáng tác chuyên nghiệp và có được những thành công rất đáng trân trọng. Điều đó không chỉ thể hiện ở việc hàng chục đầu sách của hội viên được in ấn, xuất bản, công bố mà còn có nhiều tác phẩm thơ, truyện ngắn được chọn đăng tải trên các tờ báo, tạp chí văn nghệ uy tín nhất nhì cả nước như *Tuần báo Văn nghệ* (Hội Nhà văn), *Tạp chí Văn nghệ Quân đội* (Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân)...

Nhiều hội viên đã mạnh dạn tham gia dự thi, xét các giải thưởng văn học trong nước và đã đoạt giải, có những tác phẩm thơ của hội viên được chuyển ngữ đăng trên

các tờ báo văn nghệ nước ngoài. Với những góc nhìn mới mang đậm dấu ấn về đời sống, con người, văn hóa của Đắk Nông, đội ngũ sáng tác đã cho ra đời khối lượng các tác phẩm đạt cả về số lượng và chất lượng lẫn chủ đề và thể loại.

Văn học Đắk Nông giai đoạn mới hướng mục tiêu vào việc phản ánh hiện thực đời sống một cách chân thực cùng cái nhìn mới mẻ về sự bảo tồn văn hóa và hội nhập văn hóa quốc tế. Bên cạnh việc sưu tầm, chỉnh lí, bổ sung và hoàn thiện những tác phẩm văn học dân gian mang đậm màu sắc sử thi của đồng bào dân tộc thiểu số M'Nông, Ê Đê thì văn học Đắk Nông tập trung khai thác sâu hơn về đời sống tinh thần, văn hóa, hội nhập tạo nên nhiều mảng màu phong phú làm đa dạng thêm cho nền văn học thời kì đổi mới.

Trong thời gian qua, văn học Đắk Nông đã có được một khối lượng lớn tác phẩm là các tập truyện ngắn, truyện vừa, thơ, tiểu thuyết; các công trình nghiên cứu văn hóa dân gian của hội viên Hội Văn học Nghệ thuật do các cá nhân tự liên kết xuất bản như *Bến cắm trong rừng* của tác giả Lê Tiến Dị; *Sang mùa* của Đặng Bá Canh; *Nỗi đau êm ả* của tác giả Nguyễn Ngọc Hình; *Lòng mẹ* của tác giả Tô Đình Tuấn; *Hồn quê* của tác giả Nguyễn Xuân Dương và một số tác giả khác. Nội dung đề tài tập trung khai thác về con người, quê hương đất nước, một số tác phẩm có đề tài chiến tranh cách mạng trên mảnh đất Đắk Nông như tác phẩm: *Điệp khúc bi tráng chiến tranh* của tác giả Nguyễn Liên; *Nghĩa tình bon Plei* của tác giả Tô Đình Tuấn; một số tác phẩm đã khai thác được vẻ đẹp thiên nhiên và con người Đắk Nông, phản ánh cuộc sống tình cảm của những con người từ những miền quê khác đến xây dựng cuộc sống ở Đắk Nông như: *Sang Mùa* - Đặng Bá Canh; *Bến cắm trong rừng* - Lê Tiến Dị; *Cánh chim phiêu lãng* - Trần Lê Châu Hoàng; phản ánh nhiều nét bản sắc văn hóa của đồng bào dân tộc bản địa. Nổi bật có một số tác phẩm có chủ đề, nội dung phản ánh về vùng đất, con người và văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc trên địa bàn tỉnh Đắk Nông được thể hiện qua các tác phẩm: *Thần gió và đại bàng*, *Lòng mẹ*, *Đồng tiền tấm lá độc*, *Chuyện ở bon U2*... Những tác phẩm văn học đã góp phần vào việc gìn giữ và tôn vinh văn hóa đọc, góp phần phát triển văn học nghệ thuật của tỉnh nhà.

Ở giai đoạn này, sự hiện diện không ít những cây bút trẻ có sự cống hiến cho nền văn học Đắk Nông như: Đặng Bá Canh với tác phẩm *Rừng xa* đã góp phần phản ánh những vấn đề nóng của hiện thực đời sống, xã hội nơi vùng biên giới Tây Nguyên với những ý nghĩa sâu xa. Đó là nạn phá rừng, hủy hoại thiên nhiên một cách dữ dội, tàn bạo; những hiện tượng tiêu cực, tham nhũng trong số cán bộ, quản lí, lãnh đạo địa phương...

Mảng văn học dành cho thiếu nhi cũng thu hoạch nhiều thành tựu. Bên cạnh những truyện dân gian mang màu sắc huyền ảo của thể loại cổ tích, truyện thuyết thì những nhà văn trẻ với những sáng tác giàu ý nghĩa nhân văn cũng là điểm sáng cho văn học Đắk Nông hiện nay. Nhà văn Đào Thu Hà với *Giải cứu Chả Chìa* đã bổ sung cho mảng văn học một mảnh ghép để hoàn thiện hơn diện mạo mới của văn học tỉnh nhà.

Đội ngũ nhà văn, nhà thơ trưởng thành từ khi thành lập tỉnh đã trở thành lực lượng chủ lực cho văn học Đắk Nông. Các tên tuổi như Tô Đình Tuấn, Hoa Hạ, Đặng Bá Canh, Lê Ngọc Dũng, Lê Tiến Dị, Đào Thu Hà, Phạm Thị Viêt... đã góp phần định

hình cho phương hướng hoạt động của mảng văn học. Với nhiều tác phẩm đăng trên Tạp chí Năm Nung, các tác phẩm xuất sắc đạt giải cao trong các cuộc bình chọn đã tạo nền tảng cho nền văn học giúp định hướng nền văn học tỉnh nhà chuyên nghiệp hơn, phù hợp với thời kì đổi mới.

Đổi mới tư duy, bắt kịp tư tưởng nghệ thuật hiện đại là điều tiên quyết để tạo ra không gian nghệ thuật rộng mở nhằm phản ánh, góp tiếng nói, cái nhìn trong suốt hai mươi năm qua, với tư cách một tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp, Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Đắk Nông phát huy truyền thống, đồng hành cùng dân tộc, với Đảng góp phần thiết thực vào quá trình xây dựng tỉnh nhà ngày càng phát triển đi lên.

(Nhóm Biên soạn tổng hợp và thực hiện)

2. Hướng dẫn đọc hiểu

- a. Văn bản trên thuộc loại văn bản nào?
- b. Văn học Đắk Nông sau khi tái thành lập tỉnh có những đặc điểm gì?
- c. Sau gần 20 năm hình thành và phát triển văn học Đắk Nông đã có sự đổi mới như thế nào?
- d. Nêu mục tiêu phản ánh của văn học Đắk Nông giai đoạn mới.
- đ. So với giai đoạn trước, văn học Đắk Nông thời gian gần đây phát triển như thế nào? (Về số lượng các tác phẩm? Về chủ đề, nội dung phản ánh? Về đội ngũ sáng tác?). Nhờ vào đâu có sự phát triển đó?
- e. Nêu cảm nhận của em về đội ngũ cầm bút của văn học Đắk Nông thời gian gần đây.



Luyện tập

Sau khi tách ra từ Hội Văn học nghệ thuật Đắk Lắk đến nay, văn học Đắk Nông tập trung vào những đề tài nào? Những mảng đề tài ấy có ý nghĩa như thế nào đối với công cuộc xây dựng đời sống tinh thần ở Đắk Nông trong thời kì hội nhập và phát triển?



Vận dụng

Sưu tầm một số tác phẩm văn học Đắk Nông thời kì phát triển, hội nhập và sắp xếp theo các chủ đề phù hợp.

BÀI 2. CHUYỆN Ở BON U2



Khởi động

1. Quan sát một số hình ảnh về hoạt động trao tặng bò giống cho những hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn.



Hình 3.1. Hỗ trợ bò sinh sản cho hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số
(Nguồn: Hoài Thu – TTXVN)

2. Trình bày cảm nhận của em sau khi xem những hình ảnh trên.



Khám phá

1. Văn bản

Y Roát bước lẫm lũi trên đường. Lốp nhựa đường⁽¹⁾ đen nhánh dưới chân anh được mặt trời hun bằng cái nắng bỏng rát, như đã muốn chảy ra thành một thứ nước đặc sệt dẻo quẹo. Hơi rượu bốc lên cộng với không khí ngột ngạt bao trùm làm anh ta bức bối, giá có một ca nước đá mà đổ vào cái cổ họng đang khô khốc thì tốt biết mấy, ta sẽ uống một hơi thật dài, thật no cái bụng luôn. Đang mê man với cái ý nghĩ nhỏ bé đầy khao khát ngay lúc này, một bàn tay túm vai Y Roát làm anh giật nảy mình:

- Đây rồi nhé, tao kiếm mày cả tuần rồi.

Anh quay lại, thì ra là ma⁽²⁾ Yuni. Ông già quắc đôi mắt sáng và nghiêm nghị có hàng lông mày với những sợi lông dài lơ phơ bạc nhìn Y Roát. Chút bối rối thoáng qua, Y Roát gạt tay ma Yuni ra:

- Ông tìm tôi làm gì? Tôi thiếu nợ ông à?

- Phải. Con bò Nhà nước cho cả bon để chăn để lấy bê con. Mày giữ nó hai năm rồi, đáng lẽ phải giao cho nhà tao từ tháng trước, bây giờ bò đâu?

- Bò nào, nó đi lạc từ lâu rồi.

- Mày nói láo, nhà mày lấy đâu ra thịt ăn nhậu suốt cả tuần nay hả?

- Ông già quát lên, tiếng không to nhưng đanh chắc, cái cổ họng gân guốc những đường gân nổi lên, đẩy gần từng tiếng một.

- Ủ, thịt bò đấy, nhưng vì nó ăn cỏ bị phun thuốc nên nó chết, tôi làm thịt.

Mày....? Mặt đỏ lên vì giận dữ, ông già nói không nên lời. Tiếng thở mạnh dồn dập, hai con mắt như muốn lồi ra, đôi môi thâm vì khói thuốc rê mím lại.

- Mày tẻ lắm Y Roát ơi, con bò đó Nhà nước cho, là tài sản chung của cả bon⁽³⁾, mỗi nhà chỉ được nuôi hai năm để lấy bê con, mày dám mổ thịt ăn một mình, mày không là con người Y Roát à.

Y Roát vung tay, gạt cánh tay xương xẩu của ông già đang túm lấy vai áo mình, mặc cho ông già chửi, y lão đảo bước tiếp, mặc kệ nhựa đường dưới chân trần như muốn chảy ra.

Tối ấy, ma Yuni sang nhà Y Roát. Hấn vẫn chưa về, chỉ có hai đứa nhỏ ngồi khóc ngoài cửa, trong nhà tối thui. Ông hỏi sao, hai đứa khóc kể lại:

- A ma⁽⁴⁾ say rượu, đốt hết sách vở của cháu rồi.

Ông già nhìn xuống chân hai đứa, những trang giấy đầy chữ và hình từ trong sách giáo khoa rơi lả tả.

- Mai cháu không có sách đi học ông ơi.

- Thế a mí⁽⁵⁾ đâu?

- Đi rầy chưa về.

Ông thở dài, vì một thằng đó mà làm khổ cả bao nhiêu người. Một bóng người lăm lăm đeo gùi⁽⁶⁾ đi vào. Hai đứa trẻ reo lên:

- A, mí về.

Chúng chạy lại bấu lấy mẹ và nhòem vào trong gùi. Những đợt mắng le múp míp còn nguyên lớp vỏ bẹ cứng xanh ngắt phủ một lớp lông tơ mịn màng, xâu cá suốt giấy lách tách dưới đáy gùi. Hai đứa bé vui mừng:

- A, có cá, có mắng. A mí hôm nay không bán cho người ta sao? Mẹ chúng, mí Yoan, vuốt má hai đứa cười âu yếm:

- Ủ không, hôm nay mí về muộn quá, không có ai mua nữa, mí mang về nấu cho các con ăn.

Hai đứa bé vui mừng ra mặt, chạy vòng quanh cột nhà đùa với nhau. Bấy giờ ma Yuni mới lên tiếng:

- Tao có chuyện muốn hỏi mày. Con bò Nhà nước cho đến phiên nhà tao chăn lâu rồi sao không thấy đưa sang. Trưa nay tao gặp thằng Y Roát, nó nói thịt ăn rồi đúng không?

Mí Yoan ngập ngừng:

- Không phải đâu ma Yuni à. Nó dắt bò đi chăn rồi. Để vài hôm nữa nó về mình bảo nó dắt sang nhà cho nhé.

- Đi chăn bò à, tao thấy nó uống rượu say ngoài đường kia kìa - ma Yuni to tiếng.

- Vâng vâng, để nó về mình bảo nó ngay - Mí Yoan nhỏ giọng nhẩn nhẩn.

Ma Yuni bức bối đi về. Mí Yoan nhìn theo thở dài. Làm sao bây giờ. Con bò đó là của Nhà nước hỗ trợ cho cả bon để từng hộ luân phiên nhau nuôi đẻ. Mỗi hộ nuôi khi nào đẻ được bê con phải chuyển cho hộ khác. Mí đã từng hi vọng con bò đó sẽ đẻ cho mí một con bê con, mí sẽ nuôi con bê thật mau lớn, lớn lên rồi con bê thành bò mẹ sẽ lại đẻ cho mí con bê con nữa. Ước mơ của mí cháy bỏng đến nỗi mỗi ngày đi chăn bò mí thường trò chuyện với nó, như thể nó biết được mong ước của mí mà sẽ đẻ cho mí thật nhanh vậy. Nhưng hồi ôi, một hôm mí đi rầy xa phát cỏ tĩa bắp cho kịp mùa vụ, một tuần sau mí về nhà, thấy chuồng trống trơn. Mí hốt hoảng tìm quanh không thấy bò đâu, mí hi vọng hai đứa bé dắt bò đi chăn. Mí bỏ lên đồi tìm, không thấy. Mí quay về nhà, hai đứa đang ăn cơm với muối ớt, nhìn mẹ. Mí hốt hải hỏi:

- Ở bò đâu con?

- Mí ơi, a ma cùng người ta dắt đi mổ thịt rồi.

- Sao lại mổ, ai mổ?

- Không biết, thấy họ đến dắt đi.

A ma cùng mấy người đem thịt về ăn mấy ngày rồi, ăn hết rồi.

Mí ngồi sụp xuống, ôm mặt khóc, khóc nghẹn ngào, khóc không ra hơi. Ôi khổ thân tôi, mất bò rồi, biết lấy gì đền cho mọi người đây. Tiền đâu mà mua bò đền đây.

Y Roát về. Mí chạy lại, túm lấy tay giặt mạnh:

- Mày đem bò đi mổ thịt đâu hết rồi, bán cho ai, tiền đâu rồi?

Y Roát giặt mạnh tay ra:

- Mày hỏi làm gì, được một tí tiền, tiêu hết rồi.

- Ôi mày giết tao đi còn hơn, mày không biết thương tao thì mày cũng phải biết xấu hổ chứ. Bò của bon có phải của mày đâu. Mày thịt rồi thì giờ lấy gì đền cho dân bon đây.

- Cứ nói nó rơi xuống đồi chết rồi, bắt đền được tao à.

- Mày nói hay lắm, mày đi mà nói đi.

- Được rồi, đưa nào đến đây bắt đền được tao nào.

Tối đấy, hai vợ chồng cãi vã nhau âm ỉ, hai đứa trẻ quen rồi nên ăn xong cũng lăn ra ngủ. H Yoan mất ăn mất ngủ từ hôm đó đến nay, người lúc nào cũng thần thờ, cái chân bước đi nương mà cái bụng hoang mang lo lắng, bần thần cả người. Giờ ma Yuni biết cả rồi, giấu sao được đây.

Sáng hôm sau, H Nét đến nhà H Yoan. H Nét là Hội trưởng Hội Phụ nữ bon, kiêm thêm việc thu tiền gốc và tiền lãi vay của các hộ vay ngân hàng chính sách. Công việc vất vả, lại đi nhiều, chủ yếu là công tác vận động bà con, để bà con làm ăn, sử dụng đồng tiền có hiệu quả, có lãi và đúng đúng hạn cho ngân hàng. Việc này H Nét được các anh chị ở ngân hàng và Hội Phụ nữ huyện động viên cho làm. Các anh chị nói, H Nét có nhiều đức tính, lại có uy tín với bà con, H Nét nên làm, vừa là phát huy khả năng của mình, vừa là giúp đỡ cho bà con. Ban đầu còn bỡ ngỡ, nhưng dần dà, H Nét quen việc, dân bon cũng quen có H Nét, H Nét có cách nói làm bà con nghe ra, hiểu ra và cùng nhau thực hiện. Phần lớn bà con dùng tiền vay để đầu tư cho rẫy cà

phê, rầy tiêu, con giống. Mấy năm nay tiêu được giá, nhiều hộ đã trả được gốc. H Nét báo cáo với tổ trưởng. Đồng chí ấy vui lắm, nhắc H Nét tiếp tục động viên chị em tích cực học tập tiến bộ khoa học kỹ thuật, làm ăn hiệu quả, xây dựng đời sống mới. Tính ra đến nay H Nét đã giúp ngân hàng thu lại gốc của mười chín hộ, chỉ còn lại ba hộ nữa. Hai hộ kia H Nét đã làm việc, họ hứa tháng sau bán cà phê, bán tiêu sẽ trả đủ. Còn hộ H Yoan là chị phải đi lại nhiều lần mà chưa có kết quả. Hôm qua lại nghe ma Yuni nói chuyện con bò bị Y Roát thịt ăn mất, H Nét cũng lo lắng lắm. Chị biết H Yoan không phải là người thiếu trách nhiệm. Cô ấy chăm chỉ làm ăn, mỗi tháng đều đem lãi trả đúng hạn, nhưng chồng H Yoan không phải vậy, có tiền là đem uống rượu hết, không chịu làm ăn gì.

Giá như chỉ riêng hộ Y Roát thì không sao, từ từ H Nét sẽ có cách vận động, nhưng khổ nỗi đây là chương trình vay tập thể cho cả bon. Nhà nước muốn cả bon cùng cộng đồng trách nhiệm giúp nhau là ăn và cùng nhau trả nợ, nên cả hai mươi hai hộ vay, nếu chỉ có hai mươi một hộ trả nợ thì cũng chưa hoàn thành chương trình, số đó đã thế chấp của hai mươi một hộ đã trả đầy đủ cũng không thể lấy ra được khỏi ngân hàng, vì còn vướng lại một hộ. Nên các hộ khác đã trả gốc và lãi đầy đủ mà vẫn không lấy được bìa đỏ về. Đó là cái hay của chương trình vay tập thể, ràng buộc trách nhiệm cộng đồng, đòi hỏi các hộ phải trả đầy đủ thì mới giải quyết cho lấy bìa đỏ về. Những hộ đã trả đủ thì sốt ruột, đòi H Nét phải làm việc để họ rút sổ đỏ về. H Nét đứng ngồi không yên.

- H Yoan à, bây giờ hai mươi một hộ đã trả nợ cho ngân hàng rồi, mọi người chờ gia đình H Yoan trả nợ để ngân hàng trả sổ đỏ về cho mọi nhà đó.

- Vâng mình biết mà, mình sẽ cố gắng sớm trả nợ, không để phiền mọi người.

- Nhưng muốn làm được vậy thì H Yoan phải có kế hoạch chi tiêu trong gia đình, chồng mình phải biết bảo ban cho nó chịu khó đi làm, chứ để suốt ngày đi uống rượu không lo làm ăn thì mình có nói gì mọi người cũng không có tin đâu.

- Vâng, mình biết mà, H Nét yên tâm đi, chồng mình nó lo đi làm mà - H Yoan cúi đầu, nói khẽ.

- Ủ, mình muốn tốt cho H Yoan mình nói vậy thôi, H Yoan xem thế nào nhé.

H Nét nói vậy làm H Yoan xấu hổ lắm, vì một mình nhà H Yoan mà làm ảnh hưởng đến mọi người. Hôm họp bon có người bức xúc cũng nói đến chuyện nhà H Yoan không chịu giao bò rồi nợ ngân hàng không trả, làm cả bon bị liên lụy theo. H Yoan nghe mà chỉ biết cúi đầu không dám nói sao. Mọi người chê trách H Yoan không biết bảo ban chồng, H Yoan nào muốn thế đâu. H Yoan cũng muốn chồng mình chăm chỉ làm ăn như người ta, không ham uống rượu, đánh bạc, không ham chơi bời. Nhưng tính H Yoan không biết nói nặng nhẹ, dùng lời lẽ khuyên răn thì Y Roát không nghe, lại còn chửi bới, đánh đập H Yoan. Kiếm được đồng tiền từ việc bán cá suối, măng le, H Yoan chắt chiu dành dụm để đóng tiền học cho con, mua thuốc khi ốm đau, nhưng cát đâu Y Roát cũng lần ra được, lấy hết. Còn nếu lên cơn thèm không tìm được tiền, hấn lại lôi chị ra đánh, bắt phải đưa hấn tiền mua rượu mới thôi. H Yoan thấy tủi nhục lắm, bao nhiêu đêm khóc thầm vì sợ hai đứa trẻ biết chúng sẽ sợ hãi. H Yoan không dám nói với ai, ngay cả H Nét là phụ nữ bon, thường xuyên đi khuyên giải, làm hòa cho các gia đình có xích mích trong bon. H Yoan cũng không

dám tâm sự. Chị xấu hổ với H Nét, xấu hổ với phụ nữ trong bon. Nhưng càng lúc, Y Roát càng quá đáng, hằn không biết thương vợ, thương con, mà còn đem lại cho chị bao nhiêu rắc rối. Đến con bò là tài sản của bon mà hằn còn dám thịt bán, tiền ngân hàng cho vay về hằn cướp lấy từ tay chị, không cho chị mua con giống, mua phân bón, mà lấy đi tiêu xài hết. Vì hằn mà giờ chị đã kiệt quệ cả sức lẫn sự chịu đựng. Chị như con thú bị dồn vào đường cùng, phía trước là vực sâu. Chị không biết mình nên nhảy xuống vực để chấm dứt mọi tội lỗi lẫn sự đau khổ, hay quay lại để đối mặt với sự giận dữ của dân bon khi biết sự thật về gia đình chị. Còn hai đứa con, chị chết đi thì yên thân chị, còn chúng biết nương tựa vào đâu.

Nhìn hai con ôm nhau ngủ ngon lành, khuôn mặt trẻ thơ không gợn chút vướng bận làm chị đau lòng quá. Con chị có tội tình gì đâu, sao chị lại có thể tước đi quyền được chăm sóc, được yêu thương của chúng được chứ. Người có tội là Y Roát, thì chị lại không dám đấu tranh, không dám đối diện. Chị bắt chị phải khổ, kéo theo hai con cũng phải khổ theo chị. Chị không phải rồi. Chị dung túng cho thói hư của chồng, là chị tiếp tay cho cái xấu, nên chồng chị càng ngày càng ngập vào sự bê tha, kéo theo bao nhiêu hệ lụy cho gia đình và cả bon làng.

Hôm sau, chị sang nhà H Nét. Chị lấy hết can đảm nói ra chuyện con bò và món nợ, không ngờ là H Nét không hề ngạc nhiên, mà còn vui mừng, nói với chị:

- H Yoan à, mình mừng là Yoan đã biết đối mặt với sự thật, dũng cảm nói ra sự thật. Nếu mình không chịu thừa nhận, thì mình không bao giờ tiến bộ được đâu. Y Roát đó sai rồi, nó không có xứng đáng với sự hi sinh của H Yoan đâu. Đừng vì sự hi sinh vô điều kiện cho nó mà làm khổ mình, khổ con. Việc hằn làm thì hằn phải tự chịu trách nhiệm trước dân bon, không ai bao che cho việc xấu đâu H Yoan à.

H Nét đưa H Yoan lên ngân hàng chính sách để xin làm thủ tục giãn nợ, cho thêm thời gian hai năm để làm kiếm tiền. H Yoan còn được vay thêm mười triệu đồng để mua bò. H Yoan vui mừng quá, tưởng như từ chỗ tăm tối được đưa ra ngoài ánh sáng. Nay nhờ dân bon thông cảm, nhờ H Nét tốt bụng chỉ cho điều hay lẽ phải, được Nhà nước tạo điều kiện, H Yoan quyết tâm thay đổi cuộc sống của mình. Mình phải tự làm chủ cuộc sống của mình, không thỏa hiệp với cái xấu, cái lạc hậu, cái lười biếng, ỷ lại vào chính sách của Nhà nước. H Yoan cũng không bao che cho Y Roát nữa, anh ta mà còn về quấy rối, H Yoan nhất định nhờ chi hội phụ nữ và dân bon can thiệp, giúp đỡ. Bây giờ H Yoan đã tự đứng được trên đôi chân của mình, chắc chắn H Yoan sẽ làm được, sẽ làm tốt, H Yoan vui mừng mà tin như thế.

(Truyện ngắn, Phạm Thị Viêt, Tạp chí Nấm Nung số 144 – Tháng 5+6/2018, trang 52-58)

Chú thích:

⁽¹⁾ *Nhựa đường*: là một chất lỏng hay chất bán rắn, có độ nhớt cao, màu đen, có mặt trong phần lớn các loại dầu thô; thường được sử dụng để rải đường.

⁽²⁾ *Ma*: cha, trong truyện gọi “ma Yuni” là cách gọi thể hiện sự tôn trọng người lớn tuổi.

⁽³⁾ *Bon*: đơn vị cư trú tương đương với buôn, bản, làng. Mỗi bon có nhiều hộ gia đình có quan hệ láng giềng, quan hệ huyết thống gần gũi, trong đó dấu vết của chế độ mẫu hệ vẫn in đậm trong mọi quan hệ ở bon, làng.

⁽⁴⁾ *A ma*: cha.

(⁵) *Mí* (mí Yoan): mẹ.

(⁶) *Gùi*: là vật dụng bằng tre, mây đan thủ công, sử dụng phổ biến của đồng bào thiểu số.

- **Phạm Thị Viết** sinh năm 1978, hiện đang là Phó hiệu trưởng Trường Tiểu học Trần Phú, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.
- Tác giả có khoảng 30 tác phẩm thơ, truyện chủ yếu được đăng trên Tạp chí Nấm Nung.
- Các tác phẩm viết về đề tài miền núi, đời sống của đồng bào địa phương, mái trường.
- Truyện ngắn “Chuyện ở Bon U2” được viết vào năm 2018; lấy nguồn cảm hứng từ thực tiễn đời sống của đồng bào ở các bon, buôn; thể hiện niềm tin vào sự nỗ lực vươn lên xóa đói giảm nghèo, tinh thần đoàn kết dân tộc, sự quan tâm của Đảng và Nhà nước tới đời sống của người dân.

2. Hướng dẫn đọc hiểu

- a. Hãy xác định bố cục của văn bản và cho biết nội dung chính của từng phần.
- b. Truyện đề cập đến các nhân vật nào? Theo em, nhân vật nào đóng vai trò quan trọng nhất góp phần thể hiện chủ đề của truyện? Vì sao?
- c. Phân tích diễn biến tâm lí của nhân vật H Yoan và nhận xét.
- d. Em cảm nhận như thế nào về nhân vật Y Roát? Từ nhân vật Y Roát em hãy cho biết một số nguyên nhân dẫn đến cuộc sống nghèo túng của gia đình anh.
- đ. Nhận xét nghệ thuật xây dựng nhân vật trong câu chuyện.
- e. Qua truyện ngắn *Chuyện ở Bon U2*, tác giả muốn gửi tới người đọc thông điệp gì?



Luyện tập

Qua nhân vật H Yoan, H Nét, hãy viết đoạn văn (khoảng 9 - 12 câu) trình bày cảm nhận của em về nét đẹp trong đời sống của người phụ nữ Tây Nguyên.



Vận dụng

Em sẽ làm gì để thể hiện trách nhiệm của tuổi trẻ đối với công cuộc xây dựng và phát triển quê hương.

BÀI 3. TÂM SỰ VỚI ĐẮK NÔNG



1. Học sinh quan sát một số hình ảnh và trình bày suy nghĩ về sự thay đổi trong đời sống, trong lao động sản xuất của người dân ở quê hương Đắk Nông.



Hình 3.2. Trường THCS Lương Thế Vinh, xã Quảng Tín (Ảnh: Trần Liên)



Hình 3.3. Quảng trường 23/3 thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông (Nguồn: Tin nhanh Đắk Nông)



Hình 3.4. Khu công nghiệp Alumin Nhân Cơ (Nguồn: Báo Đắk Nông)

2. Chất lượng cuộc sống của gia đình em và của người dân ở nơi em sinh sống hiện nay đã được cải thiện như thế nào? (gợi ý: sự thay đổi về điện, đường, trường, trạm, thu nhập, phương tiện đi lại...)



1. Văn bản

Đất Nông ơi, xuân nay khoe áo mới
Những chàng trai, cô gái vây quanh
Bao cụ già ngồi đàn nan⁽¹⁾, thả cá
Lớp đàn em đang vui bước tới trường

Đất Nông ơi, qua rồi bao mùa rẫy
Qua đi, bao mùa mưa gió lạnh
Qua đi, bao mùa khô cháy nắng
Qua đi, bao cơn khó nhọc nhằn
Đã qua rồi tiếng súng, tiếng bom...
Đã lùi xa một thời đỏ lửa.

Đất Nông nay như Pơ lang⁽²⁾ mới nở
Nụ nài xuân đang chím chím cười
Nụ cô gái đang thẹn thùng chải tóc
Nụ đàn em ríu rít niềm vui,
Đón niềm vui, trong những mùa lúa mới
Đón niềm vui, từ những con đường
Đón niềm vui, vì quê hương khởi sắc
Từng bước đi lên, đổi mới, đẹp giàu.

(Hồng Sinh R'la Yang, Tâm sự với Đất Nông, Tạp chí Năm Nung số 148, xuất bản tháng 10/2018)

Chú thích:

⁽¹⁾ *Đan nan*: người ta thường sử dụng các nan rời bằng tre nứa, giang, mây, lá dừa để đan nong mốt, nong đôi làm đồ dùng gia đình.

⁽²⁾ *Pơ lang*: (miền Bắc gọi là hoa gạo) cũng là một loài cây gắn bó mật thiết với đời sống văn hóa tinh thần của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên.

Hồng Sinh R'la Yang có một số sáng tác thể hiện tình cảm thiết tha đối với quê hương Đất Nông. Bài thơ “Tâm sự với Đất Nông” là một tác phẩm tiêu biểu được in trên *Tạp chí Năm Nung* số 148, xuất bản tháng 10/2018.

2. Hướng dẫn đọc hiểu

- a. Bức tranh về diện mạo mới của Đắk Nông được diễn tả qua những hình ảnh, chi tiết nào ở khổ thơ đầu?
- b. Tìm các chi tiết chứng tỏ người dân Đắk Nông luôn ghi nhớ về thời quá khứ, lịch sử.
- c. Đắk Nông hôm nay đã thay đổi về mọi mặt, qua bài thơ em hãy chứng minh điều đó.
- d. Hình ảnh hoa *Pơ lang* trong bài thơ có ý nghĩa gì?
- đ. Cảm xúc của tác giả được thể hiện trong bài thơ?
- e. Chỉ ra các biện pháp nghệ thuật tiêu biểu được sử dụng trong bài thơ.



Luyện tập

Viết đoạn văn ghi lại cảm nhận của em trước sự thay đổi của quê hương Đắk Nông.



Vận dụng

Sau khi học xong bài thơ này, em nghĩ mình có thể làm gì để góp sức xây dựng quê hương trong hiện tại và tương lai?

CHỦ ĐỀ 4. LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG Ở TỈNH ĐẮK NÔNG

Yêu cầu cần đạt

- Nêu được một số làng nghề truyền thống.
- Nêu được thực trạng về các làng nghề truyền thống ở tỉnh Đắk Nông.
- Nêu được lợi ích của làng nghề truyền thống ở Đắk Nông.
- Giải pháp nhằm giữ gìn và phát huy làng nghề truyền thống ở Đắk Nông.



Khởi động

Quan sát các hình ảnh và trả lời câu hỏi.



Hình 4.1. (Nguồn: <https://baodaknong.vn>)



Hình 4.2. (Nguồn: <https://vhtttl.daklak.gov.vn/Articles/Detail/9108>)



Hình 4.3.
(Nguồn: <https://bnews.vn/gin-giu-nghe-det-tho-cam-cua-dong-bao-dan-toc-o-tay-nguyen/230740.html>)



Hình 4.4.

1. Theo em, các bộ trang phục ở hình 4.1 và hình 4.2 được làm bằng chất liệu gì?
2. Các nhân vật trong hình 4.3, 4.4 đang làm gì? Chia sẻ điều em biết về công việc họ đang làm.

1. Các làng nghề truyền thống ở tỉnh Đắk Nông

Đọc các thông tin sau và trả lời câu hỏi.

Thông tin 1. Nghề dệt thổ cẩm truyền thống tỉnh Đắk Nông

Nghề dệt của người M'Nông tỉnh Đắk Nông được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia theo Quyết định số 777/QĐ-BVHTTDL, ngày 04/04/2022.

Dệt thổ cẩm là nghề thủ công được truyền qua các thế hệ trong một gia đình đồng bào các dân tộc M'Nông, Mạ và Ê Đê trên địa bàn Đắk Nông. Bao đời nay, các thế hệ cha ông, các nghệ nhân đã nỗ lực lưu giữ, bảo tồn và truyền dạy cho nhiều thế hệ con cháu.



Bà H' Bình (bên trái) - Tổ trưởng THT dệt thổ cẩm thường xuyên hướng dẫn các thành viên kỹ thuật dệt (Ảnh: Hồ Mai)

Theo dòng chảy thời gian và sự phát triển của xã hội, cuộc sống, đồng bào dân tộc M'Nông, Mạ, Ê Đê đã tạo nên những bộ trang phục truyền thống mang nét đặc trưng riêng. Đó là những tấm thổ cẩm được dệt thủ công bằng bàn tay khéo léo, chăm chỉ của phụ nữ. Thổ cẩm đóng vai trò cực kì quan trọng trong đời sống xã hội, được xem như thước đo Công - Dung - Ngôn - Hạnh của người phụ nữ đồng bào các dân tộc này.

Trước đây, nguyên liệu truyền thống trong dệt thổ cẩm của người bản địa là sợi vải được làm từ cây bông. Bông khô sẽ được đem quay tơ, tách sợi, cuộn thành các búi sợi và sẽ được nhuộm. Tùy theo màu sắc cần dệt mà họ sử dụng các loại cây rừng khác nhau để nhuộm. Sản phẩm dệt xong thường dùng để làm thành áo, khố, khăn, túi, váy hoặc chăn... Hiện nay, sợi để dệt thổ cẩm được mua sẵn với đủ màu sắc, kích cỡ, chủng loại.

Tổ hợp tác dệt thổ cẩm ở bon Ting Wel Đom có 8 thành viên tham gia, đều là những người có tay nghề cao và đã có thêm nguồn thu nhập từ dệt thổ cẩm. Tổ hợp tác thổ cẩm được xã tạo điều kiện bố trí cơ sở tại Làng nghề truyền thống Đắk Nia.

(Nguồn: <https://baodaknong.vn/diem-danh-nghe-truyen-thong-o-dak-nong>)

Thông tin 2. Nghề làm rượu cần truyền thống ở Đắk Nông

Năm 2018, rượu cần truyền thống được tỉnh Đắk Nông công nhận là nghề truyền thống. Những người đang sản xuất rượu cần trong bon Ting Wel Đom, bon Bu Sóp và bon N’Jriêng, xã Đắk Nia, thành phố Gia Nghĩa đã liên kết thành tổ hợp tác nấu rượu cần truyền thống.



*Bà Grum đang thực hiện công đoạn bỏ cơm đã trộn men vào ché rượu cần
(Nguồn: <https://dantoctongiao.congthuong.vn/dak-nong-ruou-can-truyen-thong-dat-chuan-chau-au-215402.html>)*



Men lá cây rừng, làm nên đặc trưng riêng về màu sắc, mùi vị của rượu cần truyền thống dân tộc Mạ. (Nguồn: <https://dantoctongiao.congthuong.vn/dak-nong-ruou-can-truyen-thong-dat-chuan-chau-au-215402.html>)

Theo ông Trần Đình Tuấn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đắk Nia, việc công bố các chất trong mẫu test đã tạo điều kiện cho tổ hợp tác rượu cần Đắk Nia tuyên truyền, quảng bá về rượu cần truyền thống. Sản phẩm đã có logo rượu, nhãn hiệu và đăng kí sở hữu trí tuệ, từng bước xây dựng thương hiệu riêng cho rượu cần Đắk Nông, mở ra hướng phát triển mới góp phần giữ gìn nghề rượu cần truyền thống.



1. Kể tên các nghề truyền thống được nói đến trong hai thông tin trên.
2. Nêu các đặc điểm cơ bản của các nghề truyền thống đó (nguyên liệu, cách làm, cách truyền nghề,...).
3. Hãy chia sẻ thêm những hiểu biết của em về một số làng nghề truyền thống tại nơi em đang sinh sống.

2. Thực trạng về các làng nghề truyền thống ở tỉnh Đắk Nông

Đọc thông tin sau và trả lời câu hỏi.

Làng nghề truyền thống tại xã Đắk Nia, thành phố Gia Nghĩa (Đắk Nông) được xây dựng với mục đích bảo tồn và phát huy nghề truyền thống.

Trước đây, làng nghề không thể đi vào hoạt động do không tìm được đầu ra cho sản phẩm. Chính vì vậy, bà con dân tộc M'Nông, Mạ,... không mấy mặn mà với làng nghề cũng như việc làm các loại mặt hàng truyền thống. Bà con chỉ làm các sản phẩm sử dụng ở gia đình khi có nhu cầu và chỉ tập trung làm những lúc rảnh rỗi.

Khu vực làng nghề truyền thống bị bỏ hoang, cơ sở sản xuất xuống cấp. Ngoài nguyên nhân không có đầu ra cho sản phẩm, làng nghề không thể đi vào hoạt động còn có một số nguyên nhân: các nghệ nhân ngày càng ít, số nghệ nhân có kinh nghiệm truyền dạy cũng đã lớn tuổi rồi mất đi. Lực lượng trong độ tuổi lao động mặc dù nhiều, nhưng không còn mấy người tâm huyết, mặn mà với nghề của cha ông mà thường chọn mưu sinh bằng nghề khác, dẫn đến đội ngũ kế thừa hạn chế.

(Nguồn: <https://dangcongsan.vn/tu-tuong-van-hoa/dak-nong-lang-nghe-truyen-thong-sau-6-nam-hoan-thanh-van-chua-dua-vao-su-dung-267845.html>)



Nguyên nhân nào làm cho làng nghề truyền thống ở tỉnh Đắk Nông không phát huy được thế mạnh của làng nghề?

3. Giữ gìn và phát triển các làng nghề truyền thống ở tỉnh Đắk Nông

3.1. Tiềm năng của các làng nghề truyền thống của tỉnh Đắk Nông

Đọc các thông tin sau và trả lời các câu hỏi.

Thông tin 1. Rượu cần vươn ra thị trường

Nắm bắt nhu cầu của thị trường, hiện nay, không ít gia đình đồng bào dân tộc thiểu số đã sản xuất rượu cần để bán, vừa có thu nhập vừa góp phần gìn giữ nét văn hóa truyền thống các dân tộc Tây Nguyên. Ché rượu cần đã trở thành một nét văn hóa đặc trưng không thể thiếu của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên. Điều phấn khởi là, những năm gần đây, tiếng vang của rượu cần Tây Nguyên nói chung và rượu cần của các dân tộc ở Đắk Nông được nhiều người trong và ngoài tỉnh biết đến. Bởi vì, tại các hội thi, hội diễn hay liên hoan văn hóa, văn nghệ toàn quốc, hình ảnh rượu cần và ché rượu làm quà luôn có mặt, góp phần quảng bá văn hóa rượu cần đến bạn bè gần xa.



Chị H'Mai ở bon Tinh Wel Đom, xã Đắc Nia ủ hàng trăm ché rượu cần để bán trong dịp tết. (<https://baodaknong.vn>)

Bằng cách làm truyền thống dùng men với lá cây rừng, rượu cần Đắc Nia, thành phố Gia Nghĩa (Đắk Nông), trở thành đặc sản được nhiều người tiêu dùng lựa chọn. Việc làm rượu cần đã tạo việc làm, bảo tồn và gìn giữ nghề truyền thống cho địa phương.

(Tổng hợp từ <https://baodaknong.vn>)

Thông tin 2. Nghề dệt thổ cẩm, nét đẹp văn hóa cổ truyền của đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Đắk Nông

Đối với đồng bào các dân tộc Tây Nguyên nói chung, các dân tộc thiểu số tại chỗ ở tỉnh Đắk Nông nói riêng, từ bao đời nay, dệt thổ cẩm đã trở thành biểu tượng, nét đẹp văn hóa cổ truyền và không thể thiếu trong đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào. Trước đây, nghề dệt thổ cẩm của các tộc người thiểu số ở tỉnh Đắk Nông là nghề thủ công truyền thống, được phát triển rất sớm, rộng khắp trong các bon, buôn và đóng vai trò rất quan trọng trong đời sống văn hóa, tinh thần và phát triển kinh tế gia đình.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, các hoạt động dệt vẫn được duy trì để phục vụ cho cuộc sống hằng ngày và phục vụ khách tham quan du lịch. Trong cuộc sống thường nhật hoặc vào các dịp tết, lễ hội, nghi lễ truyền thống của dân tộc mình, người dân đều mặc trang phục truyền thống, qua đó góp phần tuyên truyền, khuyến khích mọi người gìn giữ và phát huy giá trị của trang phục truyền thống của dân tộc mình. Mặc dù vài công nghiệp, trang phục hiện đại đã trở nên thông dụng nhưng tấm vải thổ cẩm vẫn là lễ vật trong đám cưới, đám hỏi, là món quà của mẹ tặng con vào những dịp trọng đại.

Nghề dệt thổ cẩm không chỉ thể hiện nét đẹp văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số tỉnh Đắk Nông mà còn là một nghề tiềm năng góp phần phát triển du lịch địa phương. Những tấm vải dệt từ bàn tay khéo léo của người thợ thường được sử dụng làm đệm, chăn, may quần áo,... trong gia đình.

(Tổng hợp từ <https://baodaknong.vn>)



Sản phẩm dệt thổ cẩm thủ công, sản phẩm ứng dụng từ thổ cẩm của đồng bào
Đắk Nông được trưng bày tại một sự kiện (Nguồn: <https://baolangson.vn>)



1. Theo em, thông tin trên đã cho thấy nghề truyền thống của tỉnh Đắk Nông có giá trị tiềm năng như thế nào đối với đời sống con người?

2. Em hãy chia sẻ thêm những hiểu biết của mình về một số nghề truyền thống của địa phương mình.

3.2. Giải pháp giữ gìn và phát triển các làng nghề truyền thống

Thông tin 1.

Khôi phục nghề truyền thống gắn với bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa. Nhằm bảo tồn nghề dệt truyền thống, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông chỉ đạo các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, đơn vị có liên quan hướng dẫn thành lập những tổ hợp tác dệt thổ cẩm.

Thổ cẩm không chỉ được dùng để làm trang phục, mà còn là sản phẩm văn hóa dùng làm kỉ vật trong hôn nhân, tang lễ, trong sinh hoạt hằng ngày và trong sinh hoạt văn hóa truyền thống. Để những tinh hoa văn hóa ấy không bị mai một, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông đã ban hành Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 về phê duyệt Đề án “Bảo tồn phát huy thổ cẩm truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số M’Nông, Mạ, Ê Đê, Thái, Dao gắn với phát triển du lịch tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2023-2025”, qua đó, giữ gìn, phát huy giá trị, xây dựng thương hiệu thổ cẩm các dân tộc Đắk Nông gắn với phát triển du lịch, góp phần phát triển kinh tế hộ gia đình và địa phương và tìm đầu ra cho sản phẩm thổ cẩm tại các khu, điểm du lịch. Năm 2019 và năm 2020 tỉnh Đắk Nông tổ chức Lễ hội văn hóa thổ cẩm Việt Nam lần thứ I và lần thứ II tại tỉnh Đắk Nông.

Với nhiều chương trình, hoạt động nhằm giới thiệu, quảng bá thổ cẩm các dân tộc đến bạn bè trong nước và thế giới. Lễ hội không chỉ góp phần gìn giữ, phát huy và tôn vinh bản sắc văn hóa các dân tộc Việt Nam, mà còn tạo ra cơ hội để tìm kiếm đầu ra cho thổ cẩm. Nhiều gia đình, làng nghề đã tìm được đối tác tiêu thụ sản phẩm thổ cẩm truyền thống.

(Nguồn: <https://moit.gov.vn/tin-tuc/xuc-tien-thuong-mai/nang-tam-thuong-hieu-tho-cam-dak-nong.html>)

Thông tin 2.

Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông sớm chỉ đạo các sở, ngành, địa phương hướng dẫn tổ chức, cá nhân xây dựng hồ sơ công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống, ưu tiên cho các nghề truyền thống như dệt thổ cẩm, đan lát, rượu cần,... của dân tộc thiểu số trên địa bàn.

Bên cạnh đó, rất cần các chính sách đào tạo, nâng cao tay nghề, nhất là các chính sách khuyến khích nghệ nhân truyền nghề cho các đối tượng lao động, nhất là truyền nghề cho thanh niên.

(Tổng hợp từ <https://baodaknong.vn>)



1. Chính quyền và người dân tỉnh Đắk Nông đã triển khai những biện pháp nào để giữ gìn và phát triển các làng nghề truyền thống?

2. Nêu những việc em cần làm để góp phần giữ gìn và phát triển các làng nghề truyền thống của địa phương.



Luyện tập

Bài tập 1. Hành vi nào sau đây phù hợp với việc giữ gìn và phát huy nghề truyền thống của địa phương? Giải thích vì sao?

- A. Chị H tham gia lớp học dệt thổ cẩm.
- B. Chị M không học nghề dệt vì cho rằng cổ hủ.
- C. P có hành vi chê bai nghề dệt thổ cẩm.
- D. N phát tán thông tin sai lệch về nghề dệt của quê hương.

Bài tập 2. Tình huống.

Sau khi học xong cao đẳng, anh T có ý định về quê phát triển nghề truyền thống dệt thổ cẩm của quê hương, biết chuyện ông M và bà N là bố mẹ của T đã ra sức ngăn cản và khuyên T nên học lên để làm kinh doanh, không theo nghề truyền thống vì thu nhập thấp. Chị gái của anh T là P không đồng ý với bố mẹ và khuyên em trai nên về tiếp tục phát triển nghề truyền thống của quê hương.

Em hãy nhận xét về suy nghĩ và việc làm của những nhân vật trong tình huống trên? Vì sao?



Vận dụng

1. Em hãy cùng các bạn thiết kế báo tường hoặc tập san về chủ đề “Giữ gìn và phát triển làng nghề dệt thổ cẩm, nấu rượu cần truyền thống ở Đắk Nông”.

2. Em hãy giới thiệu một hoạt động về giữ gìn và phát triển làng nghề truyền thống do địa phương tổ chức mà em biết.

CHỦ ĐỀ 5. ĐẮK NÔNG TRONG EM

BÀI 1. KIẾN TRÚC TRONG ĐỜI SỐNG

Yêu cầu cần đạt

- Trình bày được mục đích sáng tạo của sản phẩm, đặc điểm kiến trúc tại Đăk Nông.
- Phân biệt được sự mô phỏng và lặp lại các họa tiết hoa văn trang trí trên kiến trúc.
- Tạo hình/Mô phỏng hình ảnh nhà rông, nhà dài, nhà truyền thống, (nhà rông, nhà dài,...) đúng trình tự và phương pháp.
- Vận dụng được giá trị thẩm mỹ truyền thống vào sáng tạo sản phẩm.
- Lựa chọn được hình thức giới thiệu: làm file powerpoint, tập san, báo ảnh, hoặc video giới thiệu về địa phương em.



Khởi động

Sau gần 20 năm được tái thành lập, Đăk Nông có hơn 40 dân tộc anh em sinh sống. Ở đó, mỗi dân tộc có những bản sắc truyền thống văn hóa riêng, được gìn giữ, bảo tồn và phát triển cùng đất nước. Một nét truyền thống không thể thiếu đó là những công trình kiến trúc luôn được bảo tồn qua nhiều thế hệ, kết hợp với những nét kiến trúc của các dân tộc khác đã tạo nên một lối kiến trúc rất riêng trong đời sống Nhân dân.



Khám phá

1. Tìm hiểu một số công trình kiến trúc tiêu biểu Đăk Nông



Quan sát hình ảnh, tìm hiểu những công trình kiến trúc tiêu biểu của Mĩ thuật Đăk Nông và trình bày:

1. Nét đặc trưng của các công trình kiến trúc nhà ở của đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ và các dân tộc ít người tại Đăk Nông.
2. Nét đặc trưng của các công trình kiến trúc khác ở Đăk Nông.



Nhà dài truyền thống của đồng bào M'Nông.
Nếp nhà dài người M'Nông tại làng văn hóa



Đồng bào Ê Đê xã Tâm Thắng, huyện Cư Jút giữ
gìn nhà dài truyền thống



Nhà ngục Đắk Mil gắn liền với sự kiện lịch sử Nhà đày Buôn Ma Thuột-một di tích Quốc gia đã được công nhận ngày 10/7/1980 theo quyết định số 92/BVHTT.



Nhà dài thuộc cụm công trình kiến trúc "Nhà May Mắn Không Nô - Đắk Nông"



Di tích lịch sử Các địa điểm về phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp của đồng bào M'Nông do N'Trang Long lãnh đạo được công nhận là Di tích lịch sử cấp Quốc gia. (Theo Quyết định số 04/2007/QĐ-BVHTTDL, ngày 27/08/2007 của Bộ VHTT&DL)



(Địa chỉ 147 Quang Trung, Gia Nghĩa
Nguồn: Internet)

EM CÓ BIẾT

Tại Việt Nam, người M'Nông là một dân tộc trong số 54 dân tộc tại Việt Nam. Địa bàn cư trú của người M'Nông chủ yếu ở các huyện miền núi Tây Nam tỉnh Đắk Lắk, Đắk Nông, Quảng Nam, Lâm Đồng và Bình Phước (chiếm trên 99,3%) của Việt Nam, nhưng tập trung đông nhất là tại các huyện của tỉnh Đắk Nông. Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, các dân tộc anh em luôn chú trọng bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa, lịch sử, góp phần phát triển du lịch.



Luyện tập

Viết bài giới thiệu (khoảng 500 chữ) về một công trình kiến trúc có sự kết hợp giữa kiến trúc truyền thống và hiện đại trong xây dựng ở Đắk Nông hiện nay.



Vận dụng

Lựa chọn và mô phỏng một công trình kiến trúc của các dân tộc tại Đắk Nông mà em yêu thích.

BÀI 2. SÁNG TẠO MÔ HÌNH MỘT SỐ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG CỦA THÀNH PHỐ GIA NGHĨA TƯƠNG LAI

Yêu cầu cần đạt

- Chỉ ra được sự kết hợp hài hòa của hình khối, đường nét, màu sắc của kiến trúc với bối cảnh xung quanh của mô hình một công trình công cộng của thành phố Gia Nghĩa tương lai.
- Tạo được mô hình kiến trúc và cảnh vật mong muốn trong tương lai.
- Phân tích được nhịp điệu, sự hài hòa của hình khối, đường nét, màu sắc, không gian trong mô hình thành phố. Có ý thức giữ gìn vệ sinh, xây dựng môi trường sống xanh, sạch, đẹp.



Khởi động

Cùng cảm nhận vẻ đẹp của thành phố Gia Nghĩa qua tác phẩm âm nhạc và nhiếp ảnh.



Khám phá

Tìm hiểu kiến trúc một số mô hình công cộng trong thành phố Gia Nghĩa

Quan sát hình và tìm hiểu:

- Các dạng hình khối kiến trúc, tỉ lệ.
- Bối cảnh không gian xung quanh, màu sắc.



Mô hình Bảo tàng, thư viện, công viên tỉnh Đắk Nông (Nguồn: Internet)



*Mô hình Bảo tàng tự nhiên Công viên Địa chất núi lửa Krông Nô
(Nguồn: Internet)*



(Ảnh: Ngô Minh Phương)



Luyện tập

Cách tạo mô hình một công trình công cộng của thành phố Gia Nghĩa

Quan sát và chỉ ra cách tạo sản phẩm tương lai.



(Thành phố được tạo hình 4D, 2D – Nguồn: Internet)

1. Sắp xếp vị trí bố cục kiến trúc và không gian xung quanh.
2. Tạo quang cảnh phù hợp với kiến trúc.
3. Trang trí thêm nhân vật, phương tiện giao thông,... cho thành phố thêm sinh động.



Vận dụng

Tạo mô hình một công trình kiến trúc ở thành phố Gia Nghĩa trong tương lai

- Xây dựng ý tưởng về kiến trúc.
- Xác định cảnh vật phù hợp kiến trúc.
- Thực hiện sản phẩm theo ý thích: 2D, 3D, hoặc 4D.



(Ảnh: Lê Hùng)

Em hãy giới thiệu về sản phẩm của thành phố tương lai.

Mô hình kiến trúc nên có sự sắp xếp hài hòa giữa hình khối, màu sắc giữa kiến trúc với không gian sống, gần gũi với thiên nhiên và môi trường sạch, đẹp.

BÀI 3. CHÚNG EM LÀ ĐẠI SỨ

Yêu cầu cần đạt

- Lựa chọn và trưng bày được các sản phẩm ở các vị trí trong lớp.
- Nêu được các thể loại kiến trúc ở Đắk Nông và cách thể hiện.
- Giới thiệu và quảng bá được hình ảnh về kiến trúc ở Đắk Nông và những đặc trưng trong kiến trúc của Đắk Nông.

* Chuẩn bị

- Sưu tầm tranh, ảnh, mô hình kiến trúc ở Đắk Nông.
- Sản phẩm của học sinh.
- Băng dính, nội dung thuyết trình...



Khởi động

Một số hình thức giới thiệu sản phẩm.

- Trưng bày và giới thiệu sản phẩm.
- Mô phỏng và thuyết trình trên các phần mềm máy tính (powerpoint, đồ họa Coreldraw...).



Khám phá

Lựa chọn và phân loại sản phẩm

- Tập hợp, phân loại các sản phẩm.
- Lựa chọn sản phẩm trưng bày theo từng thể loại, theo nhóm để giới thiệu về sản phẩm.



Trung bày sản phẩm

- Xác định không gian trưng bày.
- Lựa chọn cách trưng bày sản phẩm phù hợp.
- Thực hiện trưng bày và giới thiệu sản phẩm của nhóm mình.



Gợi ý: Trưng bày theo nhóm hoặc cá nhân

Thuyết trình, giới thiệu sản phẩm.

- Giới thiệu về cá nhân, nhóm, sản phẩm của nhóm mình và cách thức thực hiện.
- Giới thiệu các mô hình kiến trúc ở địa phương.
- Ý tưởng, ý nghĩa thông điệp thể hiện qua sản phẩm.



Luyện tập

Đánh giá kết quả học tập:

- Tự đánh giá kết quả học tập của bản thân.
- Tham gia đánh giá kết quả học tập của các bạn.



Vận dụng

Chia sẻ thông điệp, ý nghĩa của nghệ thuật kiến trúc ở Đắk Nông trên các trang mạng xã hội, quảng bá hình ảnh đẹp của kiến trúc Đắk Nông.

CHỦ ĐỀ 6. TÌNH HÌNH LAO ĐỘNG, VIỆC LÀM VÀ MỘT SỐ MÔ HÌNH NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TẠI TỈNH ĐẮK NÔNG

Yêu cầu cần đạt

- Nêu được đặc điểm của nguồn lao động và việc làm ở tỉnh Đắk Nông.
- Trình bày được vai trò của khoa học và công nghệ đối với sự phát triển kinh tế nông nghiệp tỉnh Đắk Nông.
- Kể tên được một số mô hình nông nghiệp công nghệ cao tại tỉnh Đắk Nông.



Khởi động

Nguồn lao động và việc làm ở tỉnh Đắk Nông có đặc điểm gì? Chủ trương, chính sách của tỉnh đối với vấn đề lao động việc làm; thực trạng lao động, việc làm của tỉnh ra sao? Nền nông nghiệp 4.0 của tỉnh Đắk Nông đang có những bước phát triển như thế nào? Chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay.



Khám phá

1. Nguồn lao động và việc làm ở tỉnh Đắk Nông

1.1. Đặc điểm của nguồn lao động

Lực lượng lao động (hay còn gọi là dân số hoạt động kinh tế hiện tại) gồm những người từ đủ 15 tuổi trở lên có việc làm (đang làm việc) hoặc thất nghiệp trong thời kỳ tham chiếu (7 ngày trước thời điểm quan sát).

Số lao động đang làm việc (có việc làm) trong nền kinh tế: lao động đang làm việc (có việc làm) là tất cả những người từ đủ 15 tuổi trở lên, trong thời gian tham chiếu có làm bất cứ việc gì (không bị pháp luật cấm) từ 01 giờ trở lên để tạo ra các sản phẩm hàng hóa hoặc cung cấp các dịch vụ nhằm mục đích được nhận tiền công, tiền lương hoặc để thu lợi nhuận. Lao động đang làm việc (có việc làm) không bao gồm những người làm các công việc tự sản tự tiêu trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, tức là những người làm việc để tạo ra sản phẩm mà mục đích chủ yếu là để mình hoặc gia đình mình sử dụng.

Người đang làm việc (có việc làm) gồm cả những người không làm việc trong tuần nghiên cứu nhưng đang có một công việc (không bao gồm công việc tự sản tự tiêu) và vẫn gắn bó chặt chẽ với công việc đó (vẫn được trả lương/công trong thời gian không làm việc hoặc chắc chắn sẽ quay trở lại làm sau thời gian không quá 01 tháng).

Ngoài ra, những trường hợp cụ thể sau đây cũng được coi là người đang làm việc (có việc làm):

a) Người đang tham gia các hoạt động tập huấn, đào tạo hoặc các hoạt động nâng cao kỹ năng do yêu cầu của công việc;

b) Người học việc, tập sự (kể cả bác sĩ thực tập) làm việc và có nhận được tiền lương, tiền công;

c) Sinh viên/học sinh/người nghỉ hưu trong thời kỳ tham chiếu có làm một công việc (không bao gồm công việc tự sản tự tiêu) từ 01 giờ trở lên để tạo thu nhập;

d) Người đang tìm kiếm việc làm/người đăng kí hoặc người nhận bảo hiểm thất nghiệp nhưng trong thời kì tham chiếu có làm một công việc (không bao gồm công việc tự sản tự tiêu) từ 01 giờ trở lên để tạo thu nhập;

đ) Lao động gia đình: những người làm việc vì mục đích để nhận tiền công, tiền lương hoặc lợi nhuận nhưng các khoản tiền lương, tiền công và lợi nhuận đó có thể không trả trực tiếp mà được tích lũy vào thu nhập chung của gia đình.

Bảng 6.1. Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên phân theo giới tính và theo thành thị, nông thôn

Năm	2018	2019	2020	2021	2022
Tổng số (người)	367.358	363.118	369.478	389.072	391.848
Phân theo giới tính					
Nam	200.988	201.741	197.404	208.685	210.277
Nữ	166.370	161.377	172.074	180.387	181.571
Phân theo thành thị, nông thôn					
Thành thị	53.288	52.638	52.666	59.843	68.441
Nông thôn	314.070	310.480	316.812	329.229	323.407

(Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Đắk Nông năm 2022)

Tỉnh Đắk Nông có nguồn nhân lực dồi dào, có nhiều tiềm năng, thế mạnh về nguồn nhân lực trẻ, có nhiều việc làm và nguồn lực xuất khẩu lao động tương đối lớn; đặc biệt nhân lực trong độ tuổi lao động chiếm tỉ lệ cao (58,55%) trong dân số. Lực lượng lao động ở khu vực thành thị ngày càng tăng cùng với quá trình đô thị hóa.

Ngày 10/8/2011, Tỉnh ủy Đắk Nông ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TU, về phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2011 - 2015, định hướng đến năm 2020. Sau hơn 10 năm thực hiện Chương trình phát triển nguồn nhân lực, tỉ lệ lao động qua đào tạo của tỉnh ngày càng tăng, tỉ lệ thiếu việc làm ở khu vực nông thôn tiếp tục giảm, cơ cấu kinh tế có bước chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, tăng dần tỉ trọng lao động trong lĩnh vực công nghiệp, xây dựng, dịch vụ và giảm dần trong lĩnh vực nông lâm nghiệp. Chất lượng lao động có xu hướng tăng. Số lượng lao động có trình độ văn hóa từ trung học cơ sở trở lên và số lượng người được đào tạo nghề tăng qua các năm. Khả năng tiếp thu, ứng dụng khoa học, kĩ thuật vào trong sản xuất có nhiều chuyển biến tích cực. Lực lượng lao động có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất các cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao, sẵn sàng nắm bắt cơ hội, học hỏi ứng dụng các mô hình nông nghiệp, nông thôn mới.

(Nguồn: <http://sldtbxh.daknong.gov.vn/nhung-co-hoi-va-thach-thuc-trong-linh-vuc-viec-lam-va-dao-tao-nguon-nhan-luc-cua-tinh-dak-nong-hien-nay>)

Tuy nhiên, số lượng lao động có trình độ chuyên môn cao nhìn chung còn thấp, nhất là ở các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số.

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của toàn tỉnh năm 2022 đạt 391.848 người, tăng 2.776 người so với năm 2021, trong đó lao động nam chiếm 53,66%; lao động nữ chiếm 46,34%; lực lượng lao động ở khu vực thành thị chiếm 17,47%; lực lượng lao động ở nông thôn chiếm 82,53%.

Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong các ngành kinh tế năm 2022 đạt 389.373 người, tăng 2.611 người so với năm 2021, trong đó: lao động khu vực kinh tế ngoài Nhà nước cao nhất với 365.675 người, chiếm 93,91% trong tổng số lao động đang làm việc toàn tỉnh; khu vực kinh tế đầu tư nước ngoài thấp nhất với 287 người, chiếm 0,07%.

(Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Đắk Nông năm 2022)



1. Em hiểu thế nào là lực lượng lao động?
2. Dựa vào bảng 6.1, em hãy nêu nhận xét về lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên phân theo giới tính và theo thành thị, nông thôn trong giai đoạn 2018 đến 2022.
3. Em hãy nêu những đặc điểm chính của nguồn lao động ở tỉnh Đắk Nông.

1.2. Việc làm

Tỉ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 14,73% (thấp hơn mức 15,40% của năm 2021), trong đó lao động đã qua đào tạo khu vực thành thị đạt 36,76%; khu vực nông thôn đạt 10,06%.

Tỉ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động là 0,64%, trong đó: khu vực thành thị 0,58%; khu vực nông thôn 0,66%. Tỉ lệ thiếu việc làm của lực lượng lao động trong độ tuổi là 1,06%, trong đó: khu vực thành thị 0,97%; khu vực nông thôn 1,08% (số liệu năm 2022).

Tỉ lệ lao động qua đào tạo tăng chậm, trong đó tỉ lệ qua đào tạo nghề còn ít, thiếu lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật. Cơ sở hạ tầng chưa hoàn chỉnh và đồng bộ. Đời sống của Nhân dân còn nhiều khó khăn, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

EM CÓ BIẾT

Hàng năm nhu cầu giải quyết việc làm của tỉnh khoảng 18.000 lượt lao động/năm. Tuy nhiên, thực trạng kinh tế xã hội của tỉnh chỉ đáp ứng được hơn 50% nhu cầu giải quyết việc làm của người lao động, số còn lại đi làm việc ngoại tỉnh, tập trung nhiều nhất tại các tỉnh miền Đông Nam Bộ. Các tỉnh lân cận và các tỉnh miền Đông Nam Bộ đã thu hút một lượng lớn lực lượng lao động tỉnh Đắk Nông dịch chuyển sang làm việc tại các khu công nghiệp, đây là thách thức đối với tỉnh trong việc giữ chân lao động, đặc biệt là lao động có tay nghề.

Nguồn lao động phổ thông hiện tại trên địa bàn tỉnh vẫn chiếm số đông; trình độ học vấn, trình độ chuyên môn thấp đã làm cho cơ hội tìm kiếm việc làm của người lao động của tỉnh trong bối cảnh hội nhập quốc tế trở nên bấp bênh hơn ngay ở trong nước.

Công tác giải quyết việc làm cho người lao động tiếp tục là vấn đề bức xúc, cung vẫn lớn hơn cầu lao động; đặc biệt khi quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đô thị hóa diễn ra với tốc độ cao, nếu chất lượng và cơ cấu lao động nông thôn không chuyển dịch theo kịp yêu cầu phát triển, lao động làm công ăn lương không tăng nhanh sẽ có nguy cơ tăng thất nghiệp không chỉ ở thành thị mà còn ở cả khu vực nông thôn.

Nhu cầu sử dụng lao động đã qua đào tạo, nhất là lao động có chuyên môn kỹ thuật, nhân lực chất lượng cao phục vụ cho phát triển công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp khai khoáng của Đắk Nông hiện tại rất cần thiết. Tuy nhiên lao động của tỉnh đáp ứng được yêu cầu chiếm tỉ lệ thấp. Lao động tham gia thị trường xuất khẩu lao động còn hạn chế, chủ yếu là lao động phổ thông chiếm 90%.

Chất lượng lao động nói chung còn thấp, thiếu lao động lành nghề, thiếu các chuyên gia kỹ thuật giỏi, thiếu cán bộ khoa học kỹ thuật đầu ngành ở hầu hết các ngành kinh tế và kỹ thuật then chốt. Tỉ lệ lao động qua đào tạo thấp hơn mức bình quân chung của cả nước. Đây là nguyên nhân chính, cơ bản ảnh hưởng đến việc tổ chức đào tạo nghề cho người lao động và việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trong sản xuất.

Hiện tượng biến đổi khí hậu đã và đang diễn ra mạnh mẽ, gây nhiều trở ngại cho kinh tế, đặc biệt là ngành nông nghiệp với phần lớn các lao động đang làm việc trong khu vực này. Điều này đặt ra thách thức rất lớn cho tỉnh trong việc tính toán chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi kèm theo chuyển dịch cơ cấu lao động nhằm giảm tối thiểu các tác động từ biến đổi khí hậu, đồng thời chủ động ứng phó chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng phi nông nghiệp.

(Nguồn: <http://sldtbxh.daknong.gov.vn/nhung-co-hoi-va-thach-thuc-trong-linh-vuc-viec-lam-va-dao-tao-nguon-nhan-luc-cua-tinh-dak-nong-hien-nay>)

Công tác đẩy mạnh phát triển kinh tế, thu hút đầu tư để tạo việc làm:

Tiếp tục thực hiện cơ chế, chính sách để huy động các nguồn lực trong tỉnh, nguồn lực của các nhà đầu tư trong nước, nước ngoài vào các ngành nghề, lĩnh vực mà tỉnh có lợi thế, tạo ra giá trị gia tăng cao, thu hút nhiều lao động.

Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp để tạo việc làm mới, đồng thời ổn định việc làm thông qua xây dựng mối quan hệ hài hòa trong doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh.

Phát triển hệ thống dịch vụ việc làm làm cơ sở vững chắc cung cấp dịch vụ lao động trên địa bàn, nguồn nhân lực chất lượng cao cho doanh nghiệp.

Thực hiện tốt chính sách tín dụng việc làm nhằm tạo việc làm thông qua hoạt động cho vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm và từ các tổ chức tín dụng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, tạo việc làm.

Tăng cường công tác tuyên truyền và đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Hỗ trợ phát triển thị trường lao động, đẩy mạnh công tác dự báo và thông tin thị trường lao động.

Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Đào tạo nghề gắn với nhu cầu xã hội, gắn với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện có hiệu quả các Chương trình Mục tiêu Quốc gia trên địa bàn tỉnh góp phần phát triển giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm, sinh kế bền vững cho người lao động.

(Theo Báo cáo kết quả thực hiện công tác Lao động - Thương binh và Xã hội giữa nhiệm kỳ 2021-2025)

Số lao động được tạo việc làm mới và việc làm tăng thêm trong năm 2023 là 18.498 lượt người, đạt 101,64% so với kế hoạch năm, bằng 88,44% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó: số lao động được tạo việc làm mới và việc làm tăng thêm trong nước là 17.896 lượt người, chiếm 96,74% tổng số lao động được tạo việc làm; số lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng (xuất khẩu lao động) khoảng 602 người, đạt 301% so với kế hoạch năm, chiếm 3,26% số lao động được tạo việc làm.

(Nguồn: <https://daknong.gov.vn/tin-noi-bat/cong-bo-so-lieu-thong-ke-kinh-te-xa-hoi-tinh-dak-nong-nam-2023>)



1. Theo em, trong những nguyên nhân kể trên thì đâu là nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng thiếu việc làm ở địa phương em hiện nay?
2. Em hãy nêu giải pháp trọng tâm về công tác Lao động, việc làm và Giáo dục nghề nghiệp ở tỉnh Đắk Nông?

Nông nghiệp công nghệ cao dần trở thành xu hướng tất yếu hiện nay. Mô hình công nghệ trong nông nghiệp là một nền nông nghiệp được ứng dụng kết hợp những công nghệ mới hiện đại như: Công nghệ thông tin; Công nghệ sinh học; Internet; Máy bay không người lái Drone; Robot tự động hóa, Cơ giới hóa; Hệ thống tưới nước tự động;... vào quá trình sản xuất, canh tác và thu hoạch sản phẩm của nhà nông. Mục đích của việc áp dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất là tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng nông sản, thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của xã hội và đảm bảo sự phát triển nông nghiệp nước nhà.

Hiện nay có rất nhiều mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đang được ứng dụng và mang lại hiệu quả kinh tế cho nông dân như: Mô hình trồng rau trong nhà kính; Mô hình trồng dưa lưới ứng dụng công nghệ cao; Mô hình nông nghiệp sử dụng máy bay không người lái,...

2. Một số mô hình nông nghiệp công nghệ cao



1. Em hãy kể tên một số công nghệ hiện đại được ứng dụng trong sản xuất nông nghiệp.
2. Em hãy kể tên một số mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hiện nay mà em biết.

Theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2030, định hướng đến năm 2035.

1. Quan điểm

- Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Đắk Nông gắn liền với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và quy hoạch tổng thể phát triển ngành và địa phương của tỉnh.
- Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Đắk Nông tập trung vào nhiệm vụ ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa có giá trị kinh tế cao là thế mạnh của tỉnh, vì mục tiêu hiệu quả kinh tế là chính.

2. Mục tiêu:

- Giai đoạn 2021-2025
- + Hình thành và phát triển 20 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nâng tổng số vùng lên 23 vùng vào năm 2025.
- + Đưa giá trị sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025 chiếm từ 20-25% trong giá trị sản xuất nông nghiệp của tỉnh.

- Giai đoạn 2026-2030

+ Hình thành và phát triển thêm 20 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nâng tổng số lên 43 vùng vào năm 2030. Đưa giá trị sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2030 chiếm từ 35-40% trong giá trị sản xuất nông nghiệp của tỉnh.

- Giai đoạn 203 -2035

+ Hình thành và phát triển thêm 12 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao mới, nâng tổng số lên 55 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao vào năm 2035.

+ Đưa tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chiếm ít nhất 60-70% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp của tỉnh.

Thực hiện các nội dung Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, tính đến năm 2022, tỉnh xây dựng được 01 Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại thành phố Gia Nghĩa và công nhận 04 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với tổng diện tích là 2.423 ha. Trong số này, có 02 vùng sản xuất hồ tiêu ở huyện Đắk Song gồm xã Thuận Hà (416 ha) và xã Thuận Hạnh (1.133 ha). Hai vùng còn lại là vùng sản xuất cà phê tại xã Thuận An (huyện Đắk Mil), với diện tích 335 ha và vùng sản xuất lúa tại xã Buôn Choánh (huyện Krông Nô), diện tích gần 550 ha.



Hình 6.1. Đo độ PH và các chất dinh dưỡng trong nước
(Nguồn: <https://baodaknong.vn>)



Hình 6.2. Ứng dụng công nghệ để tối ưu hóa hiệu quả kinh tế trong sản xuất
(Nguồn: <https://baodaknong.vn>)

Tổng sản lượng sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hàng năm của Đắk Nông ước đạt trên 404.000 tấn. Sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giúp giảm thiểu nhân công lao động phổ thông (trên 60% công lao động so với sản xuất thủ công trước đây).

Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao góp phần nâng cao thu nhập cho người dân, thúc đẩy tái cơ cấu nông nghiệp. Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao từng bước phát huy lợi thế, nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa, mở ra hướng phát triển du lịch nông trại ở Đắk Nông. Hiện nay, sản xuất nông nghiệp chiếm khoảng 40% tỷ trọng trong nền kinh tế của tỉnh. Sản phẩm nông nghiệp ngày càng đa dạng, phong phú, sản lượng hàng hóa xuất khẩu ngày càng tăng, một số sản phẩm nông nghiệp tỉnh Đắk Nông đã xuất khẩu qua các thị trường khó tính của thế giới như: EU, Nhật Bản và được trưng bày bán tại các siêu thị trong nước.



Hình 6.3. Vùng sản xuất hồ tiêu ứng dụng công nghệ cao (Nguồn: <https://baodaknong.vn>)



Hình 6.4. Vùng sản xuất cà phê ứng dụng công nghệ cao (Nguồn: <https://baodaknong.vn>)



Hình 6.5. Vùng sản xuất lúa tại xã Buon Choáh, huyện Krông Nô (Nguồn: <https://baodaknong.vn>)

 Em hãy cho biết tỉnh Đắk Nông có những vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao nào được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận đạt tiêu chuẩn?

Tìm hiểu Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Đắk Nông

Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Đắk Nông nằm tại thôn Nam Rạ, xã Đắk Nia, thành phố Gia Nghĩa, có quy mô diện tích hơn 120 ha. Thời gian qua, được sự quan tâm chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đang tiếp tục được hoàn thiện hạ tầng như hệ thống cấp nước, hệ thống điện. Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với tổng kinh phí 15 tỉ đồng, thuộc nguồn ngân sách tỉnh.



Hình 6.6. Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Đắk Nông (Nguồn: <https://baodaknong.vn>)

Trong tương lai gần, Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao dự kiến sẽ là nơi có nhiều mô hình trình diễn để du khách, người dân tham quan, học tập kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp công nghệ cao. Đồng thời từng bước trở thành “đầu tàu” trong việc thúc đẩy ngành nông nghiệp của tỉnh phát triển có chiều sâu, bền vững; tạo việc làm mới cho nhiều lao động tại địa phương; tạo chuỗi liên kết cho nông sản; là nơi nghiên cứu các công nghệ bảo quản lâu dài cho các sản phẩm nông nghiệp...



Hình 6.7. Mô hình dưa lê áp dụng hệ thống tưới nhỏ giọt tại khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Đắk Nông (Nguồn: <https://baodaknong.vn>)



Các em hãy thảo luận nhóm và cho biết vai trò của Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Đắk Nông là gì?



Luyện tập

1. Kể tên các việc làm cụ thể mà địa phương em đang triển khai nhằm góp phần giải quyết việc làm cho người lao động.
2. Em hãy cho biết phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã mang lại giá trị sản xuất như thế nào cho nông dân tỉnh Đắk Nông?



Vận dụng

1. Viết một báo cáo ngắn nói về bản thân cần làm gì để góp phần phát triển nguồn lao động của tỉnh Đắk Nông.
2. Để ngành nông nghiệp địa phương phát triển theo định hướng ứng dụng công nghệ cao, gắn liền với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp. Theo em công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn lực lao động cần có giải pháp nào?

CHỦ ĐỀ 7. ĐỜI SỐNG ÂM NHẠC Ở TỈNH ĐẮK NÔNG

Yêu cầu cần đạt

- Hát đúng giai điệu, lời ca bài *Tây Nguyên tháng ba về*; thể hiện được tính chất âm nhạc của bài hát, biết gõ đệm ở nhiều hình thức khác nhau hoặc vận động cơ thể phù hợp với giai điệu bài hát.
- Biết được những thông tin cơ bản về hoạt động âm nhạc và những đóng góp của một số nhạc sĩ ở tỉnh Đắk Nông đối với âm nhạc địa phương.
- Nghe và nêu được cảm nhận về trích đoạn, tác phẩm được nghe.
- Biết dàn dựng, sáng tạo được hình thức biểu diễn theo nhóm và thực hành được hình thức hát bè.

BÀI 1.

Hát: **TÂY NGUYÊN THÁNG BA VỀ**



Khởi động

Giáo viên giới thiệu và cho học sinh nghe một tác phẩm âm nhạc thiếu nhi mang âm hưởng Tây Nguyên và nêu được cảm nhận tác phẩm sau khi nghe.



Khám phá

Tây Nguyên tháng ba về là bài hát có nhịp điệu nhẹ nhàng với giai điệu trong sáng, tha thiết. Bài hát được tác giả khắc họa khung cảnh núi rừng Tây Nguyên tháng ba về, nơi có tiếng công chiêng, tiếng đàn T'rưng, dòng suối róc rách, nhịp xoang Tây Nguyên, có điệu hát Ayray truyền thống, nơi có bầy ong đi tìm mật... hòa quyện với nhau tạo nên bức tranh hùng vĩ của núi rừng Tây Nguyên.

Bài hát còn thể hiện niềm tin và ước mơ của những người con Tây Nguyên với khát vọng buôn làng có một cuộc sống tươi đẹp, ấm no hạnh phúc và khát khao ý chí vươn lên trong cuộc sống.

Bài hát được viết ở giọng Đô trưởng (C-dur); có cấu trúc gồm hai đoạn nhạc được chia thành 8 câu hát.

+ Đoạn 1: Tháng ba về... đêm hội vui.

+ Đoạn 2: Công ngân vang... em mang cả đại ngàn.

Kết bài ở câu "*Gùi đựng đinh, em mang cả đại ngàn*".

TÂY NGUYÊN THÁNG BA VỀ

Nhẹ nhàng - Tha thiết - T: 115

Nhạc và lời: **Đặng Quang Kiên**

(Nhạc dạo)

Tháng ba về trên Tây Nguyên xanh. Hương đại ngàn hương
Tháng ba về trên Tây Nguyên xanh. Hoa rộn ràng hoa

tỏa khắp núi rừng. Ngàn thông xanh ca hát cùng nhịp chiêng. Đàn ong
nở khắp buôn làng. Người Tây Nguyên múa hát hòa vòng Xoang...

vàng hổi hã tìm mật thơm. ...Lửa bập bùng cháy sáng đêm hội

vui. Cồng ngân vang nơi Tây Nguyên đại
Trời Tây Nguyên trong xanh nơi đại

ngàn. Đàn T' rung reo hòa dòng suối hát theo.
ngàn. Cà phê thơm hương mừng ngày tới ấm no.

Nơi buôn làng ngôi trường tương lai tươi sáng.
Em theo mẹ lên đồi lên nương rẫy.

Điệu Ay - ray em hát giữa trời mây.
Gùi đựng đinh em... ...mang cả đại ngàn.

Để kết.
Gùi đựng đinh em mang cả đại ngàn.

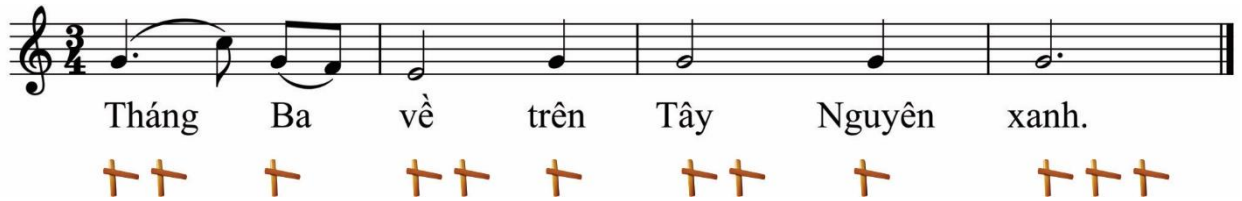


1. Nêu cảm nhận của em khi nghe bài hát *Tây Nguyên tháng ba về*.
2. Bài hát có cấu trúc gồm mấy đoạn và được chia thành mấy câu hát.



Luyện tập

Tập hát từng câu kết hợp gõ đệm theo phách.



1. Nêu ý nghĩa, nội dung của bài hát *Tây Nguyên tháng ba về*.

2. Bài hát *Tây Nguyên tháng ba về* tác giả đã nhắc đến những hình ảnh nào của núi rừng Tây Nguyên. Chọn hình ảnh có trong bài, vẽ một bức tranh khắc họa khung cảnh, không gian thiên nhiên của núi rừng Tây Nguyên để trưng bày trong tiết ôn tập kết thúc chủ đề.



Vận dụng

Hát theo các hình thức

Nối tiếp:

Nhóm 1: Tháng ba về... tìm mật thơm.

Nhóm 2: Tháng ba về... đêm hội vui.

Nhóm 1: Công dân vang... hát theo.

Nhóm 2: Nơi buôn làng... giữa trời mây.

Hòa giọng: Trời Tây Nguyên... cả đại ngàn.



Qua cảm nhận của em về bài hát *Tây Nguyên tháng ba về*, hãy minh họa động tác phù hợp cho bài hát (sử dụng trong tiết học sau).

BÀI 2.

Thường thức âm nhạc: **NHỮNG THÀNH TỰU NỔI BẬT CỦA MỘT SỐ NHẠC SĨ Ở TỈNH ĐẮK NÔNG.**

Nghệ nhạc: **NHỮNG TÁC PHẨM TIÊU BIỂU CỦA MỘT SỐ NHẠC SĨ Ở TỈNH ĐẮK NÔNG.**



Khởi động

Lắng nghe và vận động cơ thể theo nhịp điệu bài hát *Tây Nguyên tháng ba về* đã chuẩn bị ở tiết trước.



Khám phá

1. Những thành tựu nổi bật của một số nhạc sĩ ở tỉnh Đắk Nông

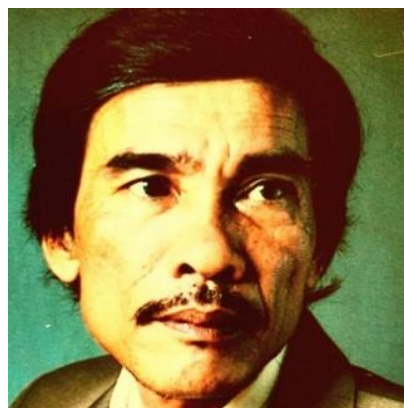
Tỉnh Đắk Nông được tái thành lập vào ngày 01 tháng 01 năm 2004. Ngay từ ngày tái thành lập đến nay tỉnh Đắk Nông không ngừng phát triển về mọi mặt như kinh tế - xã hội, văn hóa, giáo dục, y tế,...

Tỉnh Đắk Nông có khoảng 40 dân tộc anh em cùng chung sống trên vùng đất Cao nguyên M'Nông hùng vĩ. Với sự giao thoa văn hóa giữa các dân tộc, điều đó ít nhiều cũng đã ảnh hưởng trực tiếp đến chất liệu âm nhạc và trở thành tiếng nói chung của con người Đắk Nông. Song song với việc phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa, giáo dục, y tế,... âm nhạc cũng được phát triển mạnh mẽ. Trong những năm qua, bằng tình yêu âm nhạc và lòng nhiệt huyết với vùng đất Cao nguyên M'Nông hùng vĩ mà mình đang sống, các nhạc sĩ ở tỉnh Đắk Nông đã nỗ lực và đạt được những thành tựu to lớn trong sáng tác cũng như biểu diễn, tiêu biểu như: Nghệ sĩ ưu tú - nhạc sĩ Võ Cường, Kiến trúc sư - nhạc sĩ Nguyễn Quốc Học, Nhạc sĩ Quốc Vinh,...

Trong số những nhạc sĩ nêu trên thì Nghệ sĩ ưu tú – nhạc sĩ Võ Cường và Kiến trúc sư – nhạc sĩ Nguyễn Quốc Học là hai cái tên đáng chú ý trong nền âm nhạc của tỉnh Đắk Nông.

1.1. Nghệ sĩ ưu tú - nhạc sĩ Võ Cường (Võ Văn Cường)

Nghệ sĩ ưu tú – nhạc sĩ Võ Cường có tên đầy đủ là Võ Văn Cường. Ông được mệnh danh là người “gửi tình yêu Đắk Nông qua từng ca khúc”. Âm nhạc của ông mang đậm âm hưởng dân ca và hơi thở của núi rừng Tây Nguyên với nội dung ca ngợi mảnh đất hoang sơ hùng vĩ, ca ngợi về lòng nhân ái, tình yêu thương con người, tình yêu thiên nhiên, tình yêu đôi lứa,...



Hình 7.1. NSUT– Nhạc sĩ Võ Cường
(Ảnh: Huỳnh Quốc Tú - Giáo viên Trường THCS Cao Bá Quát, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông)

Những tác phẩm tiêu biểu của nhạc sĩ có thể kể đến như: *Đắk Nông và em, Lời ru Bu Noong, Tiếng đàn Goong Lú, Công chiêng M'Nông, Trên đỉnh Nậm Nung ta*

hát, Giấc mơ mùa thu cao nguyên,... đặc biệt là vở nhạc kịch Những người con của núi.

Nhiều tác phẩm của ông được chọn đi dự thi trong nước và quốc tế như: *Công Chiêng M'Nông, Lời ru Bu Noong và Tiếng đàn Goong Lú.*

Có thể nói Nghệ sĩ ưu tú - nhạc sĩ Võ Cường đã thổi luồng sức sống mới trong sáng tạo nghệ thuật, góp phần làm phong phú hơn cho nền văn hóa nghệ thuật của Đắk Nông.

1.2. Kiến trúc sư - nhạc sĩ Nguyễn Quốc Học

Nhắc đến Kiến trúc sư - nhạc sĩ Nguyễn Quốc Học ta không thể không nhắc đến người nhạc sĩ có cái tâm, những ước mơ hoài bão với mong muốn âm nhạc tình nhà được lan tỏa, có sức sống và được nhiều người biết đến, vì nhạc sĩ là người sinh ra và lớn lên trên mảnh đất Cao nguyên M'Nông - Đắk Nông. Với sự kết hợp tài tình giữa âm nhạc dân gian và âm nhạc hiện đại, nhạc sĩ Nguyễn Quốc Học đã cho ra đời nhiều tác phẩm mang đậm nét văn hóa đặc trưng của vùng đất Cao nguyên M'Nông hùng vĩ được thể hiện qua từng ca từ và giai điệu.

Những tác phẩm của nhạc sĩ Nguyễn Quốc Học chủ yếu viết về văn hóa của con người nơi đây, thể hiện tình yêu thương con người, ca ngợi những giá trị văn hóa, lòng bao dung và phát triển... Với chất liệu âm nhạc nhẹ nhàng, sâu lắng, giàu cảm xúc, dễ đi vào lòng người đã chinh phục được nhiều trái tim yêu âm nhạc.

Những tác phẩm tiêu biểu của ông như: *Đắk Nông chiều nhớ, Cung thu mưa, Miền đất thơ, Nắng tháng ba, Màu chiều rắng đỏ, Đồi vàng...* Đặc biệt, tác phẩm *Trường ca Đắk Nông* là bản trường ca đầu tiên của tỉnh Đắk Nông.

Điều đặc biệt ở nhạc sĩ Nguyễn Quốc Học mà chưa có nhạc sĩ nào làm được là đã sáng tác nhiều ca khúc về các địa danh, vùng miền của Việt Nam. Tháng 10 năm 2023 nhạc sĩ đã cho ra mắt album âm nhạc *Lời ca theo hình đất nước* gồm 35 ca khúc viết về địa danh, vùng miền Việt Nam, nhạc sĩ đã được Tổ chức Kỷ lục Việt Nam xác lập kỷ lục là người “*sáng tác ca khúc về địa danh, vùng miền và sự kiện văn hóa Việt Nam nhiều nhất*”.



Hình 7.2. KTS – nhạc sĩ Nguyễn Quốc Học
(Ảnh: Nguyễn Thị Thu Hiền - Giáo viên Trường THCS Ngô Quyền, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông)



Hình 7.3. Xác lập kỷ lục
(Ảnh: Nguyễn Thị Thu Hiền - Giáo viên Trường THCS Ngô Quyền, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông)

1.3. Nhạc sĩ Quốc Vinh (Phan Văn Vinh)

Nhạc sĩ Quốc Vinh tên thật là Phan Văn Vinh hiện đang công tác tại Đoàn Ca Múa Nhạc tỉnh Đắk Nông, hoạt động chủ yếu ở lĩnh vực sáng tác, hòa âm, phối khí, nghiên cứu văn hóa dân gian cho Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hiệp quốc với những sáng tác tiêu biểu như: *Chiêng vũ gọi anh*, *Sức trẻ Đắk Nông*, *Khát vọng Đắk Nông*, *Không Nô quê tôi bên sông*, *Đắk Mil chào ngày mới...*



Hình 7.4. Nhạc sĩ Quốc Vinh
(Ảnh: Phạm Thị Len - Giáo viên
Trường THCS Trần Phú, TP
Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông)

Nhạc sĩ Quốc Vinh đã đạt nhiều giải thưởng trong các cuộc thi Văn học nghệ thuật. Đáng chú ý là tác phẩm *Men say Đắk Nông* (Ý thơ: Nguyễn Quốc Học) của nhạc sĩ đạt giải nhất trong hội thi sáng tác ca khúc về Đắk Nông lần thứ nhất năm 2021 - 2022 do Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Đắk Nông tổ chức, tác phẩm *Chiêng vũ gọi anh* đạt giải B tại Liên hoan Âm nhạc toàn quốc năm 2018.

Tuy mỗi nhạc sĩ có hướng đi riêng trong việc sáng tác và hoạt động âm nhạc nhưng đó là tất cả những tâm huyết và lòng say mê mà các nhạc sĩ đã đóng góp và mang lại những thành tựu to lớn cho nền âm nhạc tỉnh Đắk Nông.



1. Nêu những hiểu biết của mình về những thành tựu âm nhạc của một số nhạc sĩ ở Đắk Nông.

2. Hãy kể tên những tác phẩm tiêu biểu của một số nhạc sĩ ở Đắk Nông.

2. Những tác phẩm tiêu biểu của một số nhạc sĩ ở tỉnh Đắk Nông

Giáo viên giới thiệu cho học sinh nghe một vài tác phẩm của một số nhạc sĩ ở tỉnh Đắk Nông.

2.1. Ca khúc Đắk Nông và em - sáng tác Nghệ sĩ ưu tú – nhạc sĩ Võ Cường

ĐẮK NÔNG VÀ EM

Nồng nhiệt ♩ = 130 *Nhạc và lời: Võ Cường*

Ta gặp nhau, khi hoàng hôn, vàng nắng nhẹ
vương trên lưng đồi. Hương tình say, men rượu cay, cháy lên tình
yêu của tôi. Chiều phở núi, giọt nắng cuối. Đắk Nông bình
yên dịu êm. Người mới đến, lòng đã mến, Đắk Nông thăm
xanh rừng ngàn. Lắng nghe thông reo vi vu. Lắng
nghe xôn xao đồi cỏ. Lắng nghe âm vang Năm Nung.
Xôn xang Krông Nô trào dâng! Đắk Nông mệnh mang
Đắk Nông ơi, tôi
xanh xanh núi đồi. Nắng theo mây mê say câu tình ca.
yêu em mất rồi. Suối Đắk R'Tiê hát ru, ru tình em.
Gió ngắt ngây suối tóc em buông dài. Để tôi
Mắt đóng đưa, em trao tôi nụ cười. Đắk Nông...
1. yêu, tôi yêu em nồng say. 2. ...ơi, tôi say tình em.



Hãy nêu cảm nhận của em sau khi nghe ca khúc *Đắk Nông và em*.

2.2. Ca khúc Đắc Nông chiều nhớ - sáng tác Kiến trúc sư - nhạc sĩ Nguyễn Quốc Học

ĐẮC NÔNG CHIỀU NHỚ

Phong cách Tây Nguyên - nhẹ nhàng. Nhạc và lời: Nguyễn Quốc Học

Mênh mang bầu nước cạn, sương giăng phủ bao tàng. Áp lưng dịu mẹ hát, con ngủ trên dốc đung đưa. Lời cha, đêm Ót N'rong mơ màng. Vòng xoang, điệu Bu Noong dịu dàng. Hương lan rừng hoa đưa suối tóc lấm bụi đường có mềm bước chân. (Nhạc dạo.....) Và cơn gió đến từ núi cao, hồ nước xanh in dáng núi Tà Đùng đỉnh Năm Nung bóng mây thấp dần. Thác dâng trào từ đáy sông Cha. Em Anh lời ru của rừng, màu hoa quý tìm em đại ngàn, cả thê nông... 1. vàng thắm tám ròn mưa tuôn. Trắng đồi vàng, hoa rơi vai áo con dốc 2. nào mở lối tin yêu. ...nàn ẩm mãi nụ hôn màu trắng rừng rồi những lúc tiếng lòng xốn xang giọt nắng rơi nhưng nhớ đông đây. Người yêu ơi Đắc Nông anh hát. Đứng ven đồi bao nỗi đầy vui.



Hãy nêu cảm nhận của em sau khi nghe ca khúc *Đắc Nông chiều nhớ*.



Luyện tập

Nghe và vận động theo nhịp điệu bài hát *Đắc Nông* và em và bài hát *Đắc Nông chiều nhớ*.



Vận dụng

Em hãy sưu tầm một số bài hát về các địa phương của tỉnh Đắc Nông.

BÀI 3. DÀN DỰNG VÀ BIỂU DIỄN BÀI HÁT



Khởi động

Học sinh lắng nghe một tác phẩm âm nhạc thiếu nhi dưới hình thức hát múa hoặc hát tập ca.



Khám phá

Xây dựng hình thức biểu diễn bài hát

Giáo viên lựa chọn 1 trong 4 hình thức dưới đây và hướng dẫn cho học sinh xây dựng hình thức biểu diễn bài hát.



Hát đơn ca



Hát tập ca



Hát kết hợp gõ đệm



Hát kết hợp vận động



Luyện tập

Học sinh thực hành hát bè giai điệu sau.

Giáo viên chia lớp thành 2 nhóm và hướng dẫn cho học sinh thực hành rập 2 bè trích đoạn bài *Tây Nguyên tháng ba về*.

+ Nhóm 1: Hát bè chính.

+ Nhóm 2: Hát bè phụ.

(Sau đó đổi nhóm; nhóm 1 hát bè phụ, nhóm 2 hát hát bè chính).



Học sinh thực hành lựa chọn 1 trong 4 hình thức biểu diễn để thực hiện bài hát *Tây Nguyên tháng ba về*.



Vận dụng

Học sinh biểu diễn bài hát *Tây Nguyên tháng ba về* theo hình thức biểu diễn tự chọn.

BÀI 4. ÔN TẬP CHỦ ĐỀ - VẬN DỤNG SÁNG TẠO



Khởi động

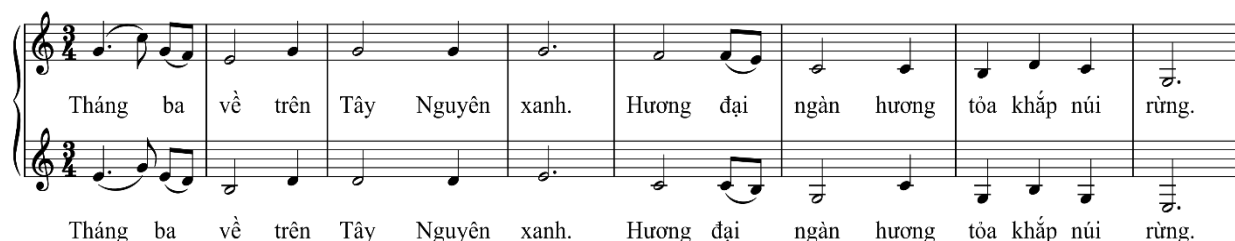
Học sinh biểu diễn bài hát *Tây Nguyên tháng ba về* theo hình thức biểu diễn đã chọn ở tiết trước.



Luyện tập

Ôn tập chủ đề - Vận dụng sáng tạo

1. Các nhóm trưng bày bức tranh về Tây Nguyên qua hình ảnh trong bài *Tây Nguyên tháng ba về* đã chuẩn bị ở tiết trước.
2. Các nhóm thực hiện luyện tập hát bè theo trích đoạn bài hát *Tây Nguyên tháng ba về*.



3. Thảo luận và thuyết trình theo nhóm các nội dung sau đây:

Nhóm 1: Nêu những hiểu biết của mình về những thành tựu âm nhạc của một số nhạc sĩ ở Đắk Nông.

Nhóm 2: Hãy kể tên những tác phẩm tiêu biểu của một số nhạc sĩ ở Đắk Nông.

Nhóm 3: Nêu cảm nhận của mình khi học xong bài hát *Tây Nguyên tháng ba về*.

Nhóm 4: Hãy nêu cảm nhận của mình khi nghe bài hát *Đắk Nông và em* và bài *Đắk Nông chiều nhớ*.

Các nhóm lắng nghe, nhận xét và góp ý cho nhóm bạn.



Vận dụng

1. Biểu diễn sáng tạo một số động tác phù hợp minh họa cho bài hát *Tây Nguyên tháng ba về* đã chuẩn bị ở tiết trước.
2. Chia sẻ những thành tựu âm nhạc của một số nhạc sĩ ở tỉnh Đắk Nông đến cộng đồng mà em đang sinh sống.